



# BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG  
TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ  
BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM



# MỤC LỤC

<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>4</b>
<b>TỔNG QUAN</b>	<b>5</b>
<b>CHƯƠNG I: BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM</b>	<b>7</b>
1.1 Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh quốc tế	8
1.2 Bảo tồn đa dạng sinh học tại Việt Nam	8
<b>CHƯƠNG II: VAI TRÒ VÀ SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO TỒN ĐDSH VÀ BẢO VỆ ĐVHD</b>	<b>11</b>
2.1 Khái niệm	12
2.2 Xu thế tham gia của TCXH và TCCĐ	14
2.3 Vai trò của các TCXH trong bảo tồn ĐDSH, bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam	14
2.4 Vai trò của TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam	17
<b>CHƯƠNG III: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO VỆ ĐVHD</b>	<b>19</b>
3.1 Bài học kinh nghiệm và thực hành tốt của các TCXH	20
3.2 Bài học kinh nghiệm và thực hành tốt của các TCCĐ	52
<b>CHƯƠNG 4. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>75</b>
4.1 Những khó khăn và thách thức của các TCXH trong bảo tồn ĐDSH tại Việt Nam	76
4.2 Những khó khăn và thách thức của các TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH tại Việt Nam	77
4.3 Khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự tham gia của các TCXH và TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD	78
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>80</b>

Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên tại Việt Nam (WWF-Việt Nam). Các thông tin và nội dung tài liệu này hoàn toàn thuộc trách nhiệm của Đơn vị Tư vấn và không nhất thiết phản ánh các quan điểm của WWF-Việt Nam.

Số 2968/QĐ-NXBTN, Số XNDK: 4964-2024/CXBIPH/13-158/TN - ISBN: 978-604-41-5635-1

In tại Công ty TNHH In ấn Thiết kế T.E.A.M

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BTTN-VH	Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hoá
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BQLDA	Ban quản lý dự án
CBD	Công ước về Đa dạng sinh học
CBES	Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học và các loài nguy cấp
CCD	Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên và Phát triển
CEGORN	Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Tài nguyên Vùng cao
CPVN	Chính phủ Việt Nam
CRD	Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung
CV	Quỹ bảo tồn động thực vật hoang dã Việt Nam
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐVHD	Động vật hoang dã
ENV	Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên
FFI	Tổ chức Động thực vật hoang dã quốc tế
FSC	Hội đồng Quản lý Rừng
GreenViet	Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học nước Việt xanh (GreetViet)
GEF	Quỹ Môi trường Toàn cầu
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
IPBES	Diễn đàn Chính sách – Khoa học liên chính phủ về Đa dạng sinh học và Dịch vụ Hệ sinh thái
KBT	Khu bảo tồn
NGO	Tổ chức phi chính phủ
RECOFTC	Trung tâm vì Con người và Rừng
SMART	Công cụ Quản lý Dữ liệu về rừng và Báo cáo tuần tra
SVW	Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã Việt Nam
TTH-FOSDA	Hội chủ rừng phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế
TCXH	Tổ chức xã hội
TCCĐ	Tổ chức cộng đồng
TTGDTN	Trung tâm Giáo dục trải nghiệm thiên nhiên
TTBVR	Tuần tra bảo vệ rừng
UBND	Ủy ban Nhân dân
Việt Nature	Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Việt
VQG	Vườn quốc gia
VUSTA	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WWF-Việt Nam	Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam



© Nguyễn Hoài Bảo

Sếu đầu đỏ ở VQG Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

## TỔNG QUAN

Với hệ sinh thái phong phú và khí hậu đa dạng, Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia có mức độ đa dạng sinh học (ĐDSH) cao nhất thế giới. Tuy nhiên, tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững và tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu đang đặt ra những thách thức lớn đối với công tác bảo tồn. Trong bối cảnh này, vai trò của các Tổ chức xã hội (TCXH) và Tổ chức cộng đồng (TCCĐ) ngày càng được xem như là một trong những nhân tố quan trọng, góp phần vào nỗ lực bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên sinh học quý giá.

Tài liệu “Bài học kinh nghiệm và thực hành tốt trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ động vật hoang dã của các TCXH, TCCĐ tại Việt Nam” được biên soạn nhằm tổng hợp và chia sẻ những bài học kinh nghiệm cũng như thực hành tốt nhất từ các TCXH và TCCĐ trong nỗ lực bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam. Tài liệu không chỉ hỗ trợ các TCXH và TCCĐ tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, từ huy động nguồn lực đến ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn loài và hệ sinh thái, mà còn góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm việc trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, tài liệu đóng vai trò như một công cụ hữu ích giúp các tổ chức kết nối, học hỏi, và chia sẻ bài học kinh nghiệm, qua đó xây dựng một mạng lưới hợp tác mạnh mẽ và bền vững. Với những thông tin và kiến thức thực tiễn, tài liệu còn hỗ trợ các nhà quản lý và nghiên cứu trong việc đưa ra các quyết định và xây dựng chính sách liên quan đến bảo tồn ĐDSH, đồng thời khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương trong bảo vệ thiên nhiên.

Nhóm Tác giả đã tiến hành phân tích các tài liệu liên quan, bao gồm các báo cáo nghiên cứu, bài viết khoa học và tài liệu hướng dẫn từ các tổ chức trong nước và quốc tế. Để đảm bảo tính thực tiễn và cập nhật, nhóm đã thực hiện ba chuyến thực địa tại ba miền Bắc, Trung, Nam, khảo sát các hệ sinh thái khác nhau như rừng núi, đồng bằng ven biển, biển đảo, các vườn quốc gia (VQG) và khu bảo tồn (KBT). Hơn 100 chuyên gia, người dân và các tổ chức bảo tồn tại địa phương đã được phỏng vấn trực tiếp. Những cuộc trao đổi này đã cung cấp thông tin quý báu và bài học kinh nghiệm thực tiễn từ các mô hình bảo tồn ĐDSH trên khắp Việt Nam. Quá trình phát triển tài liệu bao gồm việc phân tích các tài liệu hiện có, tổng hợp các mô hình thành

công và thực hiện các chuyến đi thực tế để ghi nhận ý kiến từ các bên liên quan, bao gồm cả chính quyền địa phương và các TCCĐ, TCXH tại địa phương. Tài liệu gồm 5 chương chính:

**Chương I-Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh quốc tế và Việt Nam:** cung cấp cái nhìn tổng quan về bảo tồn ĐDSH và tình trạng suy giảm ĐDSH trên phạm vi toàn cầu và tại Việt Nam.

**Chương II-Vai trò và sự tham gia của TCXH và TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam:** thảo luận về vai trò và sự tham gia của các TCXH và TCCĐ trong công tác bảo tồn ĐDSH, bảo vệ ĐVHD.

**Chương III-Bài học kinh nghiệm và thực hành tốt trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD:** liệt kê, chia sẻ các bài học kinh nghiệm và thực hành tốt được các TCXH và TCCĐ đúc kết từ các hoạt động, mô hình được triển khai trên thực tế.

**Chương IV-Khó khăn, thách thức và khuyến nghị:** liệt kê những khó khăn, thách thức mà các TCXH và TCCĐ đối mặt trong công tác bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD như thiếu hụt tài chính, nhân lực và dữ liệu khoa học, cùng với những thách thức trong việc góp ý, phân tích, khuyến nghị chính sách và thay đổi nhận thức cộng đồng. Đồng thời, đề xuất các giải pháp có thể giúp cải thiện, tăng cường hiệu quả hoạt động của cơ chế chính sách quốc gia và địa phương để hỗ trợ tốt hơn cho các TCXH và TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ, cung cấp và cho phép sử dụng thông tin từ các TCXH, TCCĐ bao gồm Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung (CRD), Quỹ Bảo tồn Động thực vật hoang dã Việt Nam (CV), Trung tâm Bảo tồn Động vật hoang dã tại Việt Nam (SVW), Trung tâm Nghiên cứu Quản trị tài nguyên vùng cao (CEGORN), Trung tâm Bảo tồn Đa dạng sinh học và các Loài nguy cấp (CBES), Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên và Phát triển (CCD), Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học nước Việt xanh (GreenViet), Hội chủ rừng phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH-FOSDA), Tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương, Cù Lao Chàm, Ban Quản lý Rừng Cộng Đồng thôn Chênh Vênh, Hợp Tác Xã Du Lịch Vân Long, Chi hội phụ nữ thôn Tam Đồng, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Hợp Tác Xã Cộng Đồng Nậm Đăm, Hội Nghề Cá Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hy vọng rằng Tài liệu này không chỉ là một công cụ hữu ích cho các TCXH và TCCĐ mà còn là nguồn tài liệu quý giá cho các nhà nghiên cứu, các cơ quan ban ngành địa phương, các nhà tài trợ có quan tâm và các bên liên quan khác trong nỗ lực bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam.

Tài liệu được thực hiện trong 5 tháng bởi Nhóm Tác giả từ CRD, Đại học Nông lâm, Đại học Huế thông qua sự hỗ trợ của Tổ chức WWF-Việt Nam.

# CHƯƠNG I

## BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM



## 1.1 Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh quốc tế

Sự suy giảm ĐDSH đang diễn ra với tốc độ chưa từng có trong lịch sử Trái đất, đe dọa đến sự cân bằng sinh thái và sự sống còn của nhân loại. Theo báo cáo của Diễn đàn Chính sách – Khoa học liên chính phủ về Đa dạng sinh học và Dịch vụ hệ sinh thái (IPBES), hơn 1 triệu loài đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng. Các nguyên nhân chính gây ra tình trạng này bao gồm khai thác quá mức tài nguyên, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Để đối phó với cuộc khủng hoảng này, cộng đồng quốc tế đã thông qua nhiều công ước và hiệp định đa phương, khung pháp lý quốc tế về bảo tồn ĐDSH, trong đó Công ước về Đa dạng sinh học (CBD) là trọng tâm, nhằm bảo vệ ĐDSH và thúc đẩy sử dụng bền vững. CBD thiết lập các nghĩa vụ và cam kết của các quốc gia thành viên để ngăn chặn mất mát ĐDSH và thực hiện các biện pháp bảo tồn (Felix et al, 2023).

Mặc dù khung pháp lý quốc tế cung cấp một nền tảng vững chắc cho công tác bảo tồn ĐDSH, việc thực thi và tuân thủ vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt trong việc ứng phó với các mối đe dọa như biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Pháp luật hiện hành thường ưu tiên các loài quý hiếm nhưng lại bỏ qua việc bảo vệ ĐDSH thông thường, điều này rất quan trọng đối với khả năng phục hồi của hệ sinh thái (Rob Amos, 2024). Do đó, việc thúc đẩy cải cách và tăng cường hợp tác quốc tế là điều cần thiết để giải quyết các thách thức môi trường ngày càng phức tạp.

Tại nhiều quốc gia, một số TCXH và TCCĐ đã tham gia hỗ trợ thành lập các KBT cộng đồng, thực hiện các dự án nghiên cứu và giám sát ĐDSH, và nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của bảo tồn. Ví dụ, tổ chức Conservation International đã hỗ trợ thành lập một mạng lưới các KBT trên toàn cầu, giúp bảo vệ hàng triệu héc-ta rừng và hàng nghìn loài động thực vật. Tuy nhiên, TCXH và TCCĐ vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, như thiếu nguồn lực tài chính, năng lực hạn chế và sự thiếu nhất quán trong chính sách. Để giải quyết những thách thức này, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ, các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Việc tăng cường đầu tư vào bảo tồn, xây dựng các chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả, và nâng cao nhận thức của công chúng là những giải pháp cấp bách để bảo vệ ĐDSH cho các thế hệ tương lai.

## 1.2 Bảo tồn đa dạng sinh học tại Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia giàu đa dạng sinh học với khoảng 62.600 loài sinh vật đã được xác định, bao gồm 3.500 loài động vật không xương sống và cá nước ngọt, 1.932 loài động vật có xương sống trên cạn, cùng hơn 11.000 loài sinh vật biển. Đặc biệt, mỗi năm, các nhà khoa học vẫn không ngừng phát hiện và ghi nhận thêm nhiều loài mới, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam như một trong những trung tâm đa dạng sinh học quan trọng của thế giới (Bộ TN&MT, 2024). Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế nhanh chóng, cùng với các hoạt động khai thác tài nguyên không bền vững và biến đổi khí hậu đã gây ra nhiều áp lực lên ĐDSH (WB, 2005; Bộ TN&MT, 2020), dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng cho nhiều loài động, thực vật.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của bảo tồn ĐDSH, Việt Nam đã sớm tham gia nhiều công ước quốc tế như Công ước CBD, Công ước Ramsar về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, và Công ước CITES về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.

Việt Nam tham gia thực hiện các Công ước quốc tế giúp Việt Nam tiếp cận các nguồn lực và kinh nghiệm quốc tế, đồng thời cam kết thực hiện các biện pháp bảo tồn theo tiêu chuẩn quốc tế. Việt Nam cũng đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng như Luật ĐDSH (2008), Luật Lâm nghiệp (2017), Luật Bảo vệ môi trường, Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050... Những nỗ lực này nhằm bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên quý giá của đất nước (CPVN, 2022).

Trong đó, Luật ĐDSH (2008) là cơ sở pháp lý quan trọng, quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH, thiết lập các nguyên tắc và biện pháp bảo vệ các loài động, thực vật và hệ sinh thái. Bên cạnh đó, Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được phê duyệt theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022, đề ra các mục tiêu và giải pháp như: xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý, nâng cao nhận thức cộng đồng, và huy động nguồn lực tài chính từ cộng đồng và doanh nghiệp cho công tác bảo tồn. Ngoài ra, các văn bản dưới luật như Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật ĐDSH và các luật liên quan như Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Thủy sản cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa các quy định và đảm bảo tính thống nhất trong quản lý ĐDSH.

## CHƯƠNG II

VAI TRÒ VÀ SỰ THAM GIA CỦA  
TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ TỔ CHỨC  
CỘNG ĐỒNG TRONG BẢO TỒN  
ĐDSH VÀ BẢO VỆ ĐVHD



## 2.1 Khái niệm

### Tổ chức xã hội

Theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc, TCXH là các tổ chức được thành lập một cách tự nguyện, hoạt động không vì lợi nhuận ở cấp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế. Các tổ chức được định hướng bởi tầm nhìn và được thúc đẩy bởi những người có chung mối quan tâm. Các TCXH thực hiện nhiều hoạt động vì mục đích nhân đạo, truyền tải thông điệp, mối quan tâm của công dân đến Chính phủ, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc thực hiện chính sách. Các TCXH cung cấp các kiến thức chuyên môn, đóng góp trong việc hỗ trợ quốc gia trong thực hiện các thỏa thuận quốc tế (UN, 2022).

Năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 (sửa đổi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP) của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, làm cơ sở cho các hội và tổ chức thành lập và vận hành theo đúng quy định pháp luật. Trong đó, Nghị định cũng xác định hội là tổ chức tự nguyện của tổ chức, công dân Việt Nam cùng lĩnh vực, ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TCXH có thể bao gồm các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, phong trào xã hội công đoàn (UNDP, 2006). Ngoài ra, một số tổ chức nghiên cứu, hay các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ, cũng là thành phần của Tổ chức xã hội (Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung ngày 18/6/2013).

### Tổ chức dựa vào cộng đồng

Trên thế giới, TCCĐ được xem là các tổ chức phi lợi nhuận hoạt động ở cấp địa phương, dựa trên sự tham gia và đóng góp của cộng đồng. Theo Ngân hàng Thế giới, TCCĐ đóng vai trò quan trọng trong phát triển cộng đồng, đặc biệt ở những khu vực khó khăn (WB, 2022). TCCĐ thường đại diện cho các nhóm bị thiệt thòi trong xã hội, giúp họ đạt được các mục tiêu chung thông qua nỗ lực tập thể.



TCCĐ thường được chính quyền địa phương chấp nhận với tư cách là các phong trào cấp cơ sở. Các tổ chức này thường bắt đầu với mục tiêu phát triển địa phương - ví dụ tín dụng hoặc hỗ trợ cho một nhóm yếu thế như người khuyết tật - và có thể kết hợp các thành viên của chính quyền địa phương và/hoặc các tổ chức chính trị - xã hội. Hoạt động chính của các TCCĐ thường trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ nhân đạo, phát triển nghề nghiệp. Tính đến hết năm 2022, cả nước có trên 31.500 tổ chức cộng đồng dưới hình thức tổ hợp tác nông nghiệp. Các TCCĐ trong lĩnh vực nông nghiệp này đã thu hút được sự tham gia của trên 493 nghìn thành viên (Bộ NN&PTNT, 2022). Một số hiệp hội dựa vào cộng đồng tự nguyện rộng lớn hơn, các nhóm hợp tác nông thôn, thành lập ở nhiều nơi tại Việt Nam. Theo một số ước tính, có 200.000 tổ chức thuộc dạng này, với các trọng tâm hoạt động và thành viên khác nhau. Tuy nhiên, số lượng TCCĐ quan tâm và liên quan đến bảo vệ và chống buôn bán ĐVHĐ ở nước ta còn thấp, các tổ bảo vệ rừng chuyên trách là TCCĐ phổ biến của lĩnh vực lâm nghiệp.

## TỔNG HỢP MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TCXH, TCCĐ.

Phân loại	Văn bản pháp luật	Ngày ban hành
Cơ sở cứu trợ xã hội	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	15/3/2021
	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về thành lập, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	12/9/2017
Quý Xã hội, Từ thiện	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, từ thiện	25/11/2019
	Thông tư số 4/2020/TT-BNV ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 93/2019/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	13/10/2020
Hiệp hội	Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 (sửa đổi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP) của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	08/10/2024
	Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung ngày 18 tháng 6 năm 2013	18/6/2013
	Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ	27/1/2014
Các tổ chức Khoa học và Công nghệ	Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	31/3/2014
	Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam	22/9/2014
	Nghị định số 114/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	16/12/2021
Các tổ chức phi chính phủ quốc tế	Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam	21/02/2020
	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài	08/7/2020
	Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam	31/8/2022

## 2.2 Xu thế tham gia của TCXH và TCCĐ

Xu thế tham gia của các TCXH và TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD đang ngày càng trở nên quan trọng. Các TCXH và TCCĐ đóng vai trò không chỉ là cầu nối giữa cộng đồng địa phương, chính phủ và các tổ chức quốc tế, mà còn giúp xây dựng và triển khai các mô hình bảo tồn dựa trên sự tham gia chủ động của cộng đồng. Điều này không chỉ góp phần thúc đẩy bảo tồn hiệu quả tài nguyên thiên nhiên mà còn mang lại lợi ích kinh tế cho các khu vực địa phương, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững và cân bằng giữa bảo tồn và sinh kế.



Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược ĐDSH đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhấn mạnh vai trò của TCXH, TCCĐ và cộng đồng địa phương. Các giải pháp chủ yếu bao gồm xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng cao nhận thức và ý thức về bảo tồn thiên nhiên, tôn vinh các sáng kiến bảo tồn, đảm bảo sự tham gia bình đẳng của người dân vào quá trình ra quyết định, và huy động nguồn lực tài chính từ cộng đồng và doanh nghiệp cho các hoạt động bảo tồn. Những nỗ lực này nhằm đảm bảo sự hỗ trợ và tham gia tích cực của mọi thành phần xã hội trong công tác bảo tồn ĐDSH.

## 2.3 Vai trò của các TCXH trong bảo tồn ĐDSH, bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam

Các TCXH tại Việt Nam đóng vai trò thiết yếu trong công tác bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD. Không chỉ đảm nhận nhiệm vụ tìm kiếm và huy động nguồn lực tài chính, các TCXH còn tích cực tham gia hỗ trợ thực hiện chính sách bảo tồn và triển khai các dự án nhằm bảo vệ các loài nguy cấp. Thông qua việc kết nối các nhà nghiên cứu, cơ quan chính phủ và cộng đồng địa phương, các tổ chức này đã thúc đẩy hiệu quả các hoạt động bảo tồn, đồng thời xây dựng cầu nối quan trọng để tăng cường sự hợp tác giữa các bên liên quan, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên sinh học quý giá của Việt Nam.

### Thực hiện nghiên cứu khoa học

Sự tham gia của các TCXH trong hoạt động nghiên cứu và đánh giá ĐDSH, tình hình buôn bán ĐVHD trái pháp luật đã mang lại nhiều giá trị thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định và xây dựng chính sách bảo tồn phù hợp. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, hơn 70% các dự án nghiên cứu ĐDSH tại Việt Nam có sự tham gia của các TCXH (Bộ TN&MT, 2020). Những đóng góp này không chỉ giúp lấp đầy các khoảng trống dữ liệu mà còn thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp khoa học vào thực tiễn bảo tồn.

Một số ví dụ tiêu biểu bao gồm: Tổ chức BirdLife International, đã thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về các loài chim quý hiếm và vùng đất ngập nước tại Việt Nam. Các dữ liệu mà BirdLife thu thập được đã trở thành cơ sở quan trọng để xây dựng các chiến lược bảo tồn tại những khu vực có giá trị sinh thái cao (Vietnam, 2019). Tổ chức TRAFFIC International tại Việt Nam đã nghiên cứu tình trạng buôn bán ĐVHD trái pháp luật, đặc biệt là các loài nguy cấp. Những nghiên cứu này không chỉ giúp nâng cao nhận thức cộng đồng mà còn hỗ trợ các cơ quan chức năng trong việc triển khai các biện pháp ngăn chặn hiệu quả (TRAFFIC, 2020).

## Truyền thông, giáo dục và thực hiện các dự án bảo tồn

Các TCXH thường xuyên tổ chức các chương trình truyền thông và giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD, đồng thời triển khai nhiều dự án bảo tồn tại các VQG trọng điểm như Cát Tiên, Cúc Phương và Tam Đảo. Ví dụ, Tổ chức Fauna & Flora International (FFI) đã hợp tác với VQG Cúc Phương để bảo tồn các loài linh trưởng nguy cấp, giúp tăng số lượng cá thể Vượn bạc má và Voọc mũi hếch. Tại VQG Cát Tiên, dự án bảo tồn Voọc đen Đông Dương đã góp phần nâng số lượng cá thể từ 250 vào năm 1992 lên hơn 1.000 vào năm 2020. Tổ chức GreenViet đã xây dựng mô hình Trung tâm giáo dục trải nghiệm thiên nhiên miễn phí, cung cấp kiến thức về bảo tồn ĐDSH cho học sinh, sinh viên, du khách và người dân địa phương, với khoảng 2.000 lượt tham quan, học tập mỗi năm. Từ năm 2009 đến nay, GreenViet đã tiếp cận hơn 38.000 người, giúp lan tỏa ý thức bảo vệ ĐDSH thông qua truyền thông và giáo dục.

Ngoài ra, các tổ chức như Trung tâm Bảo tồn và Phát triển (CCD) đã triển khai chương trình giáo dục môi trường với sự tham gia của hơn 50.000 học sinh và giáo viên (CCD, 2019). Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) đã tổ chức hơn 200 buổi hội thảo để nâng cao nhận thức về bảo vệ ĐVHD (ENV, 2020). Những hoạt động này không chỉ tạo tác động tích cực đến việc bảo tồn thiên nhiên mà còn xây dựng một cộng đồng ý thức bảo vệ ĐDSH, góp phần quan trọng vào việc giữ gìn nguồn tài nguyên sinh học quý giá của Việt Nam cho các thế hệ tương lai.

### Huy động nguồn lực tài chính

Một trong những vai trò nổi bật của TCXH là huy động và duy trì nguồn tài chính bền vững cho các hoạt động bảo tồn tại Việt Nam. Thông qua các phương thức sáng tạo và hiệu quả, TCXH đã thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức quốc tế, quỹ môi trường, và tổ chức phi chính phủ nước ngoài để kêu gọi tài trợ cho các dự án bảo tồn, chẳng hạn như từ Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)... Đồng thời, TCXH huy động sự hỗ trợ từ khu vực tư nhân và doanh nghiệp để phát triển các chương trình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, không chỉ hỗ trợ bảo tồn ĐDSH mà còn nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp trong mắt cộng đồng.

Ngoài ra, TCXH khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào các mô hình sinh kế bền vững như du lịch sinh thái và sản xuất hàng thủ công thân thiện với môi trường, vừa tạo nguồn thu nhập ổn định cho cộng đồng vừa hỗ trợ tài chính cho bảo tồn. Các chiến dịch gây quỹ từ cộng đồng, thông qua mạng xã hội hoặc các sự kiện truyền thông, cũng đã thu hút được sự đóng góp tích cực từ cá nhân và tổ chức. Bên cạnh đó, TCXH phối hợp với chính phủ để quản lý và phân bổ hiệu quả ngân sách bảo tồn, đồng thời triển khai các cơ chế tài chính bền vững như quỹ bảo tồn địa phương và chi trả dịch vụ môi trường rừng. Những nỗ lực này không chỉ đảm bảo nguồn lực tài chính ổn định mà còn tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam.

### Xây dựng năng lực cho cộng đồng

Các TCXH còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng năng lực cho cộng đồng địa phương nhằm tăng cường hiệu quả bảo tồn ĐDSH và ngăn chặn nạn săn bắt, buôn bán ĐVHD trái pháp luật. Bằng cách phối hợp với các Ban quản lý rừng, chính quyền địa phương và các chuyên gia, các TCXH đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo, nâng cao nhận thức và kỹ năng cho người dân.

Ví dụ, Trung tâm vì Con người và Rừng (RECOFTC) đã tổ chức hơn 100 khóa đào tạo về quản lý rừng cộng đồng, thu hút hơn 3.000 người dân tham gia, qua đó giúp cộng đồng nắm vững kỹ năng bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng một cách bền vững (RECOFTC, 2018). Trung tâm CRD đã nâng cao kỹ năng canh tác bền vững và bảo vệ môi trường cho nông dân, đồng thời cải thiện sinh kế cho người đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Thừa Thiên Huế (CRD, 2019).

Hội Chủ rừng Phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH-FOSDA) đã khơi dậy sức mạnh nội lực của cộng đồng thông qua mô hình truyền thông “Cộng đồng nói với cộng đồng.” Cách tiếp cận kết hợp “từ trên xuống” và “từ dưới lên” đã giúp truyền tải các quy định, chính sách và thông điệp về bảo tồn ĐDSH, bảo vệ ĐVHD, và ngăn chặn buôn bán ĐVHD trái pháp luật đến các bên liên quan. Đặc biệt, TTH-FOSDA



© Justin Mott/WWF-US

áp dụng phương pháp nêu gương, lựa chọn những nhân tố tích cực, già làng, trưởng bản và những người có uy tín trong cộng đồng làm “đại sứ” bảo vệ ĐVHD. Các đại sứ này không chỉ kết nối và lan tỏa thông điệp bảo tồn trong cộng đồng mà còn tích cực đề xuất chính quyền ban hành các chính sách ứng phó với tội phạm buôn bán ĐVHD. Phương pháp này đã tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ, nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động bảo vệ ĐDSH từ cơ sở.

### Phân tích, khuyến nghị chính sách

Các TCXH đã tích cực tham gia vào quá trình phân tích, khuyến nghị chính sách và pháp luật về bảo tồn ĐDSH và kiểm soát buôn bán ĐVHD trái pháp luật, góp phần quan trọng trong việc định hình và cải thiện khung pháp lý quốc gia. Họ không chỉ đề xuất các biện pháp bảo tồn mới mà còn đóng vai trò cầu nối, thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và cộng đồng quốc tế, góp phần triển khai hiệu quả các chính sách hiện hành. Một ví dụ tiêu biểu là sự ra đời của Chỉ thị số 29/CT-TTg, do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 23/7/2020, nhằm giải quyết nạn buôn bán và tiêu thụ trái phép ĐVHD. Chỉ thị này là kết quả của những nỗ lực phối hợp giữa các tổ chức bảo tồn tại Việt Nam, thông qua việc gửi thư kiến nghị tới Thủ tướng Chính phủ. Kiến nghị này đã kêu gọi Chính phủ hành động mạnh mẽ để ngăn chặn nạn buôn bán và tiêu thụ ĐVHD trái phép, như một biện pháp quan trọng nhằm phòng ngừa các đại dịch tương tự như COVID-19 trong tương lai.

### Hỗ trợ phát triển sinh kế

Cuối cùng, các TCXH đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển các sinh kế bền vững, qua đó giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy bảo tồn ĐDSH. Ví dụ, Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) đã triển khai các dự án nông lâm kết hợp tại miền núi phía Bắc, giúp cải thiện sinh kế cho các hộ gia đình đồng thời bảo vệ rừng và nguồn tài nguyên thiên nhiên tại địa phương (CIFOR, 2018). Các dự án này không chỉ tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho người dân mà còn thúc đẩy việc quản lý rừng bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái rừng. Tương tự, Tổ chức SNV đã hỗ trợ các cộng đồng ven biển phát triển mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững. Những mô hình này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần bảo vệ rạn san hô và duy trì sự cân bằng của hệ sinh thái biển, vốn đang chịu áp lực nặng nề từ khai thác quá mức và biến đổi khí hậu (SNV, 2018).

## 2.4 Vai trò của TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam

Các TCCĐ tập trung vào việc nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực cho cộng đồng, người dân địa phương trong hoạt động bảo tồn, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và phát huy tri thức bản địa. Các hoạt động tiêu biểu như tổ chức các chương trình giáo dục cộng đồng, phát triển sinh kế bền vững và tham gia quản lý các KBT. Ví dụ, các chi hội nghề cá tại tỉnh Thừa Thiên Huế đã tích cực đóng góp vào việc bảo tồn các loài sinh vật biển thông qua tăng cường năng lực về quản lý. Các hoạt động cụ thể bao gồm:

### Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD

Các TCCĐ thực hiện các chiến dịch giáo dục để cải thiện hiểu biết của cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo tồn ĐDSH, từ đó khuyến khích hành động tích cực từ người dân. TCCĐ tổ chức các hội thảo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của bảo tồn ĐDSH, các mối đe dọa đối với ĐDSH và các giải pháp bảo tồn cho khu vực họ đang hoạt động và có thể ứng dụng cho các địa phương khác tại Việt Nam.

Ví dụ điển hình là Tổ Phụ nữ tại xã Thụy Hải, tỉnh Thái Bình, đã thành công trong việc trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Nhóm này đã trồng mới hơn 100 ha rừng và bảo vệ hơn 200 ha rừng ngập mặn hiện có, qua đó góp phần quan trọng vào việc chống xói mòn đất, cải thiện chất lượng môi trường sống và bảo vệ hệ sinh thái ven biển (HLHPNVN, 2024). Những nỗ lực này không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp cho cộng đồng địa phương mà còn tạo nên những tác động tích cực cho môi trường và các hệ sinh thái rộng lớn hơn.

### Giám sát và quản lý khu vực bảo tồn

Đặc biệt, TCCĐ tham gia rất tích cực vào việc giám sát các khu vực bảo tồn, đánh giá tình trạng ĐDSH và thực hiện các biện pháp quản lý cần thiết để phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên thiên nhiên. Các dự án hợp tác đa bên thường đạt hiệu quả cao hơn so với những nỗ lực đơn lẻ. Ví dụ, dự án bảo tồn tại VQG Ba Bể do IUCN và TCXH thực hiện đã giảm thiểu đáng kể nạn săn bắn trái phép và khai thác gỗ bất hợp pháp. Báo cáo của IUCN cho thấy, trong vòng 5 năm từ khi dự án bắt đầu, tỷ lệ các vụ vi phạm pháp luật liên quan đến khai thác tài nguyên rừng đã giảm 40%, đồng thời các loài động vật quý hiếm như Voọc mũi hếch và Gấu ngựa đã có sự phục hồi đáng kể (IUCN, 2021a).

## Phát triển mô hình sinh kế bền vững

Các TCCĐ đóng vai trò thiết yếu trong việc hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển các mô hình sinh kế bền vững, góp phần bảo tồn ĐDSH và nâng cao đời sống cho người dân nhờ am hiểu sâu sắc về điều kiện địa phương, văn hóa và tập quán của cộng đồng. Các TCCĐ hỗ trợ cộng đồng phát triển mô hình kinh tế gắn liền với bảo tồn, như nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái, và nuôi trồng thủy sản bền vững. Một ví dụ là dự án “Nuôi trồng thủy sản bền vững tại các vùng ven biển” do Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông thôn (CRDF) thực hiện tại tỉnh Quảng Ninh đã giúp người dân áp dụng các kỹ thuật nuôi trồng thủy sản bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm qua đó cải thiện đáng kể thu nhập và bảo vệ môi trường biển.



## Bảo tồn và phục hồi môi trường sống

Các TCCĐ đã và đang tham gia trực tiếp vào các dự án trồng rừng, phục hồi hệ sinh thái và bảo vệ các loài động thực vật nguy cấp. Trong thực tế, TCCĐ tham gia vào các hoạt động phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, ví dụ như: phục hồi rừng ngập mặn tại tỉnh Thừa Thiên Huế của các chi hội nghề cá, phục hồi rạn san hô tại Cù Lao Chàm, bảo vệ các loài động thực vật nguy cấp: mô hình cộng đồng tiên phong bảo tồn Voọc Chà và chân xám ở xã Tam Mỹ Tây với quần thể Chà Vá chân xám được bảo vệ tăng từ 20 cá thể (2017) đến hơn 70 cá thể (2024), các dự án bảo vệ voi hoang dã, bảo vệ tê giác, bảo vệ vượn đen, v.v.

## Phản ánh nguyện vọng của cộng đồng trong quá trình góp ý chính sách

Khi được yêu cầu, các TCCĐ có thể là cầu nối giữa chính quyền và cộng đồng địa phương, đại diện cho lợi ích, nhu cầu và nguyện vọng của người dân trong quá trình lấy ý kiến xây dựng chính sách. Họ cung cấp góc nhìn thực tiễn dựa trên các vấn đề mà cộng đồng đang đối mặt, từ đó giúp các chính sách trở nên phù hợp và khả thi hơn. Ngoài ra, dựa trên kinh nghiệm làm việc trực tiếp tại cơ sở, TCCĐ có thể cung cấp dữ liệu và thông tin cụ thể về các thách thức trong bảo tồn ĐDSH, những nguy cơ đối với hệ sinh thái, và hiệu quả của các biện pháp bảo vệ hiện có. Những thông tin này rất quan trọng để các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ tình hình thực tế và đưa ra các quyết định đúng đắn.

## Hợp tác và chuyên giao kỹ thuật

Các TCCĐ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để tăng cường năng lực và hiệu quả bảo tồn. TCCĐ thực hiện rất tốt trong khoảng thời gian dài hoạt động, đặc biệt tại vùng sâu vùng xa. TCCĐ tạo dựng mối quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để tăng cường năng lực và hiệu quả trong công tác bảo tồn. TCCĐ đã hợp tác với TCXH để được hỗ trợ về kỹ thuật giám sát môi trường, xây dựng mô hình sinh kế bền vững hoặc khuyến nghị chính sách về bảo vệ môi trường, bảo tồn loài ĐVHD,..... TCCĐ có thể hợp tác với các tổ chức nghiên cứu khoa học để được cung cấp thông tin về tình trạng ĐDSH tại địa phương, từ đó xây dựng các chương trình bảo tồn phù hợp (CRES, 1998).



## CHƯƠNG III

## KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO VỆ ĐVHD

## 3.1 BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT CỦA CÁC TCXH

### MÔ HÌNH XÂY DỰNG NĂNG LỰC CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN NHẪM THỨC ĐẨY QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG HIỆU QUẢ TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI



Nguồn: <https://svw.vn/>

#### Tổ chức thực hiện:

Trung tâm Bảo tồn ĐVHD tại Việt Nam (SVW)

#### Phạm vi hoạt động:

Toàn quốc

#### Lĩnh vực hoạt động:

Bảo tồn ĐDSH, khoa học môi trường, quản lý tài nguyên, ứng dụng công nghệ bảo tồn ĐVHD, cứu hộ và tái thả ĐVHD, du lịch sinh thái, quản trị.

Website: <https://svw.vn>

### GIỚI THIỆU

Trung tâm Bảo tồn ĐVHD tại Việt Nam (SVW) có trụ sở tại tỉnh Ninh Bình, là một tổ chức Khoa học và Công nghệ thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (LHHVN) được thành lập theo quyết định thành lập số 482/QĐ- LHHVN ngày 22 tháng 07 năm 2014 và đổi tên theo quyết định số 494/QĐ- LHHVN ngày 16 tháng 5 năm 2019. SVW có tầm nhìn “ĐVHD của Việt Nam được an toàn” và sứ mệnh “Ngăn chặn sự tuyệt chủng và phục hồi các loài ĐVHD nguy cấp tại Việt Nam”. SVW lấy 5 giá trị cốt lõi “Đoàn kết - Trách nhiệm - Kiên trì - Bền vững - Minh bạch” làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Trung tâm, để từ đây đem lại những giá trị tích cực và bền vững cho ĐVHD tại Việt Nam (SVW, 2023). Về mặt tổ chức, SVW hiện có 63 nhân viên với nhiều chuyên môn và kinh nghiệm trong các lĩnh vực: Bảo tồn ĐDSH, khoa học môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, công nghệ Bảo tồn ĐVHD, du lịch sinh thái, quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng...

## VAI TRÒ CỦA SVW TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Trong 10 năm qua, với sự hỗ trợ và đồng hành của các cơ quan chức năng, các VQG và KBT cùng các đối tác, SVW đã đạt được những thành tích đáng tự hào trong 3 mảng hoạt động chính: Bảo tồn ĐDSH, bảo vệ rừng và hệ sinh thái và kết nối cộng đồng. Thông qua những dự án bảo tồn, SVW đã và đang tạo ra những tác động tích cực đối với hệ sinh thái rừng và ĐVHD tại Việt Nam (SVW, 2024), trong đó:

**Cứu hộ động vật hoang dã:** Cứu hộ thành công hơn 4.000 cá thể ĐVHD trong đó có 2.604 cá thể thuộc hơn 60 loài bản địa (Tê tê, Voọc, Khỉ...); Tái thả 1.274 cá thể động vật về tự nhiên tại các tỉnh Ninh Bình, Nghệ An, Đồng Nai, Kiên Giang; Hơn 24.000 bẫy thú được gỡ, góp phần làm giảm số lượng ĐVHD bị săn bắt bởi nạn bẫy dây (tại các tỉnh Ninh Bình, Nghệ An, Đồng Nai, Kiên Giang); Hơn 1.000 lần trại trái phép bị phá hủy và hỗ trợ bắt giữ hơn 1.300 đối tượng vi phạm (VQG Pù Mát, VQG Cát Tiên, Khu BTTN-VH Đồng Nai...).

**Kết nối, tuyên truyền bảo vệ ĐVHD:** Kết nối hơn 40.000 người, bao gồm trẻ em, người dân địa phương và cán bộ nhà nước, với công tác bảo tồn thiên nhiên và ĐVHD (khu vực Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Đồng Bằng sông Cửu Long...); 20.674 người dân tham gia các khảo sát xã hội và 2.778 cán bộ nhà nước được tập huấn về các nội dung bảo vệ rừng và bảo tồn ĐVHD tại khu vực Bắc bộ, Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Đồng Bằng sông Cửu Long. Trong suốt 10 năm qua, hơn 30.000 ghi nhận về các loài ĐVHD được thu thập qua dữ liệu bẫy ảnh, trong đó có nhiều loài nguy cấp, quý, hiếm như Tê tê Java, Tê tê vàng, Cây vằn, Cây mực, Cây gấm, v.v tại VQG Cúc Phương, Pù Mát, U Minh Thượng, Cát Tiên;

**Chuyển giao công nghệ tiên tiến:** SVW là một trong những tổ chức bảo tồn tại Việt Nam tiên phong trong việc sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác nghiên cứu bảo tồn như hệ thống bẫy ảnh, camera AI, thiết bị thu sóng radio dùng trong theo dõi tê tê sau tái thả, wildlife drone, máy bay không người lái tầm nhiệt (áp dụng tại VQG Cúc Phương, Pù Mát, U Minh Thượng, Cát Tiên...).

**Thúc đẩy thành lập mạng lưới cứu hộ ĐVHD:** SVW đã thúc đẩy thành lập Mạng lưới cứu hộ ĐVHD Việt Nam (WRN) với sự tham gia của 21 thành viên. SVW được bầu chọn làm chủ tịch Mạng lưới giai đoạn 2023-2024 và đã có những hỗ trợ nguồn lực cũng như nâng cao năng lực cho các thành viên trong mạng lưới. Hoạt động cứu hộ, phục hồi và tái thả ĐVHD không chỉ là con đường ngắn nhất để cứu và bảo tồn các cá thể động vật, mà còn tạo động lực cho các cơ quan chức năng bắt giữ và tịch thu các hoạt động săn bắt và buôn bán trái phép (SVW, 2024).

Những hoạt động mà SVW triển khai đã cho thấy hiệu quả rõ ràng, tạo ra sự thay đổi tích cực không chỉ ở phạm vi trong nước mà còn đối với cộng đồng quốc tế. SVW đã hợp tác với chính phủ Việt Nam để vận hành 2 trung tâm cứu hộ, thành công giải cứu 4.280 cá thể ĐVHD thuộc 65 loài bản địa, với tỷ lệ phục hồi thành công đã tăng lên 86,7%. SVW cũng đóng vai trò chủ chốt trong việc thiết lập Mạng lưới Cứu hộ ĐVHD Việt Nam, tạo điều kiện để các trung tâm cứu hộ chia sẻ kiến thức, nguồn lực và phát triển các quy trình cứu hộ ĐVHD. SVW đã xây dựng và triển khai nhiều kế hoạch hành động bảo tồn cho các loài, đặc biệt là chương trình nhân nuôi bảo tồn quốc gia cho Cây vằn và Tê tê vàng, tạo ra tiền đề quan trọng và đem lại hy vọng về việc khôi phục quần thể tự nhiên của những loài nguy cấp quý hiếm.



© Save Vietnam's Wildlife

# KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

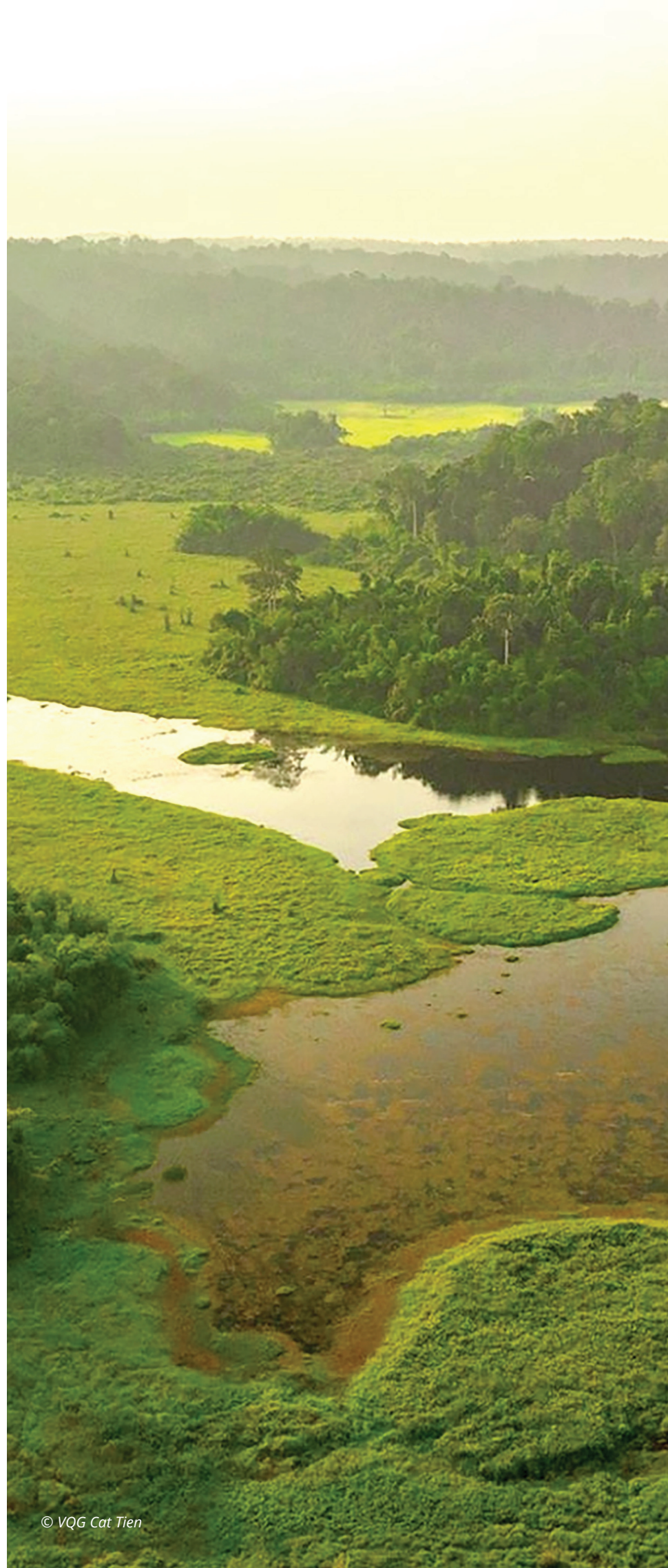
SVW và các cá nhân đại diện đã được cộng đồng quốc tế công nhận qua nhiều giải thưởng danh giá, bao gồm Future For Nature, Goldman Environment Prize, và Otter Oscar Award. Những thành tích này khẳng định vai trò quan trọng của SVW trong lĩnh vực bảo tồn ĐDSH tại Việt Nam. Ngoài các giải thưởng quốc tế, tổ chức còn nhận được nhiều bằng khen từ các cơ quan nhà nước như VUSTA, Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, và UBND tỉnh Nghệ An, chứng tỏ sự đánh giá cao của các cơ quan quản lý nhà nước đối với những nỗ lực của SVW.

Tại VQG Cát Tiên, mô hình bảo tồn do SVW triển khai từ năm 2020 đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Mô hình đã góp phần nâng cao năng lực quản lý và bảo vệ rừng, làm giảm số vụ vi phạm và mức độ vi phạm. Cụ thể, năng lực của cán bộ và các thành viên trong tổ bảo vệ rừng được cải thiện, nhận thức của người dân về tiêu thụ ĐVHD tăng lên. Số vụ vi phạm liên quan đến săn bắn và súng săn giảm 15% so với thời điểm trước khi nhóm Chuyên trách bảo vệ rừng được thành lập. Đội ngũ đã thực hiện hơn 50.000 lượt tuần tra và giải cứu thành công 13 cá thể động vật từ bẫy.

SVW cũng đã thực hiện thành công chương trình tái thả tê tê tại VQG Cát Tiên từ ngày 29/3/2013 đến 31/7/2024. Tổng cộng 312 cá thể tê tê đã được thả về tự nhiên, trong đó có 10 cá thể được gắn thiết bị phát sóng để theo dõi sau tái thả. Đây là một minh chứng rõ ràng cho nỗ lực của SVW trong việc bảo tồn và phục hồi quần thể ĐVHD tại khu vực.

Trong công tác truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH, SVW đã phối hợp với VQG Cát Tiên và các bên liên quan để thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền. Những nỗ lực này bao gồm phát áo thun với thông điệp bảo vệ ĐVHD, lắp đặt bảng tuyên truyền pháp luật, và tổ chức hội thảo cấp xã cho các lãnh đạo và cộng đồng địa phương. Số lượng hoạt động tuyên truyền đã bao gồm 79 lượt tuyên truyền cho nhân viên vườn, 1.400 áo thun, và 357 áp phích về việc giảm nhu cầu sử dụng ĐVHD.

SVW cũng đã áp dụng công nghệ hiện đại trong việc giám sát và bảo vệ các loài ĐVHD. Công nghệ nhận diện khuôn mặt và các thiết bị camera nhiệt đã giúp phát hiện và theo dõi các đối tượng xâm phạm vào rừng. Số lượng ảnh nhận diện đạt 62, và 21 đối tượng đã bị bắt giữ. Việc gắn thiết bị điện tử lên các loài động vật như voi và tê tê đã được triển khai thành công tại VQG Cát Tiên, góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ và theo dõi các loài này.



## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Ứng dụng công nghệ trong điều tra, bảo tồn:** Để nâng cao hiệu quả giám sát và quản lý bảo vệ rừng, từ năm 2018, SVW đã áp dụng nhiều công nghệ hiện đại như phần mềm SMART, ứng dụng Công nghệ nhận diện khuôn mặt, ống nhòm hồng ngoại, bộ đàm, và thiết bị thu tín hiệu từ các cá thể Tê tê. Những công nghệ này giúp tăng cường khả năng phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm cũng như bảo tồn ĐVHD.

**Huy động nguồn lực thực hiện hoạt động:** SVW hợp tác chặt chẽ với các VQG, sử dụng nguồn lực sẵn có để hỗ trợ lực lượng Kiểm lâm, cán bộ bảo vệ rừng trong công tác tuần tra, bảo vệ rừng. Ngoài ra, SVW cũng phối hợp với các VQG thực hiện đặt bẫy ảnh để giám sát đa dạng sinh học, tham gia tuyên truyền và cứu hộ ĐVHD.

**Xây dựng đội ngũ làm việc chuyên nghiệp:** Năm 2018, SVW thành lập nhóm chống săn trộm đầu tiên tại Việt Nam, bao gồm các thành viên có trình độ từ cao đẳng trở lên và được đào tạo chuyên nghiệp về bảo tồn, ĐVHD, luật pháp, và kỹ năng giao tiếp cộng đồng. Hiện nay, nhóm đã mở rộng hoạt động tại 5 VQG với 24 thành viên.

**Huy động nguồn lực tài chính:** Để đảm bảo sự ổn định về tài chính, SVW không ngừng tìm kiếm và mở rộng nguồn tài trợ từ các tổ chức như Weltpatenschaftsgesellschaft và David Shepherd Wildlife Foundation, cùng nhiều nhà tài trợ tiềm năng khác. Hoạt động này thông qua tiếp cận trực tiếp hoặc gián tiếp với các nhà tài trợ để đề xuất các ý tưởng làm cơ sở xây dựng văn kiện/đề xuất dự án. Điều này giúp SVW duy trì hoạt động bền vững và giảm thiểu rủi ro tài chính trong tương lai. Đồng thời, SVW tận dụng sự hỗ trợ từ tình nguyện viên để bổ sung nguồn lực và tạo cơ hội cho cộng đồng tham gia vào các hoạt động bảo tồn. Những tình nguyện viên có thể tham gia cứu hộ, chăm sóc ĐVHD, hoặc tổ chức các chương trình giáo dục về bảo tồn.

**Tạo môi trường làm việc tích cực:** SVW chú trọng xây dựng môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích sáng tạo, và hỗ trợ phát triển nhân tài. Các hoạt động xây dựng đội nhóm, họp mặt định kỳ và khen thưởng giúp duy trì sự gắn kết và động lực làm việc. SVW cũng cung cấp các phúc lợi như bảo hiểm y tế và các khóa học phát triển cá nhân.

**Thiết lập mối quan hệ với các bên liên quan:** SVW đã thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức, doanh nghiệp và trường học để chia sẻ nguồn lực và kinh nghiệm trong bảo tồn ĐDSH. Hợp tác này giúp tối ưu hóa các nguồn lực sẵn có và mở rộng ảnh hưởng của các dự án tới các bên liên quan. SVW hợp tác với các trường học tổ chức các chương trình giáo dục về bảo tồn ĐVHD và với các doanh nghiệp để nhận tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật cũng như kết hợp với các tổ chức có cùng quan điểm để thúc đẩy hoạt động bảo tồn ĐVHD, bảo tồn ĐDSH.

## MÔ HÌNH HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ THÚC ĐẨY THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG BẢO TỒN ĐDSH VÀ BẢO VỆ ĐVHD



Nguồn: TTH-FOSDA

**Tên tổ chức:** Hội Chủ rừng Phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH-FOSDA)

**Địa bàn hoạt động:** Tỉnh Thừa Thiên Huế

**Lĩnh vực hoạt động:** Bảo tồn ĐDSH, bảo vệ ĐVHD, chứng chỉ FSC, phát triển sinh kế, phục hồi rừng và vận động xây dựng chính sách lâm nghiệp.

**Website:** <https://fosda.thuathienhue.gov.vn>

### GIỚI THIỆU

TTH-FOSDA là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các lâm hộ trồng rừng nhỏ và những người hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp tại Thừa Thiên Huế, hoạt động phi lợi nhuận và tự trang trải chi phí. Thành lập từ năm 2016 theo Quyết định số 2329/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, TTH-FOSDA hiện có 41 chi hội và 66 Ủy viên Ban chấp hành, với đội ngũ nhân sự chuyên trách gồm 13 người có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực quản lý rừng, phát triển nông thôn, và kinh tế. Hoạt động chính của TTH-FOSDA là hỗ trợ phát triển rừng trồng gỗ lớn bền vững, duy trì chứng chỉ FSC và kết nối với doanh nghiệp thu mua gỗ FSC, đồng thời hỗ trợ thành lập hợp tác xã lâm nghiệp bền vững. Tổ chức cũng tham gia vào các dự án bảo tồn ĐDSH, bảo vệ ĐVHD, phát triển sinh kế, phục hồi rừng và vận động xây dựng chính sách lâm nghiệp.

## VAI TRÒ CỦA TTH-FOSDA TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

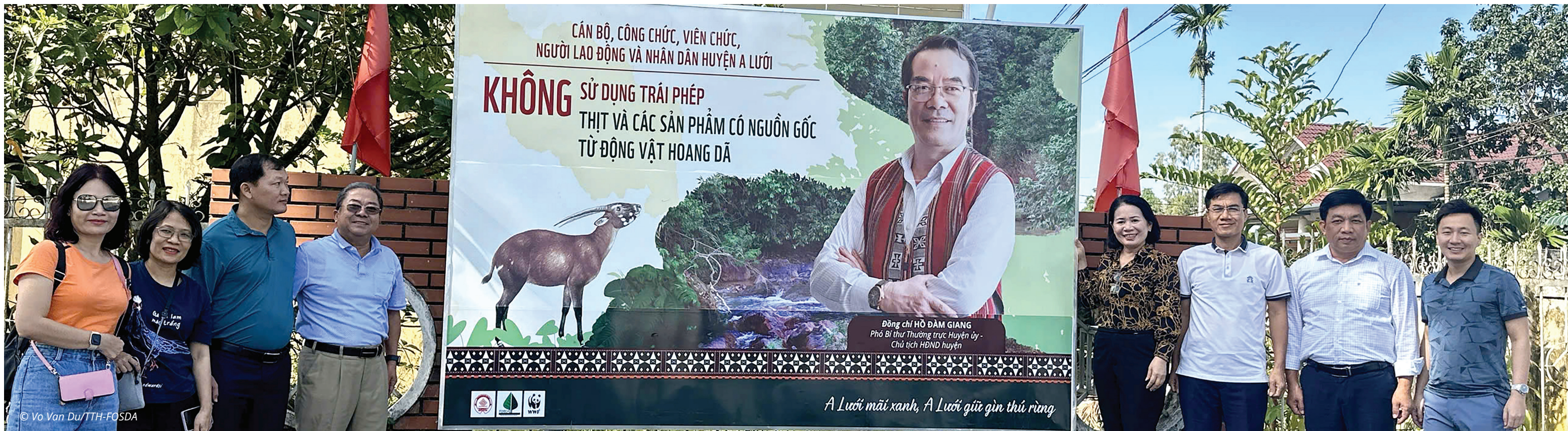
Với các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực lâm nghiệp, cụ thể là quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, TTH-FOSDA đã có những đóng góp tích cực cho bảo tồn ĐDSH. TTH-FOSDA hỗ trợ các lâm hộ phát triển rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ FSC. Chứng chỉ FSC đặt ra yêu cầu về đảm bảo ĐDSH, nhất là các loài nguy cấp. Như vậy diện tích rừng có chứng chỉ FSC là đồng nghĩa với bảo tồn ĐDSH được quan tâm và tăng cường. Tính đến năm 2024, TTH-FOSDA đã hỗ trợ phát triển được 8.354 ha rừng trồng và 942 ha rừng tự nhiên có chứng chỉ rừng FSC cho 1.808 hội viên. Hỗ trợ các cộng đồng địa phương thực hiện các hoạt động phục hồi rừng tự nhiên và trồng cây bản địa đa loài là cách mà TTH-FOSDA đóng góp vào làm giàu rừng và tăng ĐDSH. Cho đến nay, thông qua các nguồn lực đầu tư và phối hợp triển khai từ Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Việt, IKEA, WWF và tự lực của hội viên, TTH-FOSDA đã hỗ trợ cộng đồng làm giàu hơn 10 ha rừng tự nhiên; phục hồi hơn 75 ha rừng trồng bản địa đa loài; trồng mới 90 ha rừng bản địa xen Keo và tại các vùng sinh cảnh dễ bị tổn thương trong khu rừng trồng FSC.

TTH-FOSDA đã hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân sống phụ thuộc vào rừng thông qua các hoạt động như phát triển sản phẩm phi gỗ dưới tán rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng đã tạo ra nguồn thu nhập cho người dân để giúp họ giảm phụ thuộc vào tài nguyên rừng và vì vậy góp phần vào bảo tồn ĐDSH. Đặc biệt, TTH-FOSDA đã thực hiện một số dự án về bảo tồn ĐVHD, thông qua đó đã tham gia và hỗ trợ góp ý các văn bản chính sách địa phương nhằm ngăn chặn săn bắt, sử dụng và buôn bán ĐVHD và tăng cường công tác quản lý rừng bền vững, đóng góp cho công tác bảo tồn ĐDSH. Hàng năm, TTH-FOSDA đã huy động và sử dụng nguồn tài chính khoảng 2 tỷ đồng, và hầu hết nguồn tài chính này được đầu tư cho các hoạt động liên quan đến bảo tồn ĐDSH.

## KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ THÚC ĐẨY THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Có thể nói rằng TTH-FOSDA đã tham gia vào quá trình xây dựng chính sách, văn bản pháp luật từ những ngày đầu mới thành lập (năm 2016). TTH-FOSDA đã chủ động đề xuất sáng kiến và vận động ban hành nhiều chính sách cấp địa phương và phối hợp hỗ trợ tổ chức thực hiện sau khi chính sách được ban hành như sau: Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị Quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Nam Đông “về ngăn chặn săn bắt, buôn bán tiêu thụ ĐVHD trái pháp luật trên địa bàn huyện Nam Đông giai đoạn 2023-2030”; Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện A Lưới “về ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng săn bắt, buôn bán và sử dụng trái phép ĐVHD trên địa bàn huyện A Lưới giai đoạn 2023-2030”; Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới “về phê duyệt Chương trình quản lý và phát triển bền vững rừng cộng đồng trên địa bàn huyện A Lưới giai đoạn 2024-2030”; Chỉ thị số 58/CT-TU ngày 16/9/2024 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, TTH-FOSDA thường xuyên được mời tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của cấp trung ương và địa phương liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.

Năm 2018, TTH-FOSDA đã hỗ trợ các cơ quan chức năng xây dựng và tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND nêu trên (gọi tắt là Quy chế). Không chỉ hỗ trợ trình xây dựng Quy chế, TTH-FOSDA còn hỗ trợ để thúc đẩy thực hiện Quy chế. TTH-FOSDA đã phối hợp với CRD xây dựng sổ tay hướng dẫn thực hiện quy chế và phát cho cộng đồng và các bên liên quan; hỗ trợ các đơn vị (chủ yếu là cơ quan Kiểm lâm) tổ chức các hội thảo phổ biến và triển khai thực hiện quy chế, và tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng. Quy chế đã trở thành nền tảng chính sách và khung pháp lý để nâng cao quyền tự chủ, xác định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng sau giao đất giao rừng, từ đó thúc đẩy công tác quản lý rừng cộng đồng ngày càng tốt hơn. Đến nay, Quy chế đã được triển khai trên tất cả các huyện có giao rừng cho cộng đồng. Việc thực hiện Quy chế đã giúp toàn bộ cộng đồng được giao rừng xây dựng và kiện toàn lại cơ cấu tổ chức theo một hệ thống thống nhất, có tính chuyên môn hóa cao; cải thiện được quyền và lợi ích của cộng đồng.



Năm 2023, TTH-FOSDA đã phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri cho Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh do Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh là Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh chủ trì. Đây là Hội nghị tiếp xúc cử tri của Đoàn ĐBQH tỉnh chuyên đề “bảo vệ và phát triển rừng bền vững” được tổ chức lần đầu tiên của cả nước. Tại Hội nghị tiếp xúc cử tri, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế cũng là Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh đã có những kết luận hết sức quan trọng, mở ra triển vọng tham gia khuyến nghị chính sách sau Hội nghị này. Hệ thống lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế có những quyết sách lớn hỗ trợ tích cực và thúc đẩy sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng bền vững nói chung và bảo vệ ĐVHD nói riêng trên địa bàn tỉnh. Điển hình là Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã ban hành Chỉ thị số 58-CT/TU ngày 16/9/2024 về tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh.

TTH-FOSDA đã tổ chức các cuộc làm việc với các đại biểu của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện (HĐND), lãnh đạo UBND huyện và các cơ quan hữu quan của huyện để chia sẻ các văn bản của nhà nước về chống buôn bán tiêu thụ sản phẩm ĐVHD trái phép như: Chỉ thị số 29/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD; Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW của Ban tuyên giáo Trung ương về việc tăng cường tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua đó, các tổ chức chính quyền và các phòng ban của huyện nắm vững hơn các văn bản của nhà nước và đi đến đồng thuận là sẽ có những chủ trương bảo vệ ĐVHD trên địa bàn huyện.

TTH-FOSDA đã phối hợp với văn phòng HĐND và UBND huyện thực hiện các hoạt động để hỗ trợ và thúc đẩy việc ban hành Nghị quyết của HĐND cấp huyện. Kết quả, trong năm 2023 Hội đồng nhân dân hai huyện Nam Đông và A Lưới lần lượt ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐND và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND về ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng săn bắt, buôn bán và sử dụng trái phép ĐVHD. Các Nghị quyết này đã giúp chuyển đổi căn bản nhận thức của người dân và cán bộ trong hệ thống chính trị hạn chế và chấm dứt nạn săn, bắt, bẫy, buôn bán, tiêu thụ, sử dụng ĐVHD trái phép; thay đổi thói quen và tập quán để không còn hộ sử dụng thịt thú rừng và các sản phẩm thú rừng trong các lễ hội, tiệc tùng của các gia đình; không còn xem thịt thú rừng là các bài thuốc đặc trị bệnh; giảm thiểu và đi đến chấm dứt về buôn bán, tiêu thụ ĐVHD tại các nhà hàng, chợ buôn bán và các cơ sở kinh doanh trên địa bàn huyện.

TTH-FOSDA không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ xây dựng các chính sách, quy định pháp lý mà còn hỗ trợ để thúc đẩy việc thực hiện các chính sách đã được ban hành. Sau khi HĐND huyện ban hành các Nghị quyết,

TTH-FOSDA đã họp với UBND huyện để thống nhất về kế hoạch thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; xây dựng video clip về bảo vệ ĐVHD bằng mô hình truyền thông “Cộng đồng nói với cộng đồng” và trình chiếu trong các cuộc họp cộng đồng để tuyên truyền Nghị quyết; tổ chức các buổi phổ biến, trao đổi về Nghị quyết với tổ chức, các cơ quan, ban ngành liên quan; hỗ trợ các cơ quan, đoàn thể thực hiện các buổi tập huấn, nói chuyện với người có uy tín, già làng và người dân. Bên cạnh đó, TTH-FOSDA đã thúc đẩy để các nhà hàng, quán ăn ký cam kết với chính quyền xã và cơ quan kiểm lâm về việc chung tay bảo tồn ĐVHD và không buôn bán ĐVHD bất hợp pháp.

Đặc biệt, TTH-FOSDA đã chọn các nhân tố tích cực, gương mẫu, điển hình để phát triển thành “các đại sứ” về bảo vệ ĐVHD. Nhóm “đại sứ” được hình thành với 36 thành viên là những người dân tiêu biểu của các thôn, cán bộ thôn và già làng/người có uy tín trong cộng đồng. Nhóm “đại sứ” đã kết nối chia sẻ thông tin và tổ chức vận động tuyên truyền lan tỏa trong cộng đồng. Đồng thời là những cử tri tích cực đề xuất chính quyền có các chính sách để ứng phó với tội phạm buôn bán ĐVHD.

Với cách tiếp cận kết hợp “từ trên xuống” và “từ dưới lên”, chú ý phát huy các điểm sáng, các nhân tố tích cực trong cộng đồng, TTH-FOSDA đã rất thành công trong việc chuyển tải nội dung các quy định, chính sách cũng như các thông điệp về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD đến với các bên liên quan, người dân và cộng đồng. Qua đó, đã nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ cấp huyện đến cơ sở về bảo vệ ĐVHD; họ đã đồng tình, ủng hộ thực hiện Nghị quyết, và cùng chung tay hành động để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng săn bắt, buôn bán và sử dụng trái phép ĐVHD. Đến nay đã có 09 nhà hàng, quán ăn tại huyện A Lưới đã ký cam kết “chung tay bảo vệ ĐVHD”, từng bước tạo sự chuyển biến về nhận thức trong việc tiêu dùng sản phẩm thay thế các sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHD quý, hiếm; các sản phẩm không gây hại cho ĐVHD, thân thiện với môi trường.

Sau hơn 01 năm triển khai, hai UBND huyện đã tiến hành sơ kết rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai có hiệu quả. Tác động của Nghị quyết nêu trên đã góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân trên địa bàn. Nhân dịp Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết nêu trên, UBND huyện A Lưới và Nam Đông đã biểu dương, tặng Giấy khen và phần thưởng cho 20 cá nhân đã tự nguyện giao nộp ĐVHD, có nhiều loài quý hiếm, giá trị cao để Kiểm lâm thả lại vào rừng. Thành quả này bước đầu đã lan tỏa ra các địa phương khác, TTH-FOSDA phối hợp với Việt Nature hỗ trợ Thường trực HĐND và UBND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tổ chức Đoàn tham quan và học tập kinh nghiệm để xây dựng Đề án trình HĐND huyện Quảng Ninh ban hành Nghị quyết tăng cường hơn nữa công tác bảo vệ ĐVHD trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2025-2030.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT TRONG HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ THÚC ĐẨY THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Sau nhiều năm kiên trì hoạt động bảo tồn ĐDSH và phát triển cộng đồng, TTH-FOSDA đã tự mình rút ra 5 bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

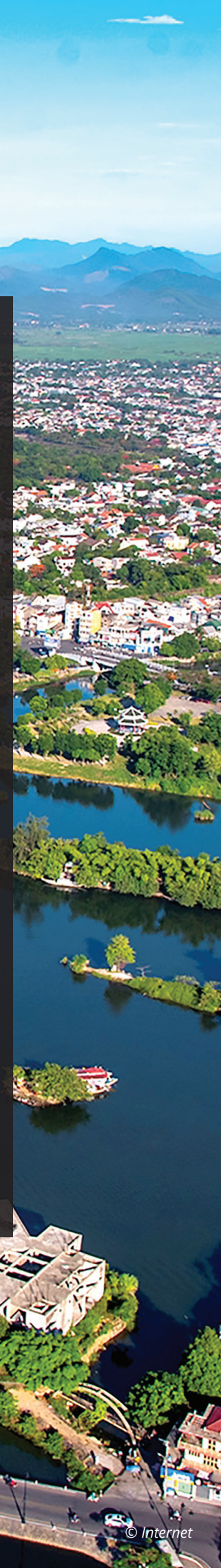
**Chủ động đưa ra các sáng kiến ý tưởng phù hợp với thực tiễn**, phù hợp với các chính sách hiện hành của nhà nước, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước thông qua biên bản của các buổi làm việc, xây dựng kế hoạch triển khai tiến độ thực hiện, đồng thời dự thảo các nội dung dự kiến đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trong vận động chính sách, phải luôn luôn chú ý, biến ý tưởng của mình thành sáng kiến của “người trong cuộc” để với vai trò người đứng đầu họ sẽ lãnh đạo việc xây dựng ban hành cũng như tổ chức thực hiện chính sách.

**Tập trung vào điểm sáng, thay vì quá nhấn mạnh đến “tồn tại, hạn chế, khuyết điểm” của cộng đồng.** Từ đó, phối hợp với các ngành chức năng xây dựng chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể và cá nhân khi phát hiện hoặc giao nộp các loài ĐVHĐ, báo cho cơ quan chức năng cứu hộ thành công.

**Phối hợp chính quyền các cấp xây dựng các mô hình trình diễn về bảo tồn ĐDSH**, thuyết phục lãnh đạo các cấp, các ngành có sự đồng thuận cao bằng các nguồn lực vận động từ các đối tác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

**Mọi công việc phải tranh thủ tiếng nói từ người dân**, làm vì dân, mang lại lợi ích vì dân và biết thuyết phục khơi dậy nội lực từ cộng đồng. Đặc biệt, chú ý hoạt động truyền thông cần chú trọng phương pháp “cộng đồng nói với cộng đồng” để huy động sự tham gia và nêu gương hành động từ già làng, trưởng bản, người có uy tín.

**Phải luôn luôn chú trọng và “tạo điều kiện” thuận lợi thúc đẩy sự nêu gương** của những người lãnh đạo trong mọi hoạt động bảo tồn ĐDSH. Sự nêu gương đó góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín cá nhân của người lãnh đạo trong con mắt của cộng đồng và hệ thống tổ chức nơi họ cống hiến.



## MÔ HÌNH GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM THIÊN NHIÊN VÀ TRUYỀN THÔNG VỀ BẢO TỒN ĐDSH



Nguồn: GreenViet

**Tổ chức thực hiện:** Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học nước Việt xanh (GreenViet)

**Phạm vi hoạt động:** Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam.

**Lĩnh vực hoạt động:** Nghiên cứu khoa học, bảo tồn đa dạng sinh học, giáo dục, truyền thông, tác động chính sách và bảo tồn cho cộng đồng.

**Website:** <https://greenviet.org>

## GIỚI THIỆU

GreenViet có trụ sở văn phòng tại thành phố Đà Nẵng, chính thức được thành lập vào năm 2012 theo Quyết định số 44/QĐ-LHH của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2012. Với sứ mệnh Bảo tồn hệ sinh thái và các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp tại Việt Nam thông qua nghiên cứu khoa học, hoạt động bảo tồn, giáo dục, truyền thông, vận động chính sách và truyền cảm hứng bảo tồn cho cộng đồng. Đội ngũ nhân sự GreenViet bình quân từ 16-20 cán bộ và hầu hết chuyên sâu trong các lĩnh vực liên quan đến bảo tồn ĐDSH như lâm nghiệp, sinh thái học, quản lý tài nguyên rừng, quản lý tài nguyên và môi trường, và sinh học.

## VAI TRÒ CỦA GREENVIET TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

GreenViet đã có những đóng góp tích cực cho công tác bảo tồn ĐDSH. GreenViet đã thực hiện khoảng trên 150 chuyến khảo sát và nghiên cứu về ĐDSH, tổ chức gần 20 hội thảo khoa học, và xuất bản và đồng xuất bản hơn 10 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước cùng với hơn 50 tài liệu khác. Hoạt động nghiên cứu khoa học không chỉ chia sẻ, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước và các bên liên quan mà còn làm cơ sở để xây dựng và thực hiện các giải pháp bảo tồn hiệu quả tại các địa phương. GreenViet đã và đang thực hiện các Chương trình bảo tồn ĐDSH với tập trung vào xây dựng năng lực và hỗ trợ cộng đồng bảo tồn loài Chà Vá và ĐDSH tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum và Khánh Hòa.

Hàng năm, công tác truyền thông đã tác động trực tiếp để nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho khoảng hơn 1.500 học sinh, sinh viên, và hơn 500 người dân địa phương. Đặc biệt, GreenViet đã thành lập Trung tâm giáo dục trải nghiệm thiên nhiên nhằm truyền thông giáo dục cho các đối tượng là học sinh, sinh viên, du khách và người dân địa phương về bảo tồn ĐDSH của Bán đảo Sơn Trà nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung với trung bình tiếp đón mỗi năm khoảng 2.000 lượt tham quan, học tập. Để thực hiện được các mục tiêu đó, GreenViet đã huy động được nguồn lực rất lớn cho các hoạt động bảo tồn từ các tổ chức trong và ngoài nước, các doanh nghiệp và các cá nhân. Trong năm năm lại đây, huy động được khoảng 50 tỉ đồng, trong đó doanh nghiệp và các cá nhân đã đóng góp hơn 06 tỉ đồng.

## KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM THIÊN NHIÊN VÀ TRUYỀN THÔNG VỀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Trung tâm Giáo dục trải nghiệm thiên nhiên (TTGDTN) là ý tưởng của các cán bộ GreenViet được thai nghén từ những năm đầu đi vào hoạt động. Tuy nhiên, sau gần 6 năm hoàn thiện ý tưởng và tích cực huy động sự tham gia và đóng góp từ cộng đồng và doanh nghiệp, đến cuối năm 2018 GreenViet mới kết hợp đủ nguồn lực và các điều kiện liên quan mới tiến hành thành lập TTGDTN.

TTGDTN đã có một toà nhà tọa lạc tại 70 Lý Tử Tấn, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với các phương tiện cơ bản phục vụ cho hoạt động truyền thông, giáo dục: Từ tranh ảnh, Tivi, hệ thống âm thanh, ánh sáng, một số mẫu vật đến các cơ sở vật chất khác đủ để phục vụ cho mỗi đoàn tham quan, học tập từ 20 người/lượt.

GreenViet đã thuyết phục được người dân ngay trên địa bàn phường Thọ Quang cho thuê 200m2 đất với giá ưu đãi và thời gian dài để xây dựng Trung tâm với cấu trúc 100 m2 là nhà trưng bày thông tin, và 100 m2 sân vườn để tổ chức các sự kiện và mô hình học tập thực tế. Để hoàn thành công trình này, GreenViet đã huy động hơn 100 cá nhân và doanh nghiệp (Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Hòa Bình, Công ty Cổ Phần Xây Dựng Kiến Trúc AA Corporation, họa sĩ Nguyễn Doanh,...) đóng góp gần 900 triệu đồng và nhiều hiện vật khác; huy động được hơn 100 tình nguyện viên đến hỗ trợ xây dựng và tổ chức các hoạt động. Để duy trì hoạt động của TTGDTN, hiện nay GreenViet tiếp tục nhận được hỗ trợ tài chính của các doanh nghiệp, các dự án từ nước ngoài tài trợ và sự ủng hộ của cộng đồng đến tham quan, học tập nên điều kiện phục vụ ngày càng tốt hơn. Vì vậy, Trung tâm GreenViet đã xác định TTGDTN là một trung tâm của cộng đồng.

TTGDTN đã hoạt động rất hiệu quả, thể hiện qua các hoạt động đa dạng và các kết quả đạt được trong thời gian qua. Từ đầu năm 2019 đến nay, TTGDTN đã mở cửa miễn phí và đón tiếp hơn 10.000 lượt học sinh, sinh viên, du khách và

người dân đến tham quan, học tập về thiên nhiên Sơn Trà; tổ chức cho hơn 1.500 người tham quan học tập trải nghiệm thiên nhiên tại Bán đảo Sơn Trà, trong đó chủ yếu là học sinh, sinh viên trong và ngoài thành phố Đà Nẵng. Hàng năm, TTGDTN còn tổ chức khoảng 5 sự kiện truyền thông như các hoạt động phong trào về môi trường, các cuộc thi tìm hiểu về bảo tồn ĐDSH, các chương trình khám phá ĐVHD, các hoạt động tuyên truyền và các hoạt động ngoại khoá cho học sinh phổ thông. Các hoạt động này đã thu hút được khoảng 5.000 người tham gia, chủ yếu là đối tượng học sinh, sinh viên, các gia đình, du khách và cả cộng đồng nên các hoạt động giáo dục và truyền thông nâng cao nhận thức của TTGDTN đã giúp cho hơn 38.000 người được tiếp cận kiến thức về bảo tồn ĐDSH.

Hoạt động của TTGDTN gắn liền với Bán đảo Sơn Trà - lá phổi xanh của thành phố Đà Nẵng, vì vậy trước hết đã có tác động rất tích cực đến công tác bảo vệ môi trường sinh thái và bảo tồn ĐVHD của bán đảo Sơn Trà. Với những thành tựu nổi bật và giá trị đóng góp tích cực trong thời gian qua, từ đầu năm 2023, Trung tâm GreenViet giao thêm nhiệm vụ cho TTGDTN xây dựng thành công Trang thông tin điện tử tổng hợp thiên nhiên Đà Nẵng tại địa chỉ <https://thiennhiendanang.vn> với hơn 3.000 tư liệu gồm tài liệu, hình ảnh, video để phục vụ tư liệu cho giáo viên, học sinh, sinh viên và người dân tìm hiểu và học tập về thiên nhiên của thành phố Đà Nẵng. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên, du khách và cộng đồng về bảo tồn ĐDSH của thành phố và phục vụ hiệu quả cho các trường học sử dụng tài liệu phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Không chỉ dừng lại một số thành công bước đầu ở trên, hiện nay Trung tâm GreenViet đang phối hợp với UBND quận Sơn Trà từng bước xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Khoa học và Giáo dục thiên nhiên mà tiền thân ý tưởng chính là TTGDTN hiện nay của GreenViet.



## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Thứ nhất, ý tưởng cần phải được hành động:** Đối với một tổ chức, ý tưởng của một tập thể không khó khi có được đội ngũ tâm huyết, có chuyên môn và tính sáng tạo cao. Tuy nhiên, GreenViet không dừng ở ý tưởng mà đã đưa vào nội dung trọng tâm của Chiến lược tổ chức và kế hoạch triển khai các nhiệm vụ cụ thể của từng năm để giao các phòng ban, bộ phận thực hiện, từ thiết kế đến gây quỹ, xây dựng và vận hành TTGDTN.

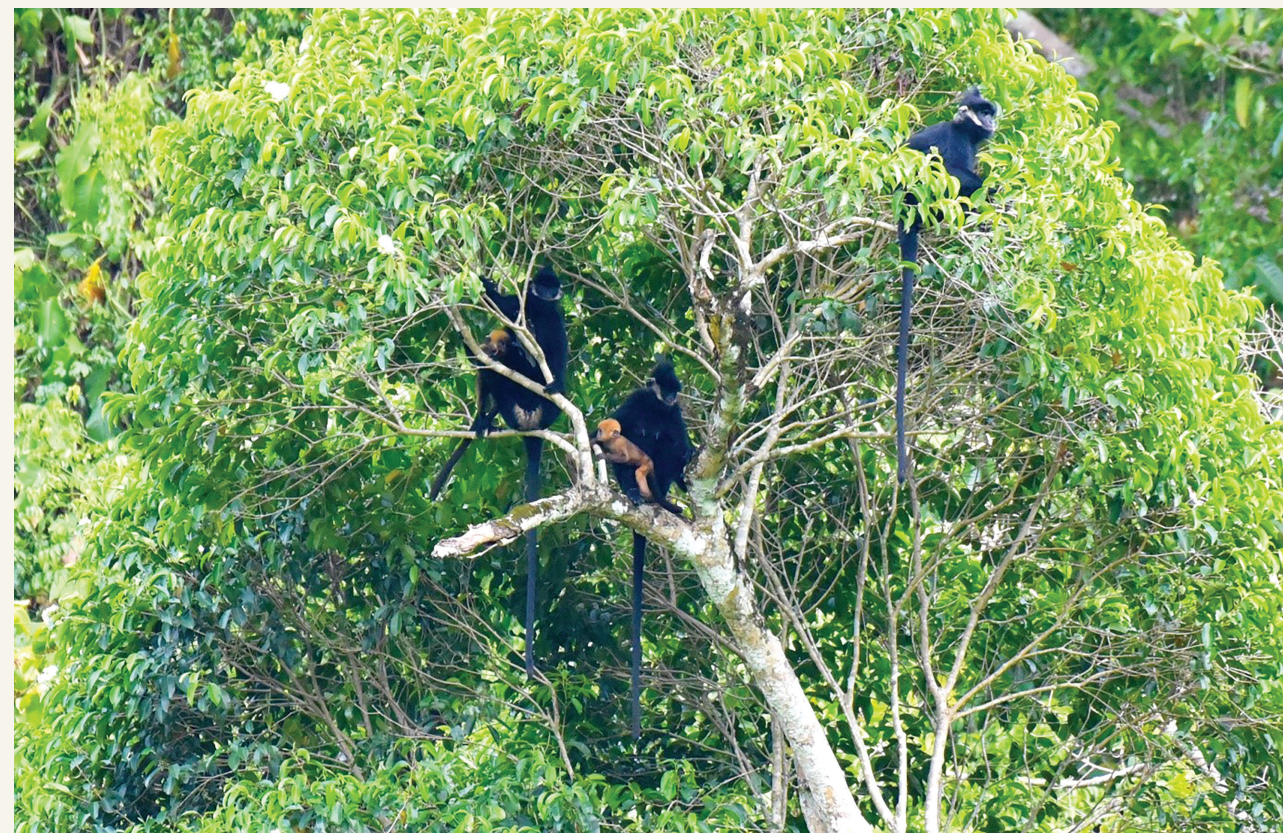
**Thứ hai, truyền cảm hứng và huy động nguồn lực từ cộng đồng và doanh nghiệp:** Ngay từ đầu đã xác định TTGDTN là trung tâm của cộng đồng, vì vậy GreenViet đã nỗ lực không mệt mỏi để tiếp cận các doanh nghiệp, trao đổi và thuyết phục từng cá nhân, vận động sự tham gia, ủng hộ đóng góp của các bên liên quan thông qua gặp mặt trực tiếp, các kênh truyền thông, các đại sứ ủng hộ với tinh thần nhận tài trợ cả về tinh thần, công sức, vật chất, và tài chính với mọi giá trị như câu nói thường gặp “Của một đồng, công một nén”.

**Thứ ba, vận hành, duy trì và phát triển Trung tâm:** Với chi phí duy trì và vận hành trung tâm hàng năm rất lớn, bao gồm cả nhân sự, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, đầu tư trang thiết bị... trong khi Trung tâm phục vụ tham quan học tập miễn phí. Vì vậy, Trung tâm GreenViet đã huy động tối đa hóa các nguồn tài chính có thể gồm: lồng ghép hoạt động của TTGDTN vào một nội dung cụ thể của Dự án phù hợp; huy động đóng góp qua hình thức “Hiến tặng” (Donate) từ du khách, các đoàn tham quan, học tập, hoặc cộng đồng quan tâm; phân bổ một phần ngân sách đầu tư phát triển của GreenViet cho TTGDTN bởi nhiều ý tưởng, cơ hội mới với đối tác và nhà tài trợ được hình thành từ việc đón tiếp tại đây.

**Thứ tư, truyền thông đến đối tượng khách hàng tham quan, học tập chính:** Trung tâm GreenViet xác định khách hàng tham quan, học tập chính là học sinh, sinh viên cho nên hoạt động truyền thông rất mạnh mẽ thông qua trang fanpage <https://www.facebook.com/GreenViet.Edu?mibextid=ZbWKwL>; Gửi thư mời đến các trường học, các Trung tâm giáo dục; hợp tác với Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các chương trình tập huấn, giới thiệu đến giáo viên; tổ chức một số sự kiện tại TTGDTN, và luôn giới thiệu trong các sự kiện như hội nghị, hội thảo mà Trung tâm GreenViet tổ chức; bên cạnh đó tối đa hóa truyền thông qua báo chí, truyền hình và các bài cảm nhận, chia sẻ đầy cảm xúc và truyền cảm hứng của khách tham quan, học tập. Vì vậy, ngày càng có nhiều đoàn tới tham quan, học tập, cho nên hiện nay TTGDTN khuyến khích các trường học, các trung tâm và các đoàn đăng ký trước để đội ngũ GreenViet chủ động và phục vụ một cách tốt nhất.



## MÔ HÌNH HỖ TRỢ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN QUẦN THỂ VOOC GÁY TRẮNG TẠI XÃ THẠCH HÓA, HUYỆN TUYỀN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH



Nguồn: <https://cegorn.org/>

**Tổ chức thực hiện:** Trung tâm Nghiên cứu Quản trị tài nguyên vùng cao (CEGORN)

**Phạm vi hoạt động:** Các tỉnh miền Trung, Tây nguyên gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Sơn La, Kon Tum, ...

**Lĩnh vực hoạt động:** Bảo tồn ĐDSH, khoa học môi trường, quản lý tài nguyên, ứng dụng công nghệ bảo tồn ĐVHĐ, cứu hộ và tái thả ĐVHĐ, du lịch sinh thái, quản trị.

Website: <https://cegorn.org>

## GIỚI THIỆU

Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Tài nguyên Vùng cao (CEGORN) là tổ chức Khoa học Công nghệ trực thuộc VUSTA, được thành lập theo Quyết định số 63/QĐ-LHHVN ngày 20/01/2015. Các lĩnh vực hoạt động của CEGORN bao gồm: phát triển kinh tế nông lâm nghiệp; quản trị tài nguyên, bảo tồn ĐDSH; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; thực nghiệm các giải pháp quản trị bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên. CEGORN hiện đang thực hiện hoạt động trên các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Sơn La. Hiện tại, nhân sự của CEGORN có 10 người với các lĩnh vực chuyên môn về bảo tồn ĐDSH, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển cộng đồng, vận động chính sách, tri thức địa phương.



© CRD

## VAI TRÒ CỦA CEGORN TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Trong lĩnh vực bảo tồn ĐDSH, CEGORN thực hiện nhiều vai trò khác nhau như:

**Phát triển sinh kế gắn với công tác bảo tồn:** Huy động được tổng số tiền hơn 7 tỉ đồng để hỗ trợ cho chủ rừng là cộng đồng và hộ gia đình trồng được 233,59 ha rừng với hơn 170.000 cây bản địa; CEGORN đã hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để phát triển các hoạt động sản xuất, phát triển thương hiệu và bao tiêu sản phẩm. Khoảng 100 mô hình nông lâm kết hợp được xây dựng và phát triển ổn định. Các sản phẩm điển hình như là mật ong, măng khô được cấp chứng nhận OCOP 3. Các hỗ trợ phát triển sinh kế đã tạo thu nhập đáng kể cho người dân, góp phần giảm khai thác rừng và săn bắt ĐVHD;

**Khuyến nghị chính sách:** tham gia góp ý nhiều văn bản chính sách khác nhau liên quan đến quản lý bảo vệ rừng như góp ý sửa đổi bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp. Kiến nghị về giao đất, giao rừng, quản lý rừng tự nhiên trong quá trình thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW của Ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng;

**Tuyên truyền và phổ biến pháp luật:** phối hợp với chính quyền địa phương, các chuyên gia tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho hơn 3.000 lượt người dân ở các vùng dự án về các nội dung pháp luật liên quan đến bảo tồn ĐDSH như nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH và phòng chống bệnh truyền từ ĐVHD; các quy định của pháp luật về buôn bán ĐVHD, các kỹ năng TTBVR; Thực hiện hàng loạt các hoạt động tập huấn về các chủ đề như tuần tra bảo vệ rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn ĐDSH, ... giúp cho cộng đồng tự tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển tốt rừng được giao;

Trong lĩnh vực bảo tồn loài, CEGORN đã và đang thực hiện những nỗ lực quan trọng trong việc bảo vệ các loài động vật quý hiếm, đặc biệt là những loài có nguy cơ tuyệt chủng cao. CEGORN đã hỗ trợ bảo tồn loài Voọc gáy trắng tại huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, một loài linh trưởng đặc hữu quý hiếm của Việt Nam, đang đối mặt với nguy cơ suy giảm số lượng nghiêm trọng do mất môi trường sống và săn bắt trái phép. Đồng thời, CEGORN cũng tham gia bảo tồn loài Chà Vá chân nâu tại huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Đây là một trong những loài linh trưởng biểu tượng của khu vực Đông Nam Á, tuy nhiên loài này cũng đang chịu áp lực lớn từ nạn phá rừng và săn bắn.

Những hoạt động bảo tồn của CEGORN không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ môi trường sống cho các loài, mà còn thúc đẩy nghiên cứu về sinh thái học và hành vi của chúng nhằm cung cấp các dữ liệu khoa học

phục vụ công tác bảo tồn lâu dài. Ngoài ra, CEGORN còn phối hợp với chính quyền địa phương và các chuyên gia quốc tế trong việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài động vật này, đồng thời phát triển các mô hình du lịch sinh thái bền vững, giúp cộng đồng địa phương có thêm thu nhập từ việc bảo tồn thay vì săn bắt và khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững.

## KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG BẢO TỒN LOÀI VOỌC GÁY TRẮNG

Năm 2012, người dân địa phương đã phát hiện một đàn Voọc gáy trắng tại xã Thạch Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 2015, Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Việt (Việt Nature) đã tiến hành điều tra nhanh và ước tính có khoảng 5-6 đàn Voọc gáy trắng với khoảng 70-80 cá thể ở xã Thạch Hoá và Đồng Hoá. Thời điểm đó, nạn săn bắt ĐVHD diễn ra phổ biến, đe dọa nghiêm trọng đến đàn Voọc gáy trắng. Trước tình hình cấp bách, CEGORN đã vào cuộc với các hoạt động bảo tồn quyết liệt.

Năm 2018, CEGORN đã xây dựng tiểu dự án và nhận tài trợ để khởi động chương trình bảo vệ Voọc gáy trắng. Năm 2022, tiếp tục với dự án từ Quỹ DARWIN, CEGORN triển khai chuỗi các hoạt động bảo tồn với tổng ngân sách hơn 6,5 tỷ đồng đến năm 2023. Các thành tựu nổi bật bao gồm:

**Quy hoạch rừng đặc dụng và bảo vệ sinh cảnh sống của Voọc gáy trắng:** CEGORN đã thành công trong việc thúc đẩy phê duyệt quy hoạch rừng đặc dụng tại huyện Tuyên Hoá với diện tích 509,42 ha, nơi Voọc gáy trắng sinh sống. Ngoài ra, còn có kế hoạch mở rộng thêm 710 ha vùng sinh cảnh cho Voọc gáy trắng. Đồng thời, CEGORN đã vận động UBND tỉnh Quảng Bình ban hành quyết định cấm khai thác khoáng sản tại xã Đồng Hoá, giúp bảo vệ sinh cảnh tự nhiên của loài, giảm thiểu tiếng ồn và sự phá hoại môi trường từ các hoạt động nổ mìn khai thác đá.

**Thành lập và vận hành tổ bảo tồn tự nguyện Voọc gáy trắng:** Một tổ bảo tồn tự nguyện đã được thành lập với 13 thành viên, trong đó có 2 nữ. Tổ bảo tồn này hoạt động rất tích cực với các cuộc tuần tra rừng định kỳ (3 lần/tháng) và tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo tồn. Đồng thời, HTX sản xuất kinh doanh nông, lâm nghiệp cũng được thành lập, giúp cung cấp nguồn tài chính ổn định cho các hoạt động bảo tồn.

Tăng cường nhận thức cộng đồng và bảo vệ rừng: Các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng đã giúp thay đổi hành vi của người dân, khuyến khích họ tham gia bảo vệ Voọc gáy trắng. Một ví dụ điển hình là nhiều thợ săn



© CRD



© CRD



© CRD

đã trở thành những người bảo vệ rừng tích cực. Số lượng vi phạm trong rừng đặc dụng cũng giảm đáng kể, từ chỉ 1 vụ ghi nhận trong năm 2022-2023.

Số lượng Voọc gáy trắng tăng mạnh: Nhờ các nỗ lực bảo tồn, số lượng đàn và cá thể Voọc gáy trắng đã tăng lên rõ rệt. Từ chỉ 5-7 đàn với 70-80 cá thể vào năm 2015, con số này đã tăng lên 22 đàn với 156 cá thể vào năm 2020. Dự kiến, đến năm 2025, CEGORN sẽ tiếp tục điều tra và cập nhật số lượng Voọc gáy trắng nếu có đủ tài trợ.

Mô hình bảo tồn trở thành điểm tham quan và học tập: Mô hình bảo tồn Voọc gáy trắng của CEGORN đã thu hút sự quan tâm lớn từ các tổ chức trong và ngoài nước. Tính đến hết năm 2023, Tổ bảo tồn Voọc gáy trắng đã đón tiếp khoảng 30 đoàn với hơn 300 thành viên. Nhiều nghiên cứu sinh, thạc sĩ và tiến sĩ đã chọn khu vực này để nghiên cứu và làm đề tài. Mô hình này được đánh giá là thành công và sẽ được áp dụng cho các địa phương khác có nhu cầu bảo tồn ĐVHĐ.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Lòng tin là giá trị cốt lõi để TCXH khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan:** CEGORN luôn chú trọng đến phương pháp tiếp cận để đảm bảo sự thành công của mỗi hoạt động và tạo ra những tác động tích cực cho địa phương. Một số phương pháp tiếp cận CEGORN hay áp dụng để triển khai các hoạt động như phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng, phương pháp tiếp cận hệ sinh thái, tiếp cận liên ngành, tiếp cận hệ thống... Thông qua đó CEGORN được nâng cao uy tín, tạo dựng hình ảnh và lòng tin đối với các bên liên quan. Với những giá trị này, CEGORN đã dễ dàng tiếp cận và hợp tác với các cơ quan, chính quyền địa phương các cấp để triển khai các hoạt động bảo tồn ĐDSH.

**Sự ủng hộ của chính quyền địa phương là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tính hiệu quả của công tác bảo tồn:** Nhờ có phương pháp tiếp cận phù hợp và đưa ra các kế hoạch hành động, nguồn lực thực hiện cụ thể đối với mỗi hoạt động dự kiến triển khai giúp CEGORN tạo được lòng tin và sự ủng hộ của địa phương. Các ý tưởng nhiệm vụ thực hiện bảo tồn ĐDSH đều phù hợp với định hướng quy hoạch, phát triển của tỉnh, huyện và người dân địa phương tại khu vực triển khai dự án. Điều này được minh chứng rõ thông qua mô hình bảo tồn Voọc gáy trắng trên địa bàn xã Thạch Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Để mô hình thành công như ngày hôm nay tỉnh Quảng Bình, huyện Tuyên Hóa đã ban hành nhiều văn bản nhằm ủng hộ cộng đồng địa phương cũng như các hoạt động của CEGORN trong quá trình triển khai dự án.

**Tìm kiếm thủ lĩnh cộng đồng như là điểm khởi đầu cho phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng:** Khi triển khai các hoạt động bảo tồn ở cấp cộng đồng, CEGORN bắt đầu với việc tìm kiếm thủ lĩnh cộng đồng. Ông Nguyễn Thanh Tú, một người dân địa phương, có tình yêu thương và tinh thần quyết tâm bảo vệ Voọc gáy trắng được xác định là một thủ lĩnh cộng đồng. Với tính cách này, ông đã thuyết phục được người dân trong cộng đồng ủng hộ và cùng đồng hành với mình trong các hoạt động bảo tồn Voọc gáy trắng. Ông được người dân đặt cho biệt danh "Tú Voọc" thể hiện sự tôn trọng, và được nhận được bằng khen của Thủ tướng chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi Trường, của UBND tỉnh Quảng Bình, huyện Tuyên Hóa và xã Thạch Hóa về những thành tích đóng góp trong công tác bảo tồn Voọc gáy trắng.

**Nỗ lực của chính cộng đồng là điều kiện cần thiết để duy trì các hoạt động bảo tồn một cách bền vững:**

CEGORN đã cùng đồng hành với tổ bảo tồn tự nguyện Voọc gáy trắng trong thời gian dài và cùng chung sức phát triển thành HTX nông lâm nghiệp. Đây là cách làm sáng tạo nhằm tạo ra nguồn thu đa dạng, bền vững hơn cho người dân thông qua phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp với bảo tồn Voọc gáy trắng. Hợp tác xã đã tìm kiếm các cơ hội khác nhau để phát triển các hoạt động sản xuất, dịch vụ tạo nguồn thu nhập tạo nguồn tài chính cho các hoạt động bảo tồn. Khi tài trợ của dự án bị cắt giảm, HTX đã bắt đầu tạo ra nguồn tài chính nhất định để hỗ trợ cho Tổ bảo tồn tự nguyện vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động bảo tồn.

## MÔ HÌNH GÂY QUỸ CHO HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VIỆT NAM



Nguồn: <https://conservationvietnam.org/>

### Tổ chức thực hiện:

Quỹ bảo tồn động thực vật hoang dã Việt Nam (CV)

### Phạm vi hoạt động:

Thành phố Hồ Chí Minh và toàn quốc

### Lĩnh vực hoạt động:

Gây quỹ, bảo tồn các loài linh trưởng...

Website: <https://conservationvietnam.org/>

## GIỚI THIỆU

Tổ chức được thành lập theo Quyết định số 1155/QĐ-BNN ngày 3/11/2021 của Bộ Nội vụ, có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh. Đây là tổ chức quỹ xã hội đầu tiên được thành lập về lĩnh vực bảo tồn được Bộ Nội vụ cấp phép. Với nguồn vốn từ quỹ ủy thác, Conservation Viet Nam (CV) có chức năng cung cấp tài trợ để hỗ trợ các tổ chức trong nước có hoạt động liên quan đến sứ mệnh bảo tồn ĐDSH. Quỹ hoạt động cùng với sự đồng hành của các nhà bảo tồn hàng đầu trong nước cùng các nhà đầu tư tư nhân có tiềm lực tài chính ở Việt Nam. Từ năm 2016, Quỹ đã thúc đẩy kết nối một số công ty hàng đầu Việt Nam với Tổ chức Fauna&Flora International về bảo tồn các loài linh trưởng quý hiếm. Đến năm 2024, CV chính thức trở thành đơn vị tiếp quản, điều phối chương trình Bảo tồn Linh trưởng ở Việt Nam. Hiện nay, Ban cố vấn của Quỹ gồm 6 thành viên và đội ngũ cán bộ gồm 7 thành viên. Các thành viên đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế, truyền thông, tài chính và bảo tồn ĐDSH.

## VAI TRÒ CỦA QUỸ TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Vai trò chính của CV trong bảo tồn ĐDSH là hoạt động gây quỹ bảo tồn từ các công ty, tập đoàn, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động bảo tồn ĐDSH, chống buôn bán ĐVHD trái pháp luật trong các khu rừng đặc dụng, phòng hộ ở Việt Nam. Đến nay, Quỹ Bảo tồn đã huy động được một nguồn vốn tài chính từ các tổ chức, công ty, cá nhân với cam kết lên đến 3 triệu USD, tương đương 75 tỉ đồng để chi cho các hoạt động tài trợ tại Việt Nam trong giai đoạn 2023-2025.

Sau khi huy động được nguồn tài trợ, CV tiến hành tài trợ lại cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn. Trong lần kêu gọi thứ nhất theo định hướng chiến lược 2023-2025, Quỹ bảo tồn đã kêu gọi và tiếp nhận được 11 đề xuất/11 tổ chức cho các dự án bảo tồn trên khắp cả nước và đã phê duyệt 4 dự án cho 4 tổ chức với tổng kinh phí là 21 tỉ đồng thực hiện tại các vườn quốc gia, Khu bảo tồn thuộc 5 tỉnh gồm Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Đồng Nai và Đắk Lắk. Trong năm thứ 3 hoạt động, Quỹ tiếp tục đặt mục tiêu gây quỹ được 25 tỉ đồng và tìm kiếm thêm 25 tỉ đồng để tài trợ các dự án về bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam (CV, 2024).

## KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG GÂY QUỸ ĐỂ HỖ TRỢ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Trong lĩnh vực về bảo tồn ĐDSH, CV đã huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ thành công cho các hoạt động về bảo tồn linh trưởng cho nhiều VQG, KBT ở Việt Nam như:

**Giai đoạn 2016-2021 (giai đoạn tiền thân trước khi chính thức thành lập Quỹ):** Cấp kinh phí cho hoạt động bảo tồn loài Voọc Mông Trắng tại huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Kết quả phát hiện và bảo tồn 13 đàn với 102 cá thể Voọc Mông Trắng (Chi cục kiểm lâm Hà Nam, 2023); Hỗ trợ tuần tra và giám sát Voọc Cát Bà, TP Hải Phòng. Kết quả ước tính 65-70 cá thể; Bảo tồn và giám sát quần thể Voọc Mũi hếch từ 90-120 cá thể tại Khu Ca, tỉnh Hà Giang; Bảo tồn và giám sát quần thể Vượn Cao Vít từ 110 cá thể lên 135 cá thể tại tỉnh Cao Bằng; Điều tra và xác nhận có 500 cá thể Voọc Chà và chân xám tại huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Ứng dụng drone tầm nhiệt trong giám sát Voọc Mũi hếch tại Khu Ca, tỉnh Hà Giang (Báo nhịp cầu đầu tư, 2024).

**Giai đoạn 2021 đến nay: Ngoài các dự án đã hỗ trợ thành công CV đang tiếp tục hỗ trợ các dự án về bảo tồn động vật hoang dã cho 4 tổ chức trên địa bàn của 5 tỉnh, thành phố gồm:** Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Đồng Nai và Đắk Lắk. Tổng kinh phí thực hiện 21 tỉ đồng trong giai đoạn từ năm 2023-2027. Cụ thể:

- Hỗ trợ dự án Bảo tồn loài Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*) cực kỳ nguy cấp. Dự án có thời gian 36 tháng (bắt đầu năm 2023) và triển khai tại Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Kẽ Gỗ (23.000ha), tỉnh Hà Tĩnh và Khu BTTN Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế (40.815ha). Tổng ngân sách tài trợ 6 tỉ đồng thông qua tổ chức Việt Nature.
- Hỗ trợ dự án Bảo tồn hệ sinh thái rừng, biển và các loài nguy cấp của Bán đảo Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng. Dự án có thời hạn 36 tháng (bắt đầu năm 2024) và triển khai tại Bán đảo Sơn Trà (4.439ha). Tổng kinh phí thực hiện 6 tỷ đồng, đối tượng là Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*) và thông qua tổ chức GreenViet.
- Hỗ trợ dự án bảo vệ các khu rừng vùng thấp nhằm bảo tồn các loài động vật nguy cấp. Dự án có thời gian 36 tháng (bắt đầu năm 2024) và triển khai tại VQG Cát Tiên và Khu BTTN – Văn hoá Đồng Nai. Đối tượng là Tê tê Java, Cá sấu xiêm, Voọc chà vá chân đen, Voi Châu Á. Tổng kinh phí thực hiện 3 tỉ đồng thông qua Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã Việt Nam (SVW).
- Hỗ trợ dự án tăng cường thực thi pháp luật nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã nguy cấp tại VQG Chư Yang Sin tỉnh Đắk Lắk. Dự án có thời gian 36 tháng (bắt đầu năm 2024). Đối tượng bảo vệ gồm Mang Lớn, Trĩ sao, Thỏ vằn, Cầy vằn Owston. Tổng kinh phí thực hiện 6 tỉ đồng thông qua tổ chức WildAct.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Truyền thông và quảng bá hình ảnh tổ chức:** CV đã tham gia nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế liên quan đến truyền thông gây quỹ cho hoạt động bảo tồn ở Việt Nam. Tiêu biểu như các hoạt động của CV tại chương trình Diễn đàn châu Á do Hiệp hội Doanh nghiệp Hồng Kông – Việt Nam tổ chức trong vai trò diễn giả nhằm chia sẻ đến quý đại biểu và quan khách tham dự những hoạt động của Quỹ Bảo tồn trong thời gian vừa qua; Tham dự chương trình “Hội nghị CEO, 2024” tại Sofitel Saigon Plaza; Chương trình đối thoại cùng các bạn sinh viên trong nước và quốc tế tại World Student Festival HCMC 2024; Tham gia nhịp cầu đầu tư kết nối với các đối tác; Lễ Vinh Danh Bình Chọn Top 50 Doanh Nghiệp Phát Triển Bền Vững Tiêu Biểu 2024 và Hội Nghị Thượng Đỉnh Tác Động Xanh 3P: People- Planet- Profit; Tham dự talkshow “Khởi chuyện - Cuộc đại tuyệt chủng lần thứ 6” thuộc chuỗi hội thảo và triển lãm “Sự Sống 2024” (CV, 2024).

**Xác định được mục tiêu, đối tượng rõ ràng:** Quỹ bảo tồn tập trung vào những kết quả tích cực cho bảo tồn ĐDSH và cho chính các tổ chức bảo tồn. Những dự án khác nhau sẽ cần các phương pháp tiếp cận khác nhau vì vậy, Quỹ bảo tồn ưu tiên hỗ trợ các tổ chức có khả năng tạo tác động theo hướng tích cực và sở hữu những lĩnh vực mà họ có ưu thế trong lĩnh vực bảo tồn.

**Áp dụng linh hoạt các mô hình gây quỹ trên thế giới vào Việt Nam:** Trong quá trình học tập tại nước ngoài, người đứng đầu của CV đã tiếp xúc với các mô hình của tổ chức phi lợi nhuận ngoài công lập với nguồn lực tài chính ban đầu đến từ các cá nhân, tổ chức tư nhân thông qua mô hình quỹ hiến tặng và hiểu được tác động đến cộng đồng cũng như khả năng duy trì sự phát triển của mô hình này. Đây chính là mô hình Quỹ bảo tồn lựa chọn để duy trì và vận hành được nguồn tài chính bền vững tại Việt Nam.

**Tiếp cận hiệu quả các đối tác thực hiện dự án cũng như tài trợ nguồn vốn thực hiện dự án:** CV luôn tìm các cá nhân, tổ chức tin mình để thực hiện các hoạt động bảo tồn ĐDSH là yếu tố quan trọng để khẳng định sự thành công của dự án. Vì vậy, trong giai đoạn mới thành lập, Quỹ dành nhiều thời gian để tiếp cận và thuyết phục các tổ chức bảo tồn uy tín ở Việt Nam như SVW, GreenViet, Việt Nature, WildAct, hiểu được triết lý, mục tiêu của Quỹ để sẵn sàng cùng đồng hành thực hiện dự án. CV cũng vận hành linh hoạt trong hoạt động gây quỹ từ các nhà tài trợ trong và ngoài nước. Đối với trong nước, Quỹ sẽ tiếp cận các tập đoàn đa quốc gia, các công ty và cá nhân người Việt Nam; đối với nước ngoài gồm các quỹ về bảo tồn, các cá nhân, tập đoàn lớn muốn hướng tới mục tiêu chung bảo tồn ĐDSH.

**Tiếp cận, làm việc với các đối tác bảo tồn uy tín tại Việt Nam:** Tập trung các nội dung truyền thông gây quỹ đối với các lĩnh vực liên quan như các hoạt động bảo tồn ĐDSH, bảo vệ ĐVHD. Hoạt động này phù hợp với chính sách của Đảng, Nhà nước và các chiến lược về môi trường, bảo tồn ĐDSH Việt Nam đang khuyến khích thực hiện.

**Rõ ràng về các điều khoản tài trợ:** Quỹ luôn có các điều khoản ràng buộc phù hợp với luật pháp và chính sách Việt Nam trong hợp đồng xin tài trợ cũng như hợp đồng với các đối tác để triển khai dự án nhằm hạn chế tối đa các rủi ro trong dòng tiền tài trợ. Toàn bộ nguồn tài chính nhận tài trợ và tài trợ cho các đối tác thực hiện các dự án về bảo tồn ĐDSH đều theo hướng dẫn của các Luật, Nghị định, thông tư hướng dẫn của Việt Nam. Các báo cáo tài chính hàng năm, theo dự án đều được kiểm toán minh bạch và hợp lệ

## MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG TRONG BẢO TỒN ĐỘNG VẬT BIỂN



Nguồn: CBES

### Tổ chức thực hiện:

Trung tâm Bảo tồn Đa dạng sinh học và các Loài nguy cấp (CBES)

### Phạm vi hoạt động:

Hà Nội, Hồ Chí Minh và toàn quốc

### Lĩnh vực hoạt động:

Sinh thái học, động vật học, thực vật học, bảo tồn sinh học và thống kê xử lý số liệu.

Website: <https://cbes.vn>

## GIỚI THIỆU

Trung tâm Bảo tồn Đa dạng sinh học và các loài nguy cấp (CBES) được thành lập vào năm 2018, là một tổ chức trực thuộc VUSTA. Tổ chức hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bảo tồn ĐDSH và nghiên cứu bảo vệ môi trường, với tầm nhìn hướng tới một Việt Nam bền vững với môi trường tự nhiên phong phú. Sứ mệnh của CBES là bảo tồn ĐDSH và bảo vệ các hệ sinh thái quan trọng thông qua các hoạt động nghiên cứu, giáo dục và hỗ trợ cộng đồng. Trụ sở chính của CBES đặt tại TP. Hồ Chí Minh, và tổ chức được dẫn dắt bởi đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực bảo tồn (VUSTA, 2018). Nhân sự của CBES bao gồm các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, và các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sinh thái học, động vật học, thực vật học, bảo tồn sinh học và thống kê xử lý số liệu.



## VAI TRÒ CỦA CBES TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC BIỂN

CBES là tổ chức tiên phong, đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và bảo tồn ĐDSH biển tại Việt Nam. Tổ chức này đã không ngừng nỗ lực phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện thành công nhiều chiến dịch nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng trong bảo tồn và cứu hộ các loại động vật biển, góp phần duy trì và bảo vệ sự sống của chúng trong môi trường tự nhiên.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, CBES đã tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về các loài động vật biển như cá Nược Minh Hải (cá heo), Dugong, cá heo Frase, rùa biển và cá voi đầu dừa. Những nghiên cứu này đã cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để xây dựng các kế hoạch bảo tồn hiệu quả, giúp hiểu rõ hơn về tình trạng và các mối đe dọa mà các loài này đang phải đối mặt. Ngoài ra, CBES còn tích cực nâng cao nhận thức cộng đồng thông qua các hoạt động truyền thông sáng tạo, như triển lãm lưu động “Nghe tiếng Nược về,” các buổi tập huấn, và hội thảo. Những hoạt động này không chỉ giáo dục mà còn tạo động lực cho cộng đồng trong việc bảo vệ ĐDSH biển.

CBES cũng đã thành công trong việc xây dựng một mạng lưới hợp tác rộng lớn, bao gồm các nhà khoa học, ngư dân, cơ quan quản lý, và các tổ chức phi chính phủ. Tổ chức đã hợp tác chặt chẽ với nhiều đối tác như BALYENA của Philippines, IUCN Việt Nam, Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư, Hội Nghề cá Việt Nam, UNDP, và WWF-Việt Nam, nhằm củng cố và mở rộng mạng lưới bảo tồn biển. Đặc biệt, CBES đã xây dựng một mạng lưới tình nguyện viên từ các ngư dân và cán bộ bảo tồn biển trên cả nước, đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện, cứu hộ, và bảo vệ các loài thú biển. Sự hợp tác này đã giúp CBES phát hiện kịp thời các trường hợp thú biển quý hiếm xuất hiện, như loài cá voi sát thủ (Orcinus orca) và cá voi Bryde (Balaenoptera edeni) tại vùng biển Bình Định, hay bầy cá Nược Minh Hải tại vùng biển Hà Tĩnh, từ đó thực hiện các biện pháp nghiên cứu, giám sát và bảo tồn kịp thời.

## KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG BẢO TỒN ĐỘNG VẬT BIỂN

CBES đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong bảo tồn thú biển tại Việt Nam, trong đó phải kể đến hoạt động nghiên cứu khoa học. Một trong những sáng kiến nổi bật của tổ chức là nghiên cứu và phát triển ứng dụng VietByCatch, một công cụ thu thập thông tin thời gian thực về các loài thú biển. Ứng dụng này không chỉ hỗ trợ việc lập bản đồ phân bố mà còn đóng vai trò quan trọng trong công tác cứu hộ và bảo tồn. CBES đã chuyển giao ứng dụng này cho 7 Ban quản lý KBT biển tại Việt Nam, tạo nên một hệ thống chia sẻ thông tin hiệu quả giữa các bên liên quan. Những dữ liệu quý giá thu thập được thông qua VietByCatch đã góp phần vào việc lập bản đồ phân bố và thiết kế các biện pháp bảo vệ kịp thời cho các loài thú biển. Bên cạnh đó, CBES còn ứng dụng kết quả nghiên cứu này trong phối hợp với IUCN để tổ chức các khóa tập huấn cứu hộ rùa biển và thú biển bị đánh bắt không chủ đích (bycatch) cho 16 KBT biển và 28 Chi cục Thủy sản các tỉnh/thành ven biển (Ai Trinh, 2024).



© Bryan and Cherry Alexander/WWF

CBES tiên phong trong việc ứng dụng nghiên cứu văn hóa và tín ngưỡng vào công tác bảo tồn. Trong 5 năm qua, tổ chức này đã nghiên cứu về tục thờ cá Ông – một tín ngưỡng lâu đời tại các vùng ven biển miền Trung và miền Nam Việt Nam. Thông tin loài được cung cấp từ việc phân tích mẫu xương ở các lăng Ông đã giúp hiểu rõ hơn về sự đa dạng của các loài thú biển, kết quả nghiên cứu này đã được Thạc sĩ Vũ Long - Giám đốc CBES, và cộng sự, công bố trên tạp chí Natural History vào tháng 5 năm 2023, định danh hơn 700 cá thể thú biển từ các mẫu xương thu thập tại các lăng Ông, xác định 25 loài thuộc 7 họ và 2 bộ, dựa trên phân tích hình thái học và DNA (CBES, 2023). Những nỗ lực này của CBES đã mang lại hiểu biết sâu sắc hơn về sự đa dạng của các loài thú biển tại Việt Nam và góp phần đưa ra các giải pháp bảo tồn hiệu quả. Ngoài ra, qua việc phối hợp với các cộng đồng địa phương, CBES đã bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa này, đồng thời tham gia tích cực tổ chức các lễ hội cầu ngư để gắn kết cộng đồng với công tác bảo tồn.

CBES đã đạt được những thành công đáng kể trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào các dự án nghiên cứu và bảo tồn, đặc biệt tại vùng biển Cần Giờ. Tổ chức đã sử dụng các công nghệ tiên tiến như GIS và viễn thám, kết hợp với phân tích dữ liệu và khảo sát thực địa liên tục trong 5 năm để theo dõi, kiểm đếm và bảo vệ quần thể cá Nược Minh Hải. Kết quả nghiên cứu này đã thu hút sự quan tâm của các bên liên quan, qua đó nâng cao nhận thức về bảo tồn quần thể quý hiếm này, kết quả là số lượng cá thể cá Nược đã tăng từ khoảng 50 vào năm 2019 lên hơn 70 cá thể vào năm 2023. Dự án không chỉ tập trung vào việc nghiên cứu và bảo tồn quần thể cá heo mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng về việc duy trì hệ sinh thái rừng ngập mặn. Qua đó, CBES đã góp phần tạo ra một môi trường sống an toàn cho cá heo và các loài động vật biển khác, đồng thời thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

Từ quá trình bảo tồn, CBES rút ra bài học quan trọng là sự kết hợp giữa nghiên cứu khoa học, giáo dục cộng đồng, và sự phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan là chìa khóa thành công. Tổ chức đã linh hoạt áp dụng công nghệ hiện đại và xây dựng mạng lưới tình nguyện viên, từ đó nâng cao hiệu quả bảo tồn và nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ cộng đồng.

**Nâng cao năng lực và chuyên môn:** Đầu tư vào đào tạo và phát triển năng lực cho đội ngũ nhân sự của CBES là rất cần thiết. CBES là tổ chức có nhiều nhân viên trẻ trung, năng động do đó việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, và các chương trình trao đổi kinh nghiệm với các chuyên gia và tổ chức khác giúp đội ngũ nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn. Điều này không chỉ giúp nhân viên của CBES nâng cao năng lực nghiên cứu, cải thiện hiệu quả hoạt động mà còn tăng cường khả năng thích nghi với các thay đổi về khoa học công nghệ trong công tác bảo tồn.

**Sử dụng dữ liệu và công nghệ:** Việc tận dụng các công nghệ mới và cải thiện hệ thống thu thập dữ liệu có thể giúp CBES vượt qua thách thức về thiếu hụt thông tin khoa học. Sử dụng công nghệ GPS, dữ liệu vệ tinh, và các công cụ phân tích số liệu hiện đại sẽ giúp theo dõi và đánh giá tình trạng ĐDSH chính xác hơn, từ đó hỗ trợ cho việc ra quyết định trong các hoạt động bảo tồn. Ngoài ra, cách tiếp cận dựa vào văn hóa, tín ngưỡng địa phương cũng hỗ trợ CBES rất hữu ích trong việc thu thập các thông tin có giá trị liên quan đến các loài thú biển.

**Tăng cường huy động nguồn lực:** Tăng cường huy động nguồn lực là một yếu tố quan trọng giúp các CBES duy trì và phát triển các hoạt động bảo tồn bền vững. Các CBES có thể tìm kiếm và đa dạng hóa các nguồn tài trợ từ nhiều nguồn khác nhau như các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp, và quỹ bảo tồn. Một ví dụ tiêu biểu cho mô hình này là dự án nghiên cứu và bảo tồn cá Nược Minh Hải tại Cần Giờ, một dự án được triển khai liên tục trong 5 năm. Dự án này không chỉ thu hút được sự tài trợ từ các tổ chức quốc tế mà còn nhận được sự hỗ trợ từ các đối tác chiến lược, bao gồm các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ, và các doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội. Sự hợp tác này đảm bảo nguồn lực tài chính và kỹ thuật ổn định, giúp duy trì dự án trong thời gian dài và đạt được các kết quả tích cực trong việc bảo tồn loài cá quý hiếm này.

Bên cạnh việc tìm kiếm các nguồn tài trợ, CBES cũng tăng cường thu hút tình nguyện viên và huy động nguồn lực từ cộng đồng địa phương. Sự tham gia của người dân địa phương không chỉ giúp bổ sung nguồn nhân lực mà còn nâng cao nhận thức về bảo tồn, tạo động lực cho cộng đồng cùng chung tay bảo vệ môi trường. Điều này đảm bảo rằng các hoạt động bảo tồn không chỉ là nỗ lực từ bên ngoài mà còn là sự tham gia và cam kết từ chính những người sống gần gũi với các hệ sinh thái cần được bảo vệ.

## MÔ HÌNH NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG CHO NGƯỜI DÂN VÀ NHÂN VIÊN KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN TỈNH THANH HÓA



Nguồn: <https://ccd.org.vn/>

### GIỚI THIỆU

Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên và Phát triển (CCD) được thành lập theo Quyết định số 935/QĐ-LHHVN của VUSTA vào ngày 02/11/2017, có trụ sở tại Hà Nội. Mục tiêu chính của CCD là nghiên cứu, bảo vệ và phục hồi ĐDSH, bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững tại Việt Nam. Các hoạt động chủ yếu của Trung tâm bao gồm nghiên cứu, giám sát ĐDSH, bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái, quản lý KBT, giảm xung đột giữa con người và động vật hoang dã, và thúc đẩy du lịch bền vững. CCD hiện có 25 nhân viên và cộng tác viên với chuyên môn trong các lĩnh vực như du lịch sinh thái, ĐDSH, tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, phát triển cộng đồng và quản lý rừng bền vững (CCD, 2024).

**Tổ chức thực hiện:** Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên và Phát triển (CCD)

**Phạm vi hoạt động:** Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên và Miền Nam Việt Nam.

**Lĩnh vực hoạt động:** Du lịch sinh thái, ĐDSH, tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, phát triển cộng đồng và quản lý rừng bền vững

**Website:** <https://ccd.org.vn/>

## VAI TRÒ CỦA CCD TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Sau hơn 7 năm thành lập và hoạt động, CCD đã chủ trì thực hiện hơn 50 dự án liên quan đến bảo tồn và ĐDSH với tổng kinh phí lên đến gần 50 tỉ đồng. CCD đã tích cực tham gia và để lại nhiều dấu ấn trong các hoạt động bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam. Đơn vị đã phối hợp với các Ban quản lý các VQG, KBT tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu, điều tra, khảo sát ĐDSH; Xây dựng kế hoạch bảo tồn; Xây dựng năng lực cho các bên liên quan trong bảo tồn ĐDSH và huy động nguồn lực xã hội hóa để trồng và phục hồi rừng.

Thông qua các dự án này, CCD chủ yếu thực hiện các hoạt động sau đây:

**Nghiên cứu, điều tra, khảo sát ĐDSH:** CCD đã thực hiện các dự án thuộc Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên và Miền Nam Việt Nam. Các hoạt động tập trung vào điều tra khảo sát các loài động, thực vật nguy cấp quý hiếm tại các VQG, KBT ở Việt Nam như: Điều tra và lập kế hoạch bảo tồn các loài cu li (*Nycticebus spp.*) ở KBTTN Xuân Liên và rừng phòng hộ Kim Bảng; điều tra và giám sát quần thể Voọc mông trắng dựa vào cộng đồng ở rừng phòng hộ Kim Bảng và rừng đặc dụng Hương Sơn; Điều tra phân bố của loài Trắc, Cẩm Lai ở Việt Nam...

**Xây dựng kế hoạch bảo tồn cho các VQG, KBT:** CCD đã hỗ trợ xây dựng kế hoạch bảo tồn Gấu cho Việt Nam; xây dựng kế hoạch bảo tồn cho các khu rừng đặc dụng như VQG Bến En, Vũ Quang, Xuân Liên, Pù Luông, Kim Bảng, Hương Sơn, Lạc Thủy và các khu rừng khác thuộc khu vực Tây Nguyên và Trung Trường Sơn. Các kế hoạch bảo tồn đảm bảo tính khả thi và phù hợp với chiến lược bảo tồn ĐDSH của Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến 2050.

**Nâng cao năng lực cho các bên liên quan trong bảo tồn ĐDSH:** CCD hỗ trợ nâng cao năng lực bảo tồn ĐDSH tập trung vào các loài Vượn đen má vàng (*Nomascus gabriellae*), Chà vá chân đen (*Pygathrix nigripes*), Bò tót (*Bos gaurus*), Nai (*Rusa unicorn*), Cá sấu nước ngọt (*Crocodylus siamensis*), Công xanh (*Pavo muticus*) và Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*) cho các cán bộ của VQG Cát Tiên; Nâng cao năng lực về giám sát ĐDSH cho các cán bộ của khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, Khu BTTN Xuân Liên và VQG Vũ Quang... CCD đã tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực về TTBVR, sử dụng công cụ SMART, điều tra ĐDSH và xử lý các tình huống vi phạm cho hơn 200 nhân viên/6 VQG và KBT; tổ chức 20 đợt tuyên truyền nâng cao nhận thức cho hơn 3.000 người dân và học sinh sinh sống tại vùng đệm của các VQG, KBT.

**Huy động nguồn lực xã hội hóa để trồng và phục hồi rừng:** Đến nay, CCD đã phát huy vai trò cầu nối, kết nối thành công với các doanh nghiệp để huy động nguồn vốn hơn 6 tỉ đồng triển khai các dự án trồng rừng gỗ lớn với diện tích 256,71 ha rừng suy thoái, cây bản địa được trồng bao gồm Giổi, Trắc, Cẩm lai, Trám đen, Lát hoa, Lim, ... tại các tỉnh Quảng Trị, Thanh Hóa và Hà Nội.



## KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Từ đầu năm 2018, CCD đã có những hoạt động đầu tiên tại Khu BTTN Xuân Liên, qua đây CCD đã xây dựng năng lực cho cán bộ Khu BTTN Xuân Liên và cộng đồng người dân vùng đệm của KBT. Năm 2022-2023, CCD đã phối hợp cùng Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên tổ chức triển khai bộ công cụ quản lý Dữ liệu về rừng và Báo cáo tuần tra (SMART) vào trong công tác tuần tra, giám sát, bảo vệ rừng Khu BTTN Xuân Liên cho nhân viên KBT và các thành viên tổ tuần tra rừng cộng đồng. Hiện nay, khu vực vùng đệm của Khu BTTN Xuân Liên đã có 12 tổ đội tham gia ứng dụng bộ công cụ SMART và huy động 1.248 lượt tổ viên tham gia. Trong năm 2023, đã thực hiện 652 chuyến tuần tra do cán bộ KBT phối hợp triển khai với các tổ tuần tra rừng cộng đồng, tương ứng với hơn 7.521,97 km đường rừng.

Nhờ áp dụng SMART, công tác quản lý, bảo vệ rừng ngày càng được tăng cường và triển khai thực hiện đạt kết quả cao. Qua báo cáo 6 tháng đầu năm 2024 của Khu BTTN Xuân Liên, nhờ áp dụng công cụ SMART trong TTBVR, đã phát hiện có 15 vụ vi phạm chủ yếu là khai thác lâm sản ngoài gỗ, giảm hơn 50% so với 6 tháng đầu năm 2023. Bên cạnh đó 100% các thành viên trong nhóm TTBVR đều khẳng định hiệu quả khi sử dụng công cụ SMART trong TTBVR giúp việc thể hiện kết quả tuần tra cụ thể và hiệu quả hơn. Từng tuyến tuần tra, ngày tuần tra, số km tuần tra, số giờ tuần tra, tọa độ các điểm nghi vấn, hình ảnh tuần tra, vị trí các bẫy ảnh hay vị trí phát hiện các loài động vật hoang dã đều được ghi lại và tổng hợp đầy đủ trong báo cáo tuần tra rừng của tổ bảo vệ rừng cộng đồng và cán bộ của KBT. Đây là số liệu quan trọng nhất về thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển rừng bền vững của Khu BTTN Xuân Liên, là cơ sở để xây dựng các báo cáo, các chương trình hành động bảo tồn ĐDSH phù hợp cho từng giai đoạn phát triển.

CCD đã hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu quản lý 24.728 ha rừng cho Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên bao gồm chi tiết các tuyến tuần tra, vị trí các điểm hay bị xâm hại để khai thác gỗ/thu hái lâm sản ngoài gỗ, các điểm xuất hiện các loài động, thực vật quý hiếm...điều này hỗ trợ công tác quản lý, chia sẻ và tổng hợp dữ liệu dễ dàng cho Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên.

Số vụ vi phạm giảm, số liệu TTBVR được cập nhật liên tục sau mỗi đợt khảo sát, năng lực TTBVR được cải thiện, sử dụng bộ công cụ SMART hiệu quả là thành tựu nổi bật của CCD trong vai trò hỗ trợ nâng cao năng lực bảo tồn ĐDSH cho người dân và cán bộ Khu BTTN Xuân Liên.



### BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Tạo được lòng tin từ các bên liên quan:** Từ BQL Khu BTTN Xuân Liên, cộng đồng địa phương, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh đều có lòng tin và ấn tượng tốt với CCD trong các hoạt động hỗ trợ bảo tồn và nhiều hoạt động khác trên địa bàn huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Để có được thành quả đó, CCD đã nỗ lực trong việc tổ chức nghiêm túc các hoạt động tại thực địa, đồng thời thường xuyên cập nhật kết quả và xây dựng các báo cáo định kỳ của dự án với các bên liên quan. Đây là yếu tố quan trọng để triển khai thành công dự án và được thể hiện rõ thông qua việc ban hành các văn bản để thực hiện dự án, cử cán bộ tham gia hỗ trợ và sự đồng thuận của tất cả các thành viên trong tổ bảo vệ rừng cộng đồng trong quá trình triển khai dự án.

**Sự ủng hộ của Khu bảo tồn:** Là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai của dự án, Khu BTTN Xuân Liên đã tạo điều kiện và cử cán bộ tham gia từ đầu và toàn bộ các hoạt động của dự án như: Tham gia các khóa tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ về bảo tồn ĐDSH, sử dụng công cụ SMART trong TTBVR, tổ chức các đợt tuần tra, bảo vệ có sự tham gia của nhiều bên liên quan (xã, tổ bảo vệ rừng, kiểm lâm), tạo hành lang pháp lý để thực hiện dự án trong KBT...Ngoài ra mô hình CCD đang thực hiện được BQL Khu BTTN Xuân Liên chia sẻ kết quả và hiệu quả đạt được với lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa và các BQL rừng tại các cuộc giao ban về công tác bảo tồn và phát triển rừng trên địa bàn.

**Thúc đẩy được sự tham gia có hiệu quả của cộng đồng trong công tác bảo vệ rừng:** Thành công nhất của dự án chính là thúc đẩy được sự tham gia hiệu quả của cộng đồng địa phương trong công tác bảo vệ rừng. Nhờ các hoạt động tuyên truyền bảo tồn ĐDSH, tập huấn nâng cao năng lực, hỗ trợ một phần kinh phí khi tham gia bảo vệ rừng cũng như tham gia các hoạt động du lịch sinh thái trong KBT nên các thành viên trong tổ bảo vệ rừng chính là những chiến binh rừng xanh hỗ trợ tích cực nhất cho lực lượng bảo vệ rừng của Khu BTTN Xuân Liên. Tất cả các thành viên trong tổ đều hướng tới một mục đích là bảo vệ rừng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Họ hành động không phải vì mục đích cá nhân mà vì lợi ích chung cho cả cộng đồng và xã hội.

## MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN VƯỜN ƯƠM CỘNG ĐỒNG ĐỂ LÀM GIÀU RỪNG CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ



Nguồn: Trần Hữu Tâm, CRD

### GIỚI THIỆU

#### Tổ chức thực hiện:

Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung (CRD)

**Phạm vi hoạt động:** Các tỉnh miền Trung Tây Nguyên: Thừa Thiên Huế; Quảng Nam, Đắk Lắk, Kon Tum, ...

#### Lĩnh vực hoạt động:

Sinh kế bền vững; Quản trị tài nguyên rừng và bảo tồn ĐDSH; và Biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai

#### Website:

<https://www.crdvietnam.org>

CRD là một tổ chức phi lợi nhuận trực thuộc trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, được thành lập năm 1995 theo Quyết định số 73/QĐ-TC do Đại học Huế ban hành ngày 07/11/1995. Mục tiêu của CRD hướng đến “một xã hội nông thôn phát triển bền vững, nơi không còn nghèo đói và con người sống có trách nhiệm với môi trường”. CRD hoạt động trên 03 lĩnh vực: Sinh kế bền vững; Quản trị tài nguyên rừng và bảo tồn ĐDSH; và Biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai. Mỗi lĩnh vực hoạt động được lồng ghép vấn đề về bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em và văn hoá truyền thống. Hoạt động của CRD bao gồm 05 nhóm: nghiên cứu; đào tạo; tư vấn kỹ thuật; truyền thông; góp ý và phản biện chính sách. CRD là một đơn vị tự chủ về tài chính, hoạt động chủ yếu thông qua các dự án được tài trợ bởi các tổ chức nước ngoài. Nhân lực của CRD gồm 12 cán bộ chuyên trách và 15 cán bộ bán chuyên trách/cộng tác viên là đội ngũ chuyên gia đến từ trường Đại học Nông lâm cũng như các trường Đại học thành viên của Đại học Huế; đội ngũ cán bộ đa ngành gồm kinh tế, xã hội học, tài nguyên và môi trường, nông-lâm-thủy sản, phát triển nông thôn, luật, ... với trên 90% có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

## VAI TRÒ CỦA CRD TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Trong lĩnh vực sinh kế bền vững, CRD đã hỗ trợ người dân phát triển và nhân rộng hơn 100 loại mô hình sinh kế ở các tỉnh miền Trung. Các mô hình sinh kế dưới tán rừng như trồng mây, quế, cây dược liệu không chỉ mang lại thu nhập cho người dân mà còn góp phần làm giàu tài nguyên rừng và tăng ĐDSH. Các mô hình phát triển sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, ngành nghề truyền thống ưu tiên cho đối tượng là người dân tộc thiểu số sống phụ thuộc vào rừng đã nâng cao thu nhập cho người dân qua đó giảm sự phụ thuộc của họ lên tài nguyên rừng, giảm áp lực khai thác rừng và vì vậy đã đóng góp tích cực vào bảo tồn ĐDSH.

Lĩnh vực quản trị tài nguyên rừng và bảo tồn ĐDSH đã có những đóng góp to lớn cho công tác bảo tồn ĐDSH. Điển hình, CRD đã tổ chức hàng trăm khoá tập huấn, tham quan học tập và hội thảo chia sẻ kinh nghiệm để phát triển năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho các cộng đồng được nhà nước giao rừng; giới thiệu và hỗ trợ các phương tiện để áp dụng công nghệ trong tuần tra bảo vệ rừng. Với năng lực được cải thiện, cộng đồng đã quản lý tốt hơn rừng được giao và tham gia tích cực trong công tác bảo tồn. CRD đã hỗ trợ cộng đồng thực hiện hoạt động trồng hàng chục héct-a cây bản địa dưới tán rừng cộng đồng, vừa làm giàu rừng và góp phần tăng thêm ĐDSH. Với mục đích bảo tồn các loài dược liệu bản địa, CRD đã hỗ trợ các cộng đồng khoanh nuôi bảo vệ, nhân giống tự nhiên và trồng cây dược liệu bản địa dưới tán rừng cộng đồng; đặc biệt là thu thập, trồng và nhân giống tại vườn nhà các loài cây dược liệu quý hiếm và có nguy cơ biến mất do khai thác tận diệt.

Trong năm năm vừa qua, CRD đã huy động được nguồn tài chính khoảng 40 tỉ đồng, chủ yếu từ các tổ chức nước ngoài. Hơn 60% nguồn tài chính này được đầu tư cho các hoạt động có liên quan đến bảo tồn ĐDSH. Hiện tại, CRD đang thực hiện 02 dự án tập trung vào bảo tồn ĐDSH: Dự án “tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội và cộng đồng trong bảo tồn ĐDSH khu vực Trung Trường sơn”, và Dự án “Phát triển sinh kế gắn với bảo tồn ĐDSH cây dược liệu bản địa cho cộng đồng dân tộc thiểu số tại miền Trung Việt nam”, với quy mô kinh phí khoảng 2.5 tỷ đồng/năm trong thời gian ít nhất 03 năm.

## KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ PHÁT TRIỂN VƯỜN ƯƠM CỘNG ĐỒNG ĐỂ LÀM GIÀU RỪNG CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã giao 31.626,8 ha rừng tự nhiên cho trên 80 cộng đồng và 225 nhóm hộ quản lý. Hầu hết diện tích này là rừng nghèo kiệt, và cộng đồng đang tìm kiếm các cơ hội để phục hồi và làm giàu rừng. Một trong các khó khăn của cộng đồng để hiện thực hoá mong muốn này đó là tiếp cận cây giống bản địa. Trước thực tế này, CRD đã hỗ trợ phát triển các vườn ươm cộng đồng, với mục đích giúp cho cộng đồng dân tộc thiểu số sản xuất cây giống để phục hồi và làm giàu rừng, đồng thời tạo việc làm, thu nhập cho dân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh cây giống sau này.

Năm 2020, CRD bắt đầu hỗ trợ cộng đồng tại xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông xây dựng vườn ươm. CRD đã cùng với các cộng đồng và nhóm hộ được nhà nước giao rừng để quản lý bảo vệ (sau đây gọi là cộng đồng/nhóm QLBR) xây dựng các tiêu chí (bao gồm: diện tích, vị trí, chất lượng đất đai, tính cam kết và đóng góp của hộ thành viên tham gia) chọn cộng đồng/nhóm QLBR để xây dựng vườn ươm. Sau đó, một cuộc họp các bên liên quan bao gồm đại diện các cộng đồng/nhóm QLBR, đại diện lãnh đạo xã, các tổ chức đoàn thể xã và ban điều hành các thôn đã được tổ chức để lựa chọn dựa trên tiêu chí này, và một nhóm QLBR với 08 hộ gia đình thành viên đã được chọn để xây dựng vườn ươm.

Sau khi chọn được nhóm QLBR, CRD đã hỗ trợ xây dựng Quy chế quản lý vận hành vườn ươm thông qua tổ chức hàng loạt các cuộc họp, thảo luận với nhóm QLBR. Quy chế được nhóm QLBR xây dựng và ban hành với các nội dung cơ bản về tổ chức quản lý, vận hành; trách nhiệm, quyền lợi; hoạt động sản xuất kinh doanh; quản lý tài chính và cơ chế chia sẻ lợi ích. Quy chế này đã được UBND xã Thượng Lộ phê duyệt theo quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 để đảm bảo tính pháp lý.

Tiếp theo đó, CRD đã hỗ trợ thực hiện chuỗi các hoạt động xây dựng năng lực cho nhóm QLBR. Tổ chức 05 khóa tập huấn về các chủ đề: Kỹ thuật thiết kế và xây dựng vườn ươm; kỹ thuật gieo ươm các giống cây gỗ, phi gỗ bản địa và các loại cây thuốc nam; kỹ năng xây dựng kế hoạch sản xuất



kinh doanh. Tổ chức 01 chuyến tham quan học tập cho các thành viên của nhóm tại các cơ sở vườn ươm tốt. Ngoài ra, cán bộ CRD thường xuyên giám sát và hướng dẫn kỹ thuật trực tiếp tại vườn để giúp người dân làm theo đúng các kỹ thuật đã được giới thiệu.

CRD đã hỗ trợ một phần kinh phí (30%) thông qua một dự án cùng với đóng góp của nhóm QLBRV để mua sắm các phương tiện thiết yếu cho vườn ươm. Vườn ươm cộng đồng của nhóm QLBRV có diện tích 1.200 m<sup>2</sup>, được thiết kế 10 luống gieo ươm (kích

thước luống gieo 10 x 1,2 m), lắp đặt hệ thống tưới phun sương, tường rào bằng lưới B40, và lưới chống nắng trên luống gieo ươm. Vườn ươm có khả năng sản xuất 10.000-15.000 cây giống/năm.

Sau 03 năm vận hành vườn ươm, nhóm QLBRV đã tổ chức sản xuất được 04 vụ với số lượng cây giống xuất vườn là: 7.000 cây giống gỗ bản địa gồm Lim xanh và Ươi, 5.000 cây giống gừng Gió và 450 cây giống dược liệu bản địa. Cây giống sản xuất ra được cung cấp cho các cộng đồng/nhóm QLBRV của xã để trồng dưới tán rừng tự nhiên thông qua một số chương trình/dự án. Ngoài ra, nhóm QLBRV đã tiếp thị đến các đơn vị có nhu cầu trồng rừng và đã xuất bán 4.500 cây giống lim xanh và 4.400 cây giống gừng gió cho Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Nam Đông và thu được trên 20 triệu Đồng, bước đầu tạo thêm nguồn thu nhập cho các hộ thành viên của nhóm QLBRV.

Vườn ươm của nhóm QLBRV đã tạo thành một điểm tham quan học tập và chia sẻ kinh nghiệm cho các cộng đồng QLBRV tại địa phương cũng như ở các địa phương khác. Từ khi vườn ươm được xây dựng đến nay, nhóm QLBRV đã đón tiếp và chia sẻ kinh nghiệm cho 08 đoàn tham quan đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc và khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Qua đây, những thành công của mô hình có thể được nhân rộng không chỉ trong phạm vi một xã mà còn mở rộng ra các tỉnh khác.

Từ những thành công của mô hình vườn ươm tại xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, CRD đã hỗ trợ nhân rộng mô hình này tại 03 xã Hồng Kim, Nhâm Quảng và Hồng Vân của huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế trong khuôn khổ Dự án “Phát triển sinh kế gắn với bảo tồn ĐDSH cây dược liệu bản địa cho cộng đồng dân tộc thiểu số tại miền Trung Việt Nam”. CRD đã áp dụng quy trình tương tự để hỗ trợ xây dựng vườn ươm tại các xã của huyện A Lưới. Tuy nhiên, một điểm đặc biệt đó là các vườn ươm này đều do nhóm phụ nữ chủ trì, họ là các hộ thành viên của các cộng đồng QLBRV tại xã. Ba vườn ươm tại 03 xã đã được xây dựng từ tháng 4 năm 2024, và đi vào hoạt động từ tháng 09/2024. Diện tích của mỗi vườn ươm giao động từ 500 m<sup>2</sup> đến 1.000 m<sup>2</sup> với công suất sản xuất tương ứng từ 5.000 đến 10.000 cây/năm. Hiện tại, các vườn ươm này đang tập trung sản xuất cây giống dược liệu bản địa để trồng bổ sung dưới tán rừng cộng đồng.



## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Hỗ trợ xây dựng vườn ươm cộng đồng theo một tiến trình hợp lý để đảm bảo sự thành công.** Tiến trình này có thể tổng hợp thành các bước: i) Lựa chọn cộng đồng phù hợp: cộng đồng tự phát triển tiêu chí để lựa chọn; cộng đồng cùng với các bên liên quan địa phương tiến hành lựa chọn; CRD đóng vai trò thúc đẩy nhưng không làm thay; ii) Xây dựng quy chế vận hành: cộng đồng tự xây dựng với sự hỗ trợ của CRD, và đặc biệt là quy chế được UBND xã phê duyệt để đảm bảo tính pháp lý; iii) Xây dựng năng lực cho cộng đồng: phải xem đây là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo tính bền vững của mô hình, và thực hiện thông qua các hoạt động đa dạng như tập huấn, tham quan học tập, hướng dẫn kỹ thuật tại vườn.

### Tiếp cận dựa trên điểm sáng, khuyến khích cộng đồng đề xuất những ý tưởng và hỗ trợ họ thực hiện

**Ý tưởng.** Tiếp xúc và trao đổi thường xuyên với các thủ lĩnh cộng đồng (trưởng cộng đồng/nhóm QLBRV) để nhận được các ý tưởng từ cộng đồng. Xác định và dựa vào các thành viên nòng cốt là những người có uy tín trong cộng đồng và tiên phong với cái mới để huy động nội lực của cộng đồng và lan tỏa tinh thần sẵn sàng tham gia cho các thành viên trong cộng đồng.

**Phương pháp thực hiện** là yếu tố quyết định đến chất lượng của hoạt động chuyển giao kỹ thuật cho người đồng bào dân tộc thiểu số. Sử dụng các phương pháp chuyển giao kỹ thuật đơn giản theo cách “cầm tay chỉ việc”, ưu tiên hướng dẫn cụ thể ngoài thực địa hơn là trình bày giải thích trong phòng học. Tôn trọng các kiến thức, kinh nghiệm bản địa của người dân, lồng ghép khéo léo giữa kiến thức hàn lâm với kiến thức bản địa, vừa dễ để người dân tiếp thu vừa khơi dậy niềm tự hào và tạo động lực học tập cho người dân.

**Xây dựng năng lực cho cộng đồng** không phải là việc làm trong ngày một ngày hai mà là một quá trình và đảm bảo đủ thời gian. Không chỉ thực hiện các hoạt động tập huấn cho người dân là xong mà cần phải duy trì giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong suốt quá trình áp dụng kỹ thuật vào thực tế sản xuất cho đến khi họ đủ kinh nghiệm và tự tin để tự thực hiện.

## 3.2 BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT CỦA CÁC TCCĐ

### MÔ HÌNH BẢO TỒN BIỂN DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



Nguồn: <https://culaochammpa.com.vn>

**Tổ chức thực hiện:** Tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương, Cù Lao Chàm

**Phạm vi hoạt động:** Cù Lao Chàm

**Lĩnh vực hoạt động:** Sinh kế bền vững; Quản trị tài nguyên rừng và bảo tồn ĐDSH; và Biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai

**Website:** <https://culaochammpa.com.vn>

### GIỚI THIỆU

Tiểu khu Đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương, thành lập từ năm 2011 (trên cơ sở KBT biển từ năm 2002), là mô hình quản lý bền vững tài nguyên biển tiêu biểu tại Việt Nam. Tiểu khu tập trung bảo vệ ĐDSH biển, nâng cao nhận thức cộng đồng và thúc đẩy sinh kế bền vững cho người dân. Nhờ sự tham gia tích cực của cộng đồng, Tiểu khu đã bảo vệ thành công các rạn san hô và hệ sinh thái biển, đồng thời phát triển du lịch sinh thái, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Thành công của Tiểu khu Bãi Hương là tấm gương sáng, truyền cảm hứng cho nhiều cộng đồng ven biển khác. Đề án thành lập Tiểu Khu Đồng quản lý bảo tồn biển Bãi Hương được triển khai từ năm 2011-2013 theo quyết định số 2614/QĐ – UBND ngày 22/8/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam. Trong giai đoạn này, các hoạt động tham vấn cộng đồng, điều tra và phân vùng chức năng đã được thực hiện. Đến năm 2013, Quy chế quản lý Tiểu Khu được phê duyệt, và BQL Tiểu khu đã có 16 thành viên, gồm các tổ chức và bộ phận như Tổ truyền thông, Tổ tuần tra và Tổ tự quản.

### VAI TRÒ CỦA TIỂU KHU BÃI HƯƠNG TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

**Bảo vệ hệ sinh thái biển:** Tiểu khu Bãi Hương đã có những đóng góp lớn trong việc bảo vệ hệ sinh thái biển của Cù Lao Chàm, góp phần vào việc bảo tồn ĐDSH và gìn giữ những giá trị của Cù Lao Chàm - Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới được

UNESCO công nhận. Để bảo vệ nguồn lợi thủy sản và duy trì sự cân bằng sinh thái biển BQL tiểu khu và cộng đồng ngư dân đã thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác thủy sản trái phép, sử dụng các phương pháp hủy diệt và gây ô nhiễm môi trường. Việc bảo vệ rạn san hô, thảm cỏ biển và các hệ sinh thái khác là vô cùng quan trọng, vì đây là nơi sinh sống và sinh sản của nhiều loài thủy sản (UBND tỉnh Quảng Nam, 2013).

**Phát triển các hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng:** BQL tiểu khu đã chủ động phát triển các mô hình du lịch sinh thái biển như đi thuyền, lặn ngắm san hô, homestay tạo ra nguồn thu nhập bền vững cho cộng đồng, đồng thời giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên. Các hoạt động dịch vụ du lịch tại Bãi Hương đều tuân thủ các nguyên tắc bảo tồn và phát triển các giá trị tài nguyên thiên nhiên, môi trường, ĐDSH, văn hoá và lịch sử theo nguyên tắc đồng quản lý, đảm bảo phát triển bền vững.

**Bảo vệ rạn san hô:** BQL tiểu khu Bãi Hương đã tổ chức nhiều hoạt động học tập, thực hành việc phục hồi rạn san hô tại Cù Lao Chàm. Kết quả từ năm 2019 đến nay, BQL đã phục hồi được 4000 m<sup>2</sup> rạn san hô và xây dựng 4 vườn ươm san hô cứng tại đây. Kết quả độ phủ san hô sống tại các vùng rạn trong Tiểu khu Bãi Hương có xu hướng tăng và ở mức độ tốt, tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho sinh vật biển phát triển.

**Giáo dục và nâng cao nhận thức:** TCCĐ tổ chức các chương trình giáo dục và tuyên truyền cho cộng đồng địa phương và du khách về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường biển.

**Quản lý KBT biển:** BQL giám sát việc thực thi các quy định về khai thác và bảo vệ tài nguyên biển, đồng thời hỗ trợ các hoạt động tuần tra và giám sát môi trường. Sau gần 9 năm hoạt động, Tiểu khu Đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương đã đạt nhiều thành tựu đáng kể. Tiêu biểu là việc ban hành quy chế quản lý, đạt sự đồng thuận cao trong cộng đồng, đặc biệt là ngư dân, nhờ đó người dân tích cực tham gia bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, phục hồi rạn san hô. Cơ cấu tổ chức quản lý được hoàn thiện và vận hành hiệu quả, nhận thức và năng lực của người dân được nâng cao, thu hút nhiều tổ chức đầu tư vào khu vực.

Môi trường và nguồn lợi của Tiểu khu được bảo vệ tốt, cảnh quan sạch đẹp thu hút du khách ngày càng đông, cải thiện đáng kể thu nhập và đời sống người dân. Hoạt động khai thác thủy sản được kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt là ngăn chặn khai thác trái phép từ bên ngoài. Các nỗ lực bảo tồn loài thủy sản có nguy cơ suy giảm như cua đá, rong nho, san hô đã được chú trọng. Thành công này là kết quả của sự chung tay của BQL cộng đồng, người dân, và sự hỗ trợ từ BQL KBT biển Cù Lao Chàm và Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An.

### KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Tiểu khu Bãi Hương đã vinh dự được xướng tên trong danh sách những tập thể xuất sắc nhận Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021, do Bộ TN&MT trao tặng. Với giải thưởng cao quý này, Tiểu khu Bãi Hương đã khẳng định vị thế là một trong những mô hình bảo tồn biển thành công nhất tại Việt Nam với những cách làm riêng biệt và sáng tạo của mình.

**Sáng tạo trong cách làm:** Tiểu khu Đồng quản lý bảo tồn biển Bãi Hương đã phát triển mô hình “Đồng quản lý biển”, kết hợp giữa cộng đồng và chính quyền địa phương để quản lý tài nguyên biển một cách bền vững. Đáng chú ý, đây là đơn vị đầu tiên trong cả nước được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trao quyền quản lý và sử dụng mặt nước biển, với diện tích khoảng 19,05 km<sup>2</sup> (Báo Tài nguyên Môi trường, 2023).

**Hiệu quả của các hoạt động bảo tồn:** Trong 10 năm qua, hệ sinh thái san hô tại Cù Lao Chàm đã phục hồi 25%, với độ ĐDSH tăng đáng kể. Bên cạnh đó, diện tích thảm cỏ biển được mở rộng từ 8 ha lên 12 ha, góp phần vào việc tái sinh các loài rong quý như rong nho và rong mơ. Nhờ những biện pháp bảo tồn nghiêm túc, số lượng cua đá và ốc biển cũng tăng lần lượt 25% và 15%. Tiểu khu còn đóng góp vào việc xây dựng các chính sách bảo vệ môi trường biển, tăng trưởng kinh tế từ du lịch sinh thái với lượng khách du lịch tăng 15% hàng năm, và huy động thành công 3 tỷ VND từ các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp để hỗ trợ các hoạt động bảo tồn.

**Phối hợp và nâng cao nhận thức cộng đồng:** Tiểu khu đã hợp tác hiệu quả với nhiều bên liên quan, bao gồm các tổ chức nghiên cứu, chính quyền địa phương, và doanh nghiệp du lịch để bảo vệ môi trường biển. Những nỗ lực này đã dẫn đến việc cấy san hô và tạo rạn mới thành công, tăng cường ý thức cộng

đồng thông qua 25 hội thảo và 15 lớp tập huấn, cùng với việc thành lập 3 câu lạc bộ bảo vệ môi trường với 150 thành viên. Kết quả là, 90% người dân đã giảm sử dụng túi nilon và 60% tham gia vào phân loại rác.

**Ngăn chặn khai thác hủy diệt:** Số vụ vi phạm liên quan đến khai thác trái phép đã giảm 40% từ năm 2015 đến 2023 nhờ vào việc tăng cường tần suất tuần tra lên 20 lần/năm, với sự phối hợp tham gia tuần tra của các lực lượng biên phòng, BQL, ngư dân (Báo Tài nguyên Môi trường, 2023). Các hoạt động tuần tra này đã góp phần bảo vệ rạn san hô và các loài sinh vật biển khỏi những hoạt động khai thác trái phép, duy trì sức khỏe của hệ sinh thái biển.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Xác định rõ sức mạnh của cộng đồng là động lực bền vững cho bảo tồn:** Sự thành công của Tiểu khu Đồng quản lý Bảo tồn Biển Bãi Hương là minh chứng rõ ràng cho sức mạnh của sự tham gia cộng đồng. Bằng việc trao quyền cho người dân địa phương như trong việc thiết kế và thực thi quy chế quản lý và hoạt động, mô hình này đã tạo ra một lực lượng bảo vệ môi trường hùng hậu và hiệu quả. Mỗi cá nhân, gia đình tại Bãi Hương đều trở thành những “người gác rừng biển”, góp phần bảo vệ tài sản chung của cộng đồng.

**Trao quyền thông qua nâng cao nhận thức, trang bị kỹ năng là cốt lõi của việc bảo tồn dựa vào cộng đồng:** Việc đầu tư vào nâng cao nhận thức và kỹ năng cho cộng đồng là một trong những yếu tố cốt lõi của thành công. Qua các chương trình đào tạo, tuyên truyền, người dân không chỉ hiểu rõ hơn về giá trị của ĐDSH mà còn được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tham gia vào các hoạt động bảo tồn một cách hiệu quả. Sự hỗ trợ ban đầu của dự án DANIDA trong nâng cao nhận thức và chuyển đổi sinh kế cho ngư dân cũng là những đóng góp đáng ghi nhận.

**Hợp tác tích cực với các bên liên quan vì một mục tiêu bảo tồn chung:** Sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan, từ chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ đến các nhà khoa học, đã tạo ra một mạng lưới hỗ trợ vững chắc cho tiểu khu. Đặc biệt, do đặc thù của Bãi Hương thuộc KBT biển Cù Lao Chàm đồng thời cũng là một phần quan trọng của khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An. Mỗi bên đóng góp những thế mạnh riêng, cùng nhau giải quyết các thách thức và nhân rộng thành công.

**Tự giác thực hiện và giám sát nghiêm ngặt là cách bảo vệ thành quả bảo tồn của cộng đồng:** Hệ thống giám sát chặt chẽ đã giúp ngăn chặn hiệu quả các hành vi khai thác trái phép, bảo vệ thành quả bảo tồn. Việc tuần tra thường xuyên, kết hợp với sự tham gia của bộ đội biên phòng, công an viên và cộng đồng, đã tạo ra một lực lượng, rào chắn vững chắc bảo vệ hệ sinh thái biển quý giá, đủ sức ngăn chặn các hành vi khai thác trái phép. Việc duy trì được sự hỗ trợ trích từ 2% kinh phí bán vé tham quan cũng là nguồn thu quan trọng cho các hoạt động bảo tồn của BQL.

**Linh hoạt thích ứng với xu hướng, lồng ghép khôn khéo giữa phát triển và bảo tồn:** Áp lực từ du lịch là những thách thức lớn đối với bất kỳ KBT nào. Tuy nhiên, Tiểu khu Bãi Hương đã chứng minh khả năng thích ứng và đổi mới đáng nể. Bằng việc áp dụng các loại hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, có chọn lọc các hoạt động và đối tượng du khách, không hướng đến du lịch đại trà nên đảm bảo cho việc bảo tồn bền vững, tiểu khu đã không ngừng hoàn thiện mô hình quản lý, các dịch vụ du lịch của mình để đáp ứng nhu cầu phát triển sinh kế dựa trên bảo tồn. Sử dụng các tàu công suất nhỏ, thuyền thúng để phục vụ du lịch là cách làm tránh tác động và ô nhiễm cho vùng bảo tồn, đặc biệt là khu vực có san hô.

**Bảo tồn mới có phát triển, nhận thức sâu rộng trong cộng đồng:** Mô hình đồng quản lý Bãi Hương đã chứng minh rằng bảo tồn và phát triển kinh tế không phải là hai mục tiêu đối lập mà có thể đi đôi với nhau. Bằng cách phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng vừa bảo vệ được môi trường, vừa nâng cao thu nhập.

Thành công của Tiểu khu Đồng quản lý Bảo tồn Biển Bãi Hương là một bài học quý báu cho các KBT khác. Mô hình này đã chứng minh rằng với sự tham gia tích cực của cộng đồng, sự hỗ trợ của các bên liên quan và một chiến lược bảo tồn hiệu quả, chúng ta hoàn toàn có thể bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước.

## MÔ HÌNH QUẢN LÝ RỪNG THÔN CHÈNH VÊNH: CỘNG ĐỒNG CHUNG TAY BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN



Nguồn: Báo người lao động

### Tổ chức thực hiện:

Ban Quản lý Rừng Cộng Đồng thôn Chênh Vênh

### Phạm vi hoạt động:

Thôn Chênh Vênh, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

**Lĩnh vực hoạt động:** Bảo tồn ĐDSH, quản lý và bảo vệ rừng, đồng thời phát triển bền vững

## GIỚI THIỆU

Ban Quản lý Rừng Cộng Đồng thôn Chênh Vênh (BQL) được thành lập vào năm 2018 với mục tiêu bảo tồn ĐDSH, quản lý và bảo vệ rừng, đồng thời phát triển bền vững. BQL có trụ sở tại thôn Chênh Vênh, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, và được điều hành bởi ông Hồ Văn Chiến. Từ năm 2008, BQL bắt đầu quản lý 100 ha rừng nghèo thuộc tiểu khu 652B với sự hỗ trợ của Viện nghiên cứu tài nguyên và môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội - CRES. Đến năm 2017, Dự án “Hành lang bảo tồn ĐDSH tiểu vùng Mê Công mở rộng giai đoạn 2” (BCC) đã mở rộng diện tích rừng quản lý lên 698,358 ha trong 50 năm. Hiện nay, cộng đồng thôn Chênh Vênh quản lý tổng cộng 798,358 ha rừng tự nhiên, thuộc tiểu khu 651 và 652B, nằm trong quy hoạch rừng sản xuất của xã Hướng Phùng.

Với sự hỗ trợ của dự án “Thúc đẩy quan hệ đối tác bền vững giữa chủ rừng nhóm hộ gia đình và doanh nghiệp trong thực hiện quản lý rừng bền vững nhằm ứng phó biến đổi khí hậu” từ 2020-2023 do Liên minh Châu Âu và tổ chức Ủy ban Y tế Hà Lan - Việt Nam (MCNV), BQL đã phát triển các hoạt động sinh kế bền vững gắn với bảo vệ tài nguyên rừng và gia nhập Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Quảng Trị vào tháng 12/2020. BQL hiện có cơ cấu tổ chức gồm Ban quản lý, Ban giám sát, và các tổ tuần tra bảo vệ

rừng với 45 thành viên đại diện cho cộng đồng thôn Chênh Vênh với 7 tổ quản lý, bảo vệ rừng được thành lập gồm 6 tổ nam và 1 tổ nữ.

## VAI TRÒ CỦA BQL RỪNG CỘNG ĐỒNG THÔN CHÊNH VÊNH TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

**Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo tồn:** Ban quản lý rừng cộng đồng thôn Chênh Vênh đã triển khai nhiều hoạt động bảo tồn và quản lý rừng bền vững, bao gồm việc phục hồi rừng suy thoái, bảo vệ tài nguyên rừng và phát triển mô hình lâm nghiệp cộng đồng. Họ cũng tổ chức các chương trình tuyên truyền giáo dục về bảo vệ rừng, gắn kết cộng đồng với các hoạt động du lịch sinh thái, góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân trong công tác bảo vệ ĐDSH.

**Đạt chứng nhận FSC:** Khu rừng do BQL bảo vệ đã đạt được chứng nhận quản lý rừng bền vững của Hội đồng Quản trị Rừng Quốc tế (FSC) – lần đầu tiên tại Việt Nam, một khu rừng tự nhiên giao cho cộng đồng quản lý nhận được chứng nhận FSC về lâm sản ngoài gỗ. Đây là minh chứng cho hiệu quả trong quản lý rừng bền vững và bảo tồn ĐDSH. Chứng chỉ này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn cải thiện sinh kế cho người dân địa phương, tạo ra một mô hình tiêu biểu về sự kết hợp giữa bảo tồn và phát triển kinh tế bền vững.

**Ngăn chặn phá rừng và săn bắt ĐVHD:** Trước năm 2018, Chênh Vênh từng đối mặt với tình trạng phá rừng và săn bắn tràn lan. Tuy nhiên, nhờ sự phối hợp của chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm và cộng đồng, tình hình đã cải thiện đáng kể. Việc thành lập đội bảo vệ rừng cộng đồng và tăng cường tuần tra đã giúp ngăn chặn các hành vi vi phạm như chặt phá rừng và săn bắn trái phép. Hơn 300 bẫy thú đã được gỡ bỏ và nhiều lán trại bất hợp pháp bị phá dỡ, góp phần bảo vệ môi trường sống của ĐVHD.

**Tuần tra và bảo vệ rừng:** Ban quản lý rừng thôn Chênh Vênh đã đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và giám sát tài nguyên rừng. Các cuộc tuần tra được tổ chức thường xuyên (3-4 lần/tháng) với sự tham gia của các tổ trong BQL, bao gồm cả tổ do phụ nữ trong thôn điều hành, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại như chặt phá rừng hay săn bắn động vật trái phép. Nhờ sự am hiểu địa hình và kinh nghiệm của các thành viên, nhiều hành vi vi phạm đã được xử lý kịp thời, góp phần bảo vệ hệ sinh thái rừng và tạo môi trường sống an toàn cho nhiều loài động vật quý hiếm.

**Phục hồi và làm giàu rừng:** Bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ, BQL còn chú trọng đến việc phục hồi và làm giàu rừng bằng cách trồng các loại cây bản địa như Mây, Trấu có giá trị kinh tế và sinh thái cao. Đồng thời, họ thúc đẩy việc tái sinh tự nhiên của rừng thông qua việc kiểm soát khai thác quá mức và bảo vệ các khu vực rừng quan trọng. Những nỗ lực này đã giúp tái tạo lại hệ sinh thái, thu hút nhiều loài động vật và thực vật quý hiếm quay trở lại.

**Phối hợp và phát triển bền vững:** Thành công của BQL rừng Chênh Vênh đến từ sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cộng đồng. Ngoài việc tuần tra và bảo vệ rừng, họ còn tổ chức các chương trình tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn rừng. Để đảm bảo sự bền vững, BQL cũng tìm kiếm các mô hình kinh tế bền vững như phát triển du lịch sinh thái và trồng rừng kinh tế, tạo thu nhập cho cộng đồng, giảm bớt áp lực lên rừng và đảm bảo sự phát triển lâu dài của công tác bảo vệ rừng.

Việc kết hợp các yếu tố bảo tồn, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế đã giúp BQL rừng Chênh Vênh trở thành mô hình tiêu biểu trong bảo tồn ĐDSH tại Việt Nam

## KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

**Nâng cao nhận thức cho cộng đồng và BQL về bảo vệ rừng bền vững:** Trước đây, khái niệm về chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC còn rất mới mẻ và xa lạ với cộng đồng thôn Chênh Vênh. Người dân chủ yếu tập trung vào việc canh tác nương rẫy và ít quan tâm đến các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý rừng. Tuy nhiên, nhờ vào các chương trình tập huấn và sự hỗ trợ từ các tổ chức như Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Quảng Trị (Hội CCR Quảng Trị) và MCNV, nhận thức của cộng đồng đã có những thay đổi đáng kể. Ông Hồ Văn Chiến, Trưởng BQL rừng cộng đồng thôn Chênh Vênh, chia sẻ rằng trước đây, người dân không hề biết chứng nhận FSC là gì. Nhưng sau khi được giải thích về ý nghĩa và lợi ích của chứng chỉ này, họ đã hiểu rằng FSC là một chứng nhận quốc tế công nhận rừng được quản lý và bảo vệ tốt. Điều này không chỉ giúp nâng cao giá trị kinh tế của lâm sản ngoài gỗ mà còn thu hút sự quan tâm và hỗ trợ từ các nhà tài trợ.

Việc thay đổi nhận thức của cộng đồng thông qua những buổi tập huấn đã giúp người dân nhận ra rằng việc đạt được chứng chỉ FSC không chỉ là một danh hiệu mà còn là cơ hội để cải thiện sinh kế và bảo vệ môi trường. Họ đã trở nên hào hứng và tích cực tham gia vào các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng theo tiêu chuẩn FSC. Sự thay đổi này không chỉ thể hiện qua nhận thức mà còn qua hành động cụ thể, khi cộng đồng chuẩn bị sẵn sàng cho các kỳ đánh giá FSC giai đoạn 2021-2025. Nhờ vào sự thay đổi nhận thức này, cộng đồng thôn Chênh Vênh đã đạt được chứng chỉ FSC vào tháng 11 năm 2021, trở thành một trong những cộng đồng đầu tiên tại Việt Nam được cấp chứng nhận này cho rừng tự nhiên do cộng đồng quản lý.

**Quản lý và phục hồi ĐDSH trên diện tích rừng đạt chứng chỉ FSC:** Tại thôn Chênh Vênh, cánh rừng tự nhiên rộng 676 ha đã được cấp chứng chỉ FSC, với sự tham gia bảo vệ của 80 hộ dân. Khu rừng này vẫn giữ được vẻ nguyên sơ với nhiều cây có đường kính khoảng 1 m như Dổi, Sao Sao, Sao Cát, Lội... Nhiều loài thú quý hiếm có trong Sách đỏ đã trở về sinh sống và phát triển như Voọc gáy trắng, các loài khỉ, gà lôi, hươu, nai cũng được ghi nhận tại đây. Ngoài ra, khu rừng còn phong phú với nhiều loại tre, nứa, mây và cây dược liệu, tạo nên một hệ sinh thái đa dạng và phong phú.

**Sự tham gia tự nguyện giữ rừng của đồng bào Vân Kiều:** Từ khi được giao rừng, cộng đồng thôn đã thành lập BQL, ban giám sát và 7 tổ bảo vệ gồm 42 người, tất cả đều tham gia trên tinh thần tự nguyện. Dù không được hưởng bất cứ kinh phí nào, tinh thần giữ rừng của người dân ở đây rất cao. Mỗi tuần, thôn Chênh Vênh lại cất cử người luân phiên nhau đi tuần tra rừng, mỗi chuyến kéo dài 1-2 ngày với 4-5 người tham gia. Khi phát hiện người lạ hoặc dấu hiệu xâm phạm rừng, tổ tuần tra rừng sẽ ngăn chặn, đẩy đuổi và trình báo cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý. Nhờ được bảo vệ nghiêm ngặt, cánh rừng cộng đồng của thôn sinh trưởng và phát triển tốt.





## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Khuyến khích tinh thần bảo vệ rừng:** niềm tin của cộng đồng địa phương rằng việc bảo vệ rừng chính là bảo vệ cuộc sống của chính mình đã tạo ra một hàng rào vững chắc bảo vệ các khu rừng đầu nguồn và nguồn nước quý giá. Để phát huy niềm tin này, BQL đã phối hợp với địa phương và các bên liên quan để thiết kế và triển khai các hoạt động tuyên truyền và giáo dục, nhấn mạnh mối liên hệ giữa sức khỏe của cộng đồng và tình trạng của rừng. Sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ rừng nên được khuyến khích và hỗ trợ bằng cách kết hợp các giá trị văn hóa truyền thống với các phương pháp bảo tồn hiện đại.

**Áp dụng kiến thức bản địa trong bảo tồn rừng:** Tại thôn Chênh Vênh, người Vân Kiều coi rừng không chỉ là nguồn tài nguyên mà còn là phần thiết yếu của văn hóa và cuộc sống hàng ngày. Những khu rừng thiêng là nơi an nghỉ của tổ tiên và là địa điểm diễn ra các lễ hội truyền thống, phản ánh sự gắn bó sâu sắc giữa cộng đồng và môi trường tự nhiên. Để bảo tồn rừng hiệu quả, việc BQL luôn tôn trọng và kế thừa những phong tục tập quán này là rất quan trọng. Ví dụ, các nghi lễ bảo vệ rừng hàng năm được tổ chức theo truyền thống đã giúp duy trì sự kết nối giữa các thành viên trong cộng đồng và rừng, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ và gìn giữ tài nguyên thiên nhiên.

Hơn nữa, người Vân Kiều sở hữu những kiến thức truyền thống phong phú về quản lý rừng, như kỹ thuật canh tác bền vững và nhận diện các loài cây, động vật quan trọng. **Việc kết hợp những kiến thức này với công nghệ hiện đại** trong tuần tra, kiểm soát (ứng dụng SMART, thiết bị GPS) đã giúp tối ưu hóa hiệu quả bảo tồn và duy trì sự ĐDSH. Ví dụ, phương pháp thu hoạch măng, cây mây trong rừng theo cách truyền thống của họ, như việc sử dụng công cụ thô sơ và kỹ thuật cắt bẻ truyền thống, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực lên hệ sinh thái. Sự tham gia tích cực của cộng đồng trong việc xây dựng và thực hiện các chiến lược bảo tồn cũng đóng vai trò quan trọng, đảm bảo các hoạt động bảo vệ rừng được thực hiện đồng bộ và hiệu quả. Nhờ sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa bản địa và quản lý hiện đại, thôn Chênh Vênh đã tạo ra một mô hình bảo tồn bền vững, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và duy trì sự gắn bó của cộng đồng với môi trường sống của họ.

## MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG GẮN VỚI BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC



Nguồn: Nhóm Tác giả, 2024

### Tổ chức thực hiện:

Hợp tác xã Du Lịch Vân Long

### Phạm vi hoạt động:

Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

### Lĩnh vực hoạt động:

Bảo tồn ĐDSH, du lịch sinh thái

### Website:

<http://dulichvanlong.vn>

## GIỚI THIỆU

Đầm Vân Long, viên ngọc quý của di sản Ninh Bình, là KBT thiên nhiên đất ngập nước lớn nhất vùng đồng bằng Bắc Bộ, với diện tích gần 2.484,3 ha. Nổi tiếng với vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, Vân Long đã trở thành mô hình kinh tế xanh điển hình. Trước đây, Vân Long là vùng đất ngập nước hoang sơ, thay đổi mực nước theo mùa, được mệnh danh là “vùng 6 tháng đi chân, 6 tháng đi tay”. Sau khi hệ thống đê bao quanh dài hơn 30km được xây dựng vào năm 1960, Vân Long đã chuyển mình thành một KBT thiên nhiên đất ngập nước quan trọng. Theo điều tra, khu vực này có 11 hệ sinh thái, 722 loài thực vật, 258 loài tảo, 39 loài thú, 43 loài cá, 38 loài bò sát và 100 loài chim. Trước đây, Vân Long là trung tâm săn bắn và khai thác tài nguyên không bền vững, dẫn đến suy giảm ĐDSH.

HTX du lịch Vân Long được thành lập nhằm bảo tồn ĐDSH và nâng cao đời sống cộng đồng địa phương. Được thành lập từ năm 1998 với sự hỗ trợ của chính quyền và người dân địa phương, ban đầu chỉ phục vụ các đoàn khảo sát và nghiên cứu khoa học, Trạm du lịch Vân Long đã chuyển thành HTX du lịch

vào năm 2019, với 15 thành viên và sự tham gia của 544 hộ gia đình. HTX hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực du lịch sinh thái và bảo tồn ĐDSH, với mục tiêu trở thành mô hình du lịch cộng đồng bền vững. Khu vực hoạt động của HTX bao gồm 283 ha đất ngập nước Vân Long, trong đó có 163 ha núi đá vôi và 120 ha mặt nước.

## VAI TRÒ CỦA HTX DU LỊCH VÂN LONG TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

**Giám sát và bảo vệ tài nguyên:** Ngay từ lúc thành lập, HTX đã thiết lập hệ thống giám sát với sự tham gia của 15 thành viên và hơn 500 hộ dân chèo đò, theo dõi các diễn biến môi trường và vi phạm khai thác tài nguyên. HTX phối hợp tích cực với chi cục kiểm lâm, cơ quan chức năng ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm về khai thác tài nguyên, số vụ vi phạm giảm đáng kể, đặc biệt không còn phát hiện săn bắn chim thú trái pháp luật từ năm 2020.

**Phát triển du lịch sinh thái gắn liền với bảo tồn:** HTX Du lịch Vân Long đã khéo léo kết hợp giữa việc phát triển du lịch và bảo tồn thiên nhiên. Thay vì những phương tiện cơ giới ồn ào, du khách được trải nghiệm cảm giác yên bình trên những chiếc thuyền tre, len lỏi qua các vùng núi đá vôi, đất ngập nước và khám phá những hang động kỳ thú. Không chỉ chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên, ngắm ĐVHĐ, chim nước trong sinh cảnh tự nhiên, du khách còn được nâng cao nhận thức về giá trị sinh thái của vùng đất này. Việc ngắm hoàng hôn trên đầm Vân Long càng tô điểm thêm cho trải nghiệm du lịch, giúp du khách hiểu rõ hơn về sự ĐDSH của hệ sinh thái đầm nước ngọt lớn nhất đồng bằng Bắc Bộ.

### Nâng cao nhận thức cộng đồng và du khách:

HTX Du lịch Vân Long quan tâm đến việc xây dựng mạng lưới cộng đồng bảo vệ Vân Long, chủ động hợp tác với đoàn thanh niên, hội phụ nữ và các trường học tổ chức nhiều chương trình giáo dục môi trường sáng tạo, thu hút sự tham gia của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Các hoạt động trải nghiệm thực tế như dọn dẹp vệ sinh quanh đầm, trồng cây làm thức ăn cho loài Voọc mông trắng, tổ chức tour du lịch kết hợp học tập giúp mọi người hiểu rõ hơn giá trị hệ sinh thái và trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung.

### Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong bảo tồn:

HTX Du lịch Vân Long là minh chứng cho sức mạnh cộng đồng. HTX ra đời từ sự hợp tác chặt chẽ giữa cộng đồng, chính quyền địa phương và các TCXH. Sự tham gia của phụ nữ và những người thiệt thòi tại địa phương, với vai trò vừa là người lao động vừa là tuyên truyền viên nhiệt tình, góp phần vào thành công chung. Sự đoàn kết và chung tay biến Vân Long trở thành điểm đến du lịch độc đáo, bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước quý giá.

**Tham vấn chính sách:** HTX tích cực tham gia tư vấn và khuyến nghị chính sách bảo tồn ĐDSH và phát triển du lịch bền vững, duy trì mối quan hệ hiệu quả với BQL KBT và chính quyền địa phương, đề xuất giải pháp giám sát, ngăn chặn vi phạm khai thác tài nguyên, quản lý bến bãi, điều động thuyền và quản lý dịch vụ trên bờ. HTX Du lịch Vân Long đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa cộng đồng địa phương, các cơ quan



quản lý và du khách trong việc bảo tồn ĐDSH tại đầm Vân Long. HTX đã chủ động tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, phát triển du lịch bền vững, đồng thời giám sát và ngăn chặn các hành vi khai thác tài nguyên trái phép, góp phần bảo vệ hệ sinh thái quý giá của đầm.

**Huy động nguồn lực tài chính:** Thông qua BQL rừng đặc dụng Hoa Lư – Vân Long, Chi cục Kiểm lâm và chính quyền địa phương, HTX đã huy động nguồn lực từ tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động bảo tồn, nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch và đào tạo nhân lực, góp phần vào phát triển bền vững Vân Long như: Quỹ môi trường toàn cầu, Hội động vật học Frankfurt, Viện quy hoạch rừng, các trường đại học uy tín. Hiện tại, HTX đang phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng văn phòng hoạt động kết hợp trung tâm giáo dục môi trường, nơi du khách và người dân tìm hiểu về ĐDSH và tầm quan trọng của bảo tồn.

## KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Sáng tạo và nhân văn “Trong Cách Làm”: HTX Du lịch Vân Long đã tiên phong triển khai một mô hình du lịch sinh thái độc đáo, kết hợp trải nghiệm thiên nhiên với văn hóa địa phương, tạo ra cả giá trị kinh tế và nâng cao nhận thức cộng đồng. Mô hình này không chỉ bảo vệ môi trường mà còn mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân địa phương, đặc biệt là phụ nữ, người nghèo và người neo đơn, những đối tượng chiếm khoảng 80% số người tham gia chèo thuyền. HTX đã có cách tiếp cận nhân văn trong việc chia sẻ lợi ích từ du lịch cho các đối tượng thiệt thòi trong cộng đồng, cấp số thuyền<sup>1</sup> cho hơn 20 hộ có hoàn cảnh neo đơn và người khuyết tật. Những người khuyết tật có thể dành số thuyền cho con cái hoặc ủy quyền cho hộ khác chèo thuyền, đảm bảo họ vẫn có nguồn thu từ hoạt động du lịch. Ngoài ra, các hộ mất trên 30% diện tích ruộng để dành cho khu vực bảo tồn và khu du lịch cũng được cấp số thuyền để tham gia khai thác du lịch.

Qua các tour du lịch sinh thái, HTX đã mở ra cơ hội cho hàng trăm nghìn du khách không chỉ thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn khám phá văn hóa và phong tục tập quán địa phương. Để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững, HTX luôn phối hợp chặt chẽ với các nhà khoa học, chính quyền và các bên liên quan trong từng giai đoạn từ thiết kế, triển khai đến giám sát các hoạt động. Sự hợp tác này không chỉ thể hiện tính chuyên nghiệp mà còn đảm bảo tính sáng tạo và cơ sở khoa học trong các hoạt động của HTX.

Hiệu quả kết hợp giữa bảo tồn và phát triển sinh kế du lịch: Lượng du khách đến Vân Long đã gia tăng đáng kể trong thời gian qua. Năm 2019, khu vực này đón hơn 40 nghìn lượt khách, và đến năm 2023, HTX đã phục vụ hơn 68.395 lượt khách tham quan. Điều này không chỉ tạo thu nhập ổn định cho các thành viên HTX mà còn mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho cộng đồng. Với mỗi lượt chèo thuyền được nhận 80 nghìn đồng, các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch có thể kiếm được từ 3 đến 4 triệu đồng mỗi tháng, đây là một nguồn thu nhập đáng kể tại khu vực nông thôn.

Sự gia tăng lượng du khách không chỉ thúc đẩy kinh tế địa phương mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân. Đặc biệt, các hoạt động du lịch tại Vân Long được thiết kế cẩn thận, chuyên nghiệp để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường sinh thái tự nhiên, hoàn toàn không gây ra ô nhiễm âm thanh hay khói bụi. Thông qua các hoạt động này, HTX đã nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và bảo tồn ĐDSH cho cả cộng đồng và du khách.

**Bảo vệ loài Voọc Mông Trắng:** Từ khi thành lập HTX du lịch Vân Long đã luôn chú trọng công tác phối hợp với các bên trong bảo tồn loài Voọc mông trắng – là biểu tượng của Vân Long – đã đạt được những thành tựu đáng kể. Số lượng cá thể Voọc mông trắng đã tăng từ khoảng 40-50 cá thể vào năm 2000 lên hơn 250 cá thể vào năm 2023 (BQL KBT Vân Long, 2024). Thành công này phản ánh hiệu quả rõ rệt của các biện pháp bảo tồn được triển khai. Bên cạnh đó, việc trồng mới và bảo vệ rừng đã nâng cao tỷ lệ che phủ rừng trên 163 ha được phân cấp cho HTX quản lý và khai thác đã cung cấp môi trường sống lý tưởng cho các loài động, thực vật. Sự xuất hiện của các đàn khỉ mới và sự sinh sản đều đặn của các con Voọc non hàng năm là dấu hiệu tích cực cho thấy các quần thể linh trưởng đang phát triển tốt. Hiệu

1. Số thuyền là số thứ tự của mỗi thuyền, đây là cơ sở để HTX điều hành, quản lý và phân phối lợi ích từ hoạt động chèo thuyền phục vụ khách du lịch cho người dân địa phương

quả bảo tồn cũng được minh chứng bằng việc nhân rộng địa bàn sinh sống của loài Voọc mông trắng, với một đàn 30 cá thể mới được phát hiện tại khu vực Tam Điệp gần Vân Long.

**Bảo vệ hệ thực vật:** Tại vùng đất ngập nước Vân Long giao cho HTX quản lý, hiện đang duy trì hàng trăm loài thực vật, bao gồm nhiều loài quý hiếm và có giá trị kinh tế cao như cây gỗ quý và cây thuốc. Công tác bảo vệ và phát triển các loài thực vật này đã không chỉ góp phần duy trì sự ĐDSH mà còn tạo nguồn lợi kinh tế bền vững cho cộng đồng địa phương. Những hoạt động du lịch kết hợp tuyên truyền bảo vệ Hệ sinh thái đất ngập nước của HTX đã góp phần nâng cao giá trị cho 120 ha mặt nước thuộc HTX quản lý mà còn bảo vệ ĐDSH cho vùng đất ngập nước tại Vân Long. Những nỗ lực này hướng đến việc bảo vệ thiên nhiên và phát triển bền vững, dẫn đến sự gia tăng số lượng và đa dạng của các loài động vật thủy sinh và chim nước, từ 39 loài khi khảo sát ban đầu lên hơn 100 loài hiện tại (BQL KBT Vân Long, 2024). Sự phát triển này không chỉ cải thiện môi trường sống mà còn thu hút khách du lịch, góp phần vào sự phát triển kinh tế của khu vực.

Những thành tựu này khẳng định vai trò quan trọng của HTX Du lịch Vân Long trong việc bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên vùng đất ngập nước.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

Mô hình HTX Du lịch Vân Long là một điển hình thành công, cho thấy sự kết hợp giữa bảo tồn và phát triển kinh tế có thể mang lại lợi ích cho cả môi trường và cộng đồng. Dựa trên thành công này, một số bài học kinh nghiệm đã được rút ra:

**Cộng đồng là chủ thể trung tâm:** Người dân Vân Long không chỉ là người hưởng lợi mà còn là những nhà bảo tồn nhiệt huyết. Sự tham gia của họ vào mọi khâu từ chèo thuyền đến tuyên truyền viên bảo vệ môi trường đã góp phần nâng cao ý thức cộng đồng, du khách và tạo nên một Vân Long xanh, sạch, đẹp.

**Kết hợp khôn khéo giữa du lịch và bảo tồn:** Việc lựa chọn các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường, như sử dụng thuyền không động cơ, cùng với việc quản lý chặt chẽ các hoạt động du lịch đã giúp bảo vệ hệ sinh thái và tăng số lượng các loài động vật quý hiếm như Voọc mông trắng.

**Quản lý chuyên nghiệp:** BQL của HTX Du lịch Vân Long là những cá nhân tận tâm và giàu kinh nghiệm, đã xây dựng và thực hiện một quy trình hoạt động rõ ràng, minh bạch và hiệu quả. Quy trình này bao gồm việc thiết lập các quy định nội bộ chặt chẽ, đồng thời duy trì sự minh bạch trong mọi hoạt động và quyết định, từ quản lý tài chính đến tổ chức các sự kiện du lịch. Các thành viên của BQL đều có vai trò cụ thể và thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chuẩn đã được định sẵn, đảm bảo rằng mọi hoạt động đều diễn ra suôn sẻ và hiệu quả.

Một điểm nổi bật trong cách quản lý của HTX Vân Long là sự đồng thuận của cộng đồng và sự hợp tác chặt chẽ với các bên liên quan. Họ tổ chức các cuộc họp định kỳ với cộng đồng địa phương để lắng nghe ý kiến và nhu cầu của người dân, đồng thời cập nhật các kế hoạch và điều chỉnh quy trình nếu cần. Sự phối hợp này giúp xây dựng niềm tin và hỗ trợ từ cộng đồng, tạo ra một môi trường ổn định và tích cực cho hoạt động du lịch.

Hơn nữa, HTX Vân Long không chỉ chú trọng đến việc thu hút khách du lịch mà còn đầu tư vào việc giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH. Các chương trình du lịch được thiết kế để kết hợp giữa trải nghiệm tham quan và học tập, giúp du khách hiểu biết sâu sắc hơn về hệ sinh thái địa phương và các nỗ lực bảo tồn. Sự kết hợp này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng mà còn góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng và du khách.

Nhờ vào quy trình quản lý chuyên nghiệp, sự đồng thuận cộng đồng và các hoạt động giáo dục bảo tồn hiệu quả, HTX du lịch Vân Long đã thu hút được lượng lớn khách du lịch đến tham quan và trải nghiệm. Đây là một mô hình thành công mà các tổ chức và cộng đồng khác có thể học hỏi để áp dụng trong các hoạt động du lịch và bảo tồn của họ.

## MÔ HÌNH PHỤ NỮ THAM GIA PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NGẬP MẶN



Nguồn: <https://vwu.vn/>

### Tổ chức thực hiện:

Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng

**Phạm vi hoạt động:** xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

**Lĩnh vực hoạt động:** Trồng rừng ngập mặn...

## GIỚI THIỆU

Huyện Thái Thụy, với tổng diện tích rừng ngập mặn trên 2.670 ha, chủ yếu tập trung ở 5 xã ven biển: Thụy Trường, Thụy Hải, Thụy Xuân, Thái Đô và Thái Thượng. Diện tích rừng lớn nhất nằm ở xã Thụy Trường với hơn 900 ha, chủ yếu bao gồm các loại cây như Trang, Bần, Mắm, Sú. Trong xã Thụy Hải, có ba thôn: Quang Lang Đông, Quang Lang Đoài và Tam Đồng, trong đó, Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng là chi hội mạnh nhất, với hơn 60 thành viên tham gia vào hoạt động trồng và phục hồi rừng ngập mặn. Mô hình trồng rừng ngập mặn tại xã Thụy Hải do phụ nữ triển khai từ những năm 1990 đến nay, với diện tích hơn 400 ha trên tổng số gần 500 ha rừng ngập mặn của xã, chủ yếu là cây Vẹt (Trang) và cây Bần. Từ năm 1994, Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng đã tham gia vào các dự án hỗ trợ trồng rừng ngập mặn, được tài trợ bởi các tổ chức trong và ngoài nước như Hội Chữ thập đỏ Đan Mạch, Chính phủ Hàn Quốc, và Ban Quản lý Dự án Phục hồi và Phát triển rừng ngập mặn tỉnh Thái Bình. Tổng kinh phí thực hiện các dự án này lên tới hơn 100 tỷ đồng, trồng được hơn 400 ha rừng ngập mặn tại xã Thụy Hải.

## VAI TRÒ CỦA CHI HỘI PHỤ NỮ THÔN TAM ĐỒNG TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI ĐỊA PHƯƠNG

**Góp phần phục hồi thành công rừng ngập mặn xã Thụy Hải:** Trong giai đoạn từ năm 1994 đến nay, Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng đã tích cực tham gia trồng hơn 400 ha rừng ngập mặn tại xã Thụy Hải với hai loài cây chủ yếu là cây Vẹt và cây Bần. Việc trồng rừng này không chỉ mang lại giá trị sinh thái mà còn góp phần khôi phục các vùng bãi bồi và bảo vệ các vùng đầm lầy quan trọng của khu vực. Đến nay, rừng ngập mặn tại xã Thụy Hải với diện tích gần 500 ha đã được đánh giá là một trong những khu rừng ngập mặn phát triển tốt nhất tỉnh Thái Bình. Đây là thành quả không thể thiếu của Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng, những người đã góp phần bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên một cách bền vững.

**Trở thành những thành viên gián tiếp bảo vệ rừng:** Mặc dù không phải là thành viên chính thức của tổ bảo vệ rừng, những phụ nữ trong chi hội thôn Tam Đồng vẫn đảm nhận vai trò giám sát tài nguyên rừng ngập mặn hiệu quả. Do cuộc sống gắn liền với biển, họ thường xuyên vào rừng để đánh bắt thủy sản, và nhờ vậy trở thành những người đầu tiên phát hiện các hành vi xâm phạm. Năm 2022, họ đã phát hiện hai trường hợp dùng điện chích trong rừng và báo cáo kịp thời cho chính quyền để xử lý. Hành động này thể hiện rõ vai trò của họ trong việc giữ gìn tài nguyên quý giá của địa phương.

**Góp phần ổn định sinh kế cho người dân địa phương:** Rừng ngập mặn không chỉ có giá trị sinh thái mà còn mang lại lợi ích kinh tế lớn cho người dân xã Thụy Hải. Nhờ diện tích rừng đã ổn định, các hộ gia đình tự tin đầu tư nuôi trồng thủy sản mà không lo bị ảnh hưởng bởi bão tố như trước. Hệ thống rừng ngập mặn đã trở thành một lá chắn bảo vệ các đầm nuôi, giúp người dân yên tâm sản xuất và thu nhập ổn định hơn. Một số hộ gia đình đã đầu tư hàng chục tỷ đồng vào hoạt động nuôi trồng thủy hải sản và thu về lợi nhuận hàng tỷ đồng mỗi năm. Ngoài ra, các hoạt động đánh bắt thủy sản trong rừng như bắt cáy, còng cũng giúp người dân có thu nhập thêm từ 150.000 - 400.000 Đồng/ngày. Bên cạnh đó, việc nuôi ong lấy mật từ tháng 4 đến tháng 7 (vụ hoa Vẹt và Bần) cũng mang lại thu nhập đáng kể, với sản lượng mật lên đến vài tấn, giá bán tại chỗ từ 130.000-150.000 Đồng/lít. Nhờ lợi ích kinh tế từ rừng ngập mặn, người dân địa phương ngày càng ý thức hơn về việc bảo vệ rừng, và hoạt động trồng rừng của Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng càng được đánh giá cao.

**Thay đổi thái độ và hành vi của cộng đồng:** Ban đầu, nhiều người dân trong xã còn hoài nghi về việc trồng rừng, cho rằng rừng sẽ khiến các loài thủy sản di chuyển xa và việc đánh bắt sẽ khó khăn hơn. Tuy nhiên, thực tế đã chứng minh ngược lại. Nhờ có rừng ngập mặn, việc điều tiết nước ở các đầm nuôi dễ dàng hơn, ít bị ảnh hưởng bởi thời tiết, và thu nhập của người dân cũng tăng lên đáng kể, cao hơn trước từ 50.000-200.000 đồng/ngày. Dần dần, họ nhận ra giá trị của rừng và bắt đầu ủng hộ hoạt động trồng rừng, cùng nhau bảo vệ thành quả chung của cộng đồng.

**Ngăn chặn nguy cơ phá rừng:** Năm 2017, tỉnh Thái Bình có dự án phát triển khu công nghiệp tại xã Thụy Hải, dự định lấy 339 ha diện tích bãi bồi, trong đó có 150 ha rừng ngập mặn, để phát triển dịch vụ công nghiệp. Tuy nhiên, trước ý kiến phản đối mạnh mẽ từ cộng đồng địa phương, đặc biệt là từ các thành viên của Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng, dự án này đã bị hủy bỏ. Những người phụ nữ đã trồng rừng và sống cùng rừng không chấp nhận việc phá hủy thành quả bao năm của họ. Cuộc họp tham vấn cộng đồng đã ghi nhận 100% người dân, bao gồm tất cả đội trồng rừng, không đồng ý với dự án. Điều này cho thấy sức mạnh và sự ảnh hưởng của Chi hội Phụ nữ trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của địa phương.

**Góp phần phát triển du lịch bền vững:** Hiện nay, rừng ngập mặn và bãi bồi tại xã Thụy Hải đã trở thành một điểm du lịch hấp dẫn, thu hút nhiều du khách đến tham quan và trải nghiệm. Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn du khách và chia sẻ thông tin về lịch con nước, giúp họ có những trải nghiệm thú vị khi đến vùng biển này. Một số chị em còn chia sẻ kinh nghiệm bắt thủy sản như con móng tay, ngao, làm cho chuyến đi của du khách thêm phần đặc biệt và ý nghĩa.

Nhờ những đóng góp lớn lao của Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng, rừng ngập mặn xã Thụy Hải không chỉ được bảo vệ mà còn trở thành nguồn sinh kế và niềm tự hào của người dân địa phương.



## KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG BẢO TỒN RỪNG NGẬP MẶN

**Tạo ra bức tường xanh khổng lồ, vững chãi giúp ổn định cuộc sống của người dân, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu:**

Với nỗ lực hỗ trợ trồng hơn 400ha rừng trồng trên tổng gần 500ha rừng ngập mặn, xã Thụy Hải là thành tựu nổi bật của Chi hội phụ nữ thôn Tam Đồng nói riêng và của chi hội phụ nữ, các đoàn thể xã Thụy Hải nói chung trong suốt giai đoạn từ 1990 đến nay. Gần như toàn bộ diện tích, vị trí trồng rừng của xã Thụy Hải đều có bàn tay của chị em phụ nữ thôn Tam Đồng tham gia. Hoạt động đã góp phần quan trọng trong bảo tồn ĐDSH vùng ven biển xã Thụy Hải, giúp ổn định cuộc sống và giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu/thời tiết cực đoan đến người dân ven biển (Vietnamnet, 2023).

**Vinh danh những người phụ nữ ‘xuyên đêm’ trồng rừng giữa biển khơi:** Với những thành quả đạt được trong hoạt động trồng và phục hồi rừng năm 2022, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã vinh danh các gương mặt phụ nữ, sáng kiến về bình đẳng giới trong phòng, chống thiên tai, trong đó gây xúc động nhất là hình ảnh những người phụ nữ thôn Tam Đồng, xã Thụy Hải ngày đêm bám biển trồng rừng ngập mặn. Được trao giải Nhất trong hạng mục Đề cử tấm gương mặt tập thể (giới thiệu những tấm gương phụ nữ miền biển ở xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình với công việc trồng rừng ngập mặn) là danh hiệu xứng đáng cho những bóng hồng bám biển xã Thụy Hải.

**Góp phần giảm thiểu các tác động từ biến đổi khí hậu/thời tiết cực đoan ĐDSH tại các bãi bồi và cuộc sống của người dân xã Thụy Hải:**

Với người dân xã Thụy Hải nói chung và đội trồng rừng thôn Tam Đồng nói riêng thì rừng có giá trị quan trọng trong việc giảm thiểu các tác động từ biến đổi khí hậu/thời tiết bất thường đến các bãi bồi ven rừng và cuộc sống của người dân. Có rừng thì mới có cuộc sống bình yên. Hiện nay, các hoạt động sản xuất và nuôi trồng thủy sản tại xã ít bị tác động của biến đổi khí hậu/thời tiết cực đoan và người dân đang có cuộc sống bình yên và gắn với hệ thống rừng ngập mặn. Lịch sử đã chứng minh, xã Thụy Hải đã từng phải hứng chịu nhiều cơn bão lớn đổ bộ gây thiệt hại nghiêm trọng. Năm 1984 trận bão to làm vỡ đê biển số 8, người dân đi sơ tán hết đến lúc trở về thì nhà cửa tan hoang. Bây giờ thì người dân nơi đây an tâm kê cao gối mà ngủ, khi bão lớn, họ chỉ cần vào nhà đóng chặt cửa lại là an toàn.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Cải tiến kỹ thuật trồng rừng dựa trên kinh nghiệm trồng rừng:** Trước đây từ việc trồng rừng không có bầu, được cải tiến thành có bầu; từ hoạt động bê từng cây đi trồng đã cải tiến thành dùng thuyền hoặc phao để chở cây; từ việc trồng cây rồi mới đóng cọc được chuyển đổi thành đóng cọc rồi mới trồng cây. Nhờ vậy, đến nay trồng 1ha rừng chỉ trong 1 buổi là xong thay vì vài ngày như trước đây, tỷ lệ cây sống cũng cao hơn rất nhiều (lớn hơn 60%) so với trước đây chỉ dưới 30%.

**Quan sát và lựa chọn vị trí trồng rừng mới:** Sau nhiều năm trồng rừng và nhiều diện tích vừa trồng xong thì bị gió hoặc lũ cuốn trôi hoặc sau một thời gian cây bị chết, không phát triển, các thành viên trong Chi hội phụ nữ thôn Tam Đồng đã bàn bạc và chia sẻ kinh nghiệm của chính họ với các đối tác trồng rừng là chỉ trồng rừng ở những bãi bồi và song song với những cánh rừng có sẵn và ra xa khoảng 50m. Do đó, những năm gần đây công tác trồng rừng được khoanh vùng cụ thể và không trồng tràn lan như trước đây nữa, hiệu quả cây sống cũng cao hơn và dễ bảo vệ hơn.

**Chia sẻ lợi ích công bằng và tinh thần đoàn kết trong nhóm:** Với mỗi dự án trồng rừng các thành viên trong Chi hội thôn Tam Đồng đều họp để bàn kế hoạch trồng và cử các thành viên tham gia thực hiện. Diện tích trồng và tiền công trồng đều được chia sẻ công khai với các thành viên trong nhóm. Vì vậy, họ đều đi làm với tinh thần nhiệt huyết cao và luôn vui vẻ vì trong nhóm ai cũng biết thông tin cụ thể và lợi ích được chia đều cho các thành viên.

**Vận động sự ủng hộ của cấp ủy, chính quyền địa phương:** Với năng lực và tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động trồng rừng nên Chi hội thôn Tam Đồng luôn nhận được sự ủng hộ từ chính quyền địa phương. Gần như tất cả các dự án trồng rừng trên địa bàn xã Thụy Hải hay một số xã lân cận thì Chi hội phụ nữ thôn Tam Đồng đều được chia sẻ và được mời tham gia. Đây là một chỉ số quan trọng thể hiện tính trách nhiệm, chuyên nghiệp của các thành viên Chi hội phụ nữ thôn Tam Đồng.



## MÔ HÌNH BẢO TỒN NGUỒN GEN CÂY THUỐC NAM BẢN ĐỊA



Nguồn: <https://laodong.vn/>

### Tổ chức thực hiện:

Hợp tác xã Cộng đồng Nậm Đăm

### Phạm vi hoạt động:

Thôn Nậm Đăm, xã Quán Bạ, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang

### Lĩnh vực hoạt động:

Bảo tồn các loài cây thuốc quý hiếm, phát triển kinh tế bền vững cho cộng đồng

### Website:

<https://namdacoop.com>

## GIỚI THIỆU

Hợp Tác Xã Cộng Đồng Nậm Đăm, thành lập vào năm 2016, là kết quả của sáng kiến bảo tồn và phát triển bền vững cây thuốc nam truyền thống của dân tộc Dao tại thôn Nậm Đăm, xã Quán Bạ, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang. Sáng kiến này ra đời nhằm bảo tồn các loài cây thuốc quý hiếm, đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, đồng thời tạo ra mô hình phát triển kinh tế bền vững cho cộng đồng. HTX kết hợp tri thức bản địa với các phương pháp hiện đại, vừa bảo tồn nguồn gen quý giá, vừa phát huy giá trị văn hóa dân tộc Dao (GEF, 2022).

Hiện tại, HTX có 10 thành viên trong đội ngũ quản lý, gồm 6 nam và 4 nữ, tất cả đều là người dân tộc Dao. Cộng đồng tham gia HTX gồm 50 hộ gia đình, với 35 hộ là xã viên chính thức và 15 hộ là thành viên liên kết, đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động sản xuất và bảo tồn. HTX hoạt động đa dạng, bao gồm sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm từ cây thuốc nam quý hiếm, cùng với phát triển du lịch sinh thái. Các sản phẩm như dược phẩm và mỹ phẩm từ cây thuốc nam không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu quốc tế. Các tour du lịch sinh thái về cây

thuốc nam và văn hóa Dao cũng giúp tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho cộng đồng và nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH. HTX được hỗ trợ kỹ thuật và tổ chức thực hiện từ Công ty Dược DK Pharma, đảm bảo sự phát triển bền vững của mô hình.

## VAI TRÒ CỦA HTX CỘNG ĐỒNG NẬM ĐĂM TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

**Bảo tồn nguồn gen cây thuốc nam:** HTX cộng đồng thôn Nậm Đăm đóng vai trò thiết yếu trong việc bảo tồn ĐDSH và phát huy giá trị cây thuốc quý thông qua một loạt các hoạt động và mô hình sáng tạo. Trọng tâm của HTX là bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc nam truyền thống của người Dao, đặc biệt là những cây thuốc quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên. HTX tổ chức các chương trình trồng trọt, chăm sóc và bảo vệ các loài cây thuốc quý này, nhằm duy trì nguồn gen quý giá và bảo đảm sự sống còn của chúng. Các hoạt động này không chỉ bảo tồn các loài cây đặc biệt mà còn giúp duy trì di sản văn hóa và truyền thống y học của cộng đồng.

**Phát triển sinh kế truyền thống gắn với bảo tồn:** Bên cạnh đó, HTX còn tích cực phát triển du lịch sinh thái kết hợp với bảo tồn. Việc này không chỉ tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho cộng đồng mà còn nâng cao nhận thức của du khách về giá trị của ĐDSH và cây thuốc quý. Các sản phẩm độc đáo như “Tắm lá thuốc” của người Dao – một bài thuốc truyền thống chưa được biết đến nhiều, được giới thiệu đến khách tham quan như một phần của trải nghiệm du lịch sinh thái. Điều này không chỉ góp phần bảo tồn các phương pháp y học truyền thống mà còn tạo cơ hội cho cộng đồng nâng cao giá trị kinh tế từ tài nguyên thiên nhiên của họ.

**Nghiên cứu và đa dạng hóa sản phẩm từ cây thuốc quý:** HTX cũng hợp tác với công ty Dược phẩm DK Pharma để nghiên cứu và phát triển các sản phẩm từ cây thuốc, bao gồm dược phẩm và mỹ phẩm. Sự hợp tác này không chỉ duy trì các phương pháp sử dụng truyền thống mà còn mở rộng khả năng kinh tế cho cộng đồng bằng cách đưa các sản phẩm từ cây thuốc quý ra thị trường. Việc này giúp tăng cường phát triển kinh tế bền vững và đồng thời góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa và sinh thái quan trọng.

Nhờ vào những nỗ lực này, HTX cộng đồng thôn Nậm Đăm không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy giá trị cây thuốc quý mà còn tạo ra một mô hình bảo tồn và phát triển bền vững, mang lại lợi ích cho cả cộng đồng và môi trường.



## KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG BẢO TỒN NGUỒN GEN QUÝ HIẾM CÂY THUỐC NAM BẢN ĐỊA

HTX cộng đồng Nậm Đăm đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc bảo tồn ĐDSH, đặc biệt là trong việc bảo tồn cây thuốc nam. HTX đã bảo tồn thành công nhiều loài cây thuốc quý như Thiên Niên Kiện, Đẳng Sâm, và Hà Thủ Ô đỏ (GEF, 2022). Những cây thuốc này không chỉ được bảo tồn mà còn phát triển mạnh mẽ, trở thành nguồn thu nhập chính cho cộng đồng. Sự kết hợp giữa tri thức bản địa và khoa học hiện đại đã giúp HTX đạt được thành công này. HTX cũng đã bảo vệ hơn 300 ha rừng, bao gồm nhiều khu vực có giá trị ĐDSH cao. Việc áp dụng công nghệ sinh học trong việc nhân giống cây thuốc đã giúp bảo tồn và phát triển các loài cây quý hiếm một cách bền vững. HTX cũng đã tham vấn chính sách và đóng góp quan trọng trong việc xây dựng các chính sách bảo tồn cây thuốc nam ở cấp địa phương, ví dụ là HTX chủ động đề xuất với UBND xã thành lập các khu vực bảo tồn nghiêm ngặt tại các vùng rừng có nguồn dược liệu phong phú. Đồng thời huy động được hơn 2 tỷ đồng từ các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng để thực hiện các hoạt động bảo tồn (GEF, 2022).



HTX cộng đồng Nậm Đăm đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc bảo tồn cây thuốc quý, phát triển kinh tế, tác động chính sách và đóng góp cho cộng đồng địa phương. HTX phối hợp với một số dự án đã thực hiện việc đánh giá và bảo tồn đa dạng nguồn gen cây thuốc tại địa phương thông qua các phương pháp thu hái bền vững, đảm bảo các thảm cây có đủ thời gian tái sinh và phục hồi. Đặc biệt, HTX đã tiến hành nhân giống các cây thuốc có nguy cơ cạn kiệt trong tự nhiên tại vườn ươm, đồng thời phát triển canh tác các loại dược liệu như đương quy, actiso, kim ngân, và cây cơm cháy dưới tán rừng (Trần Công Khánh, 2019).

Về kinh tế, HTX cộng đồng Nậm Đăm không chỉ là mô hình tiên phong trong việc bảo tồn cây thuốc nam, mà còn đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của cộng đồng. HTX đã tạo ra một nguồn thu nhập ổn định cho người dân thông qua việc phát triển dịch vụ tắm lá thuốc và kinh doanh các sản phẩm dược liệu đặc sản. Dịch vụ tắm lá thuốc tại nhà văn hóa thôn Nậm Đăm đã thu hút ngày càng nhiều khách du lịch, với doanh thu hàng tháng đạt khoảng 200 triệu đồng. Bên cạnh đó, việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm như Cao Actiso, Cao Mạnh Gân Hoạt Cốt, Trà Gừng Cao Nguyên Đá, Cồn Xoa Bóp, và Thuốc Tắm Đóng Chai đã mang lại doanh thu khoảng 100 triệu đồng mỗi tháng từ sản phẩm Cao Actiso.

Những hoạt động này không chỉ tạo ra việc làm trực tiếp cho khoảng 10-20 lao động địa phương mà còn gián tiếp hỗ trợ nhiều hộ gia đình khác thông qua các hoạt động phụ trợ như trồng và cung ứng nguyên liệu, dịch vụ du lịch. Việc tạo ra thu nhập ổn định từ các dịch vụ và sản phẩm dược liệu giúp nâng cao đời sống kinh tế của cộng đồng, đồng thời duy trì và phát huy giá trị tri thức bản địa và bảo tồn ĐDSH một cách bền vững (GEF, 2022).

Về tác động chính sách, các hoạt động hỗ trợ cộng đồng của HTX đã thúc đẩy chính quyền địa phương vận dụng các chính sách và nguồn vốn ưu tiên để hỗ trợ sự phát triển của HTX cộng đồng Nậm Đăm. UBND huyện Quản Bạ và UBND tỉnh Hà Giang đã đầu tư vào cơ sở hạ tầng, thiết bị, máy móc, và quy trình sản xuất, giúp HTX hoàn thiện và kinh doanh các sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP (Lê Hải, 2021). Sự thành công này còn lan tỏa trong cộng đồng thông qua các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo tồn cây thuốc và văn hóa địa phương, đặc biệt là trong giới trẻ.

HTX cộng đồng Nậm Đăm cũng đã góp phần nâng cao năng lực của người dân địa phương thông qua việc chuyển giao các kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Các thành viên HTX đã được tập huấn và có thể tự quản lý quá trình sản xuất, từ nhân giống, trồng trọt, thu hái đến sơ chế và thương mại hóa sản phẩm. Họ đã tham gia vào các hội chợ, bán hàng qua các kênh trực tuyến và tại các điểm trưng bày, góp phần đưa sản phẩm của HTX ra thị trường rộng lớn hơn.

Tổng thể, HTX cộng đồng Nậm Đăm đã đóng góp quan trọng trong việc bảo tồn cây thuốc quý, phát triển kinh tế địa phương, thúc đẩy chính sách bảo tồn và nâng cao năng lực cộng đồng, tạo ra một mô hình phát triển bền vững gắn liền với việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

HTX cộng đồng Nậm Đăm đã thành công trong việc bảo tồn nguồn gen quý của cây thuốc của người Dao, đồng thời phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. Một trong những bài học quan trọng mà HTX đã rút ra là **việc khai thác tri thức bản địa để phát triển kinh tế**. Sử dụng kiến thức truyền thống của người Dao trong việc sử dụng thảo dược, đặc biệt là dịch vụ tắm lá thuốc, HTX đã tạo ra các sản phẩm du lịch và dược liệu độc đáo. Cách tiếp cận này không chỉ giúp bảo tồn giá trị văn hóa và tài nguyên tự nhiên của địa phương mà còn mở ra cơ hội tạo thu nhập ổn định cho người dân.

**Việc kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển kinh tế** là một bài học khác mà HTX đã thực hiện thành công. Thông qua các hoạt động trồng và thu hái cây thuốc một cách bền vững theo tiêu chuẩn Good Manufacturing Practice (GMP) do tổ chức y tế thế giới WHO ban hành, Nậm Đăm không chỉ bảo vệ được nguồn gen cây thuốc quý mà còn đa dạng hóa các sản phẩm từ thảo dược như cao Actiso, thuốc tắm đóng chai. Điều này không chỉ giúp tăng thu nhập cho cộng đồng mà còn thúc đẩy nhận thức về bảo vệ ĐDSH.

**Sự hợp tác với doanh nghiệp và chuyên gia** cũng là một yếu tố quan trọng trong thành công của HTX. Với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Công ty Dược DK Pharma và sự hướng dẫn từ các chuyên gia, Nậm Đăm đã nâng cao được năng lực sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm từ cây thuốc. Nhờ đó, mô hình phát triển của Nậm Đăm đã trở thành điển hình trong việc kết hợp giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên.

Bên cạnh đó, **việc xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng giữa các thành viên trong HTX và cộng đồng** là một trong những thành tựu đáng kể. Cơ chế này không chỉ giúp đảm bảo sự phát triển bền vững của dự án mà còn tạo sự đồng thuận và gắn kết trong cộng đồng, khuyến khích sự tham gia tích cực của các bên liên quan. HTX cũng chú trọng vào việc thu hút sự tham gia của phụ nữ và thanh niên trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tỷ lệ lớn phụ nữ dân tộc Dao tham gia vào các hoạt động của HTX không chỉ giúp tăng cường vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế mà còn thúc đẩy bình đẳng giới. Đồng thời, việc tổ chức các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo tồn tài nguyên cho giới trẻ giúp bảo tồn tri thức văn hóa và thúc đẩy phát triển cộng đồng bền vững.

Nhìn chung, từ những bài học kinh nghiệm trên, mô hình phát triển của HTX cộng đồng Nậm Đăm đã trở thành một ví dụ tiêu biểu về sự kết hợp thành công giữa bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dân tộc thiểu số.

## MÔ HÌNH BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐÀM PHÁ VEN BIỂN GẮN VỚI TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG



Nguồn: <https://thuathienhue.gov.vn/>

### Tổ chức thực hiện:

Hội Nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế

### Phạm vi hoạt động:

Thừa Thiên Huế

**Lĩnh vực hoạt động:** Hợp tác trong khai thác và nuôi trồng thủy sản, giúp cải thiện sinh kế và nâng cao vị thế ngư dân.

## GIỚI THIỆU

Hội Nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế, thành lập năm 2003, là tổ chức tiên phong trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và nâng cao đời sống ngư dân. Hội có hơn 6.000 hội viên, chủ yếu là các hộ gia đình tham gia đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tại các vùng đầm phá ven biển tỉnh. Hội viên bao gồm ngư dân đánh bắt trên đầm phá và người nuôi trồng thủy sản, cùng chung mục tiêu bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản (Tuấn Khang, 2020). Cơ cấu tổ chức của Hội trải rộng từ cấp tỉnh đến cấp xã, với Ban Chấp hành Hội đứng đầu chỉ đạo các hoạt động chung, cùng với 36 Chi hội cơ sở tại các xã hoặc thôn, hỗ trợ trực tiếp cộng đồng địa phương (Mai Anh, 2020). Các Chi hội này là mắt xích quan trọng trong việc triển khai các chương trình bảo vệ môi trường, quản lý nguồn lợi thủy sản và cung cấp kiến thức khoa học kỹ thuật cho hội viên. Nhờ sự phối hợp giữa Ban Chấp hành và các Chi hội, Hội Nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế đã tạo kết nối mạnh mẽ trong cộng đồng ngư dân, thúc đẩy sự hợp tác trong khai thác và nuôi trồng thủy sản, giúp cải thiện sinh kế và nâng cao vị thế ngư dân. Hội không chỉ bảo vệ quyền lợi của ngư dân mà còn là TCCĐ bền vững, đóng góp vào sự phát triển của ngành thủy sản địa phương.

## VAI TRÒ TRONG BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐẦM PHÁ VÀ VEN BIỂN

Hội Nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể, tập trung vào việc bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, góp phần quan trọng vào việc duy trì và bảo tồn tài nguyên thủy sản ven biển. Các hoạt động này bao gồm:

**Quy hoạch và giải tỏa nò sáo:** Trước những năm 2000, sự phát triển của nghề nò sáo tại đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đã gây ra nhiều hệ lụy về môi trường, làm tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm nước. Trước thực trạng này, Hội Nghề cá đã phối hợp với chính quyền và người dân để thực hiện quy hoạch, giải tỏa và sắp xếp lại hệ thống nò sáo. Hoạt động này không chỉ giải phóng dòng chảy, giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà còn tạo điều kiện cho nguồn lợi thủy sản từ biển vào đầm phá, mang lại sự phục hồi cho hệ sinh thái nơi đây. Nhờ đó, ngư dân có thể khai thác thủy sản hiệu quả hơn và duy trì sinh kế bền vững.

**Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng và khai thác thân thiện với môi trường:** Hội đã tổ chức nhiều lớp tập huấn nhằm nâng cao kỹ thuật cho ngư dân trong việc nuôi trồng và khai thác thủy sản thân thiện với môi trường. Đặc biệt, Hội đã thúc đẩy mô hình nuôi xen ghép, thay cho các hình thức nuôi thâm canh truyền thống gây ô nhiễm và suy thoái môi trường. Mô hình này giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho ngư dân. Với sự tham gia tích cực của cộng đồng, các kỹ thuật nuôi trồng bền vững đã được áp dụng rộng rãi, giúp giảm thiểu ô nhiễm và dịch bệnh trong các đối tượng nuôi, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản tại các vùng đầm phá ven biển.

**Tái tạo nguồn lợi thủy sản:** Trước tình trạng suy giảm nghiêm trọng của nguồn lợi thủy sản tại các vùng đầm phá do ô nhiễm và khai thác quá mức, Hội đã tích cực vận động các bên liên quan, đặc biệt là tranh thủ sự hỗ trợ từ các dự án quốc tế, nhằm thực hiện các hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản. Hội đã tổ chức thả hàng triệu con giống tôm, cá, cua vào môi trường tự nhiên, từ đó giúp phục hồi hệ sinh thái và tăng sản lượng khai thác.

Song song với hoạt động này, Hội cũng đã đẩy mạnh các chương trình trồng rừng ngập mặn, thành lập các khu bảo vệ thủy sản góp phần cải thiện chất lượng nước và bảo vệ bãi giống bãi đẻ và chống xói mòn, sạt lở vùng đầm phá và ven bờ biển. Việc tuần tra, kiểm soát và xử lý các hành vi khai thác bất hợp pháp, đặc biệt là việc sử dụng xung điện trong khai thác thủy sản, đã được thực hiện quyết liệt, giúp bảo vệ các loài thủy sản và duy trì sự cân bằng của hệ sinh thái biển.

## KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Nhờ những nỗ lực không ngừng nghỉ, Hội Nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Hiện nay, Hội quản lý 36 Chi hội tại các vùng đầm phá và ven biển, với tổng diện tích quản lý lên tới hơn 16.000 ha đầm phá, chiếm 73% diện tích đầm phá toàn tỉnh (Phong Nguyễn, 2018).

Một thành tựu đáng ghi nhận của Hội là việc thành lập 16 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, góp phần bảo tồn ĐDSH quý giá của đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Nhờ đó, nhiều loài động thực vật quý hiếm đã quay trở lại, trong đó có nhiều loài được ghi trong sách đỏ như cá Chình hoa, cá Chình mun, chim ác là, lạch hoa, lạch cú và cả những loài có tầm quan trọng quốc tế như chim di cư, bò sát, cỏ biển. Sự phục hồi của hệ sinh thái đầm phá không chỉ bảo vệ các loài quý hiếm mà còn góp phần tăng cường nguồn lợi thủy sản, mang lại lợi ích kinh tế cho ngư dân.

Việc giao quyền quản lý cho các Chi hội nghề cá cơ sở đã tạo ra cơ chế quản lý dân chủ và hiệu quả, giúp giảm thiểu tình trạng khai thác bất hợp pháp, tăng sản lượng khai thác và nâng cao trách nhiệm của cộng đồng ngư dân. Điển hình là việc giao quản lý 12.000 ha mặt nước biển và hơn 400 ha đầm phá cho Chi hội Nghề cá xã Quảng Công, một minh chứng rõ ràng cho sự thành công của mô hình này (Mai Anh, 2020). Nhờ đó, đời sống của ngư dân được cải thiện, kinh tế địa phương phát triển và nguồn lợi thủy sản được bảo vệ tốt hơn.

Ngoài ra, Hội thường xuyên phối hợp với các bên liên quan tổ chức tuần tra, xử lý hàng trăm trường hợp vi phạm, đặc biệt là các hình thức khai thác bất hợp pháp như sử dụng xung điện trong khai thác thủy sản. Nhờ đó, tình hình vi phạm trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành thủy sản địa phương.

## BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH TỐT

**Tăng cường liên kết cộng đồng** là bài học quan trọng rút ra từ hoạt động của Hội Nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế. Hội đã tập trung vào việc vận động ngư dân tham gia vào các Chi hội nghề cá cơ sở, thông qua các buổi họp mặt và chương trình tuyên truyền, giúp ngư dân nhận thức rõ quyền lợi và trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Việc gia nhập Chi hội trao cho ngư dân quyền giám sát và bảo vệ môi trường khai thác, đồng thời đảm bảo tiếng nói của họ được lắng nghe. Song song đó, Hội đã thiết lập một cơ chế quản lý minh bạch và công bằng, khuyến khích ngư dân tự quản lý nguồn tài nguyên thông qua mô hình cộng đồng quản lý, tạo nên sự gắn kết và trách nhiệm chung trong cộng đồng.

Bên cạnh việc vận động cộng đồng, Hội còn **tăng cường sự hợp tác với chính quyền địa phương và các TCXH, phi chính phủ**. Sự phối hợp với chính quyền giúp đảm bảo các chính sách về bảo vệ nguồn lợi thủy sản được thực thi hiệu quả, đồng thời mở ra nhiều cơ hội hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính từ các TCXH. Những mối liên kết này không chỉ giúp phát triển bền vững ngành thủy sản mà còn tăng cường lòng tin và sự gắn bó giữa các bên liên quan. Mô hình quản lý cộng đồng của Hội Nghề cá đã trở thành bài học giá trị, có thể áp dụng rộng rãi cho nhiều địa phương khác.

**Phân quyền quản lý hợp lý** là một bước tiến chiến lược trong việc giao quyền quản lý mặt nước cho các Chi hội nghề cá tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Cách thức này đã giúp phân bổ trách nhiệm từ chính quyền xuống các cộng đồng ngư dân, tạo điều kiện cho ngư dân tự chủ trong việc quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của địa phương. Trước hết, việc giao quyền quản lý mặt nước được thực hiện thông qua một quy trình minh bạch và rõ ràng. Mỗi Chi hội nghề cá được trao quyền quản lý một khu vực mặt nước cụ thể, thường là tại các đầm phá hoặc vùng ven biển, nơi có tiềm năng khai thác và nuôi trồng thủy sản. Các Chi hội, đại diện cho ngư dân địa phương, được chính quyền tỉnh công nhận và hỗ trợ trong việc giám sát và điều hành các hoạt động khai thác thủy sản tại khu vực được giao. Điều này giúp giảm tải gánh nặng quản lý cho chính quyền, đồng thời nâng cao trách nhiệm của ngư dân trong việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi.

Để đảm bảo hiệu quả quản lý, Hội Nghề cá đã **tổ chức các lớp tập huấn và chương trình hỗ trợ kỹ thuật** dành cho các thành viên Chi hội. Những khóa học này không chỉ cung cấp kiến thức về quy định pháp luật liên quan đến khai thác thủy sản mà còn hướng dẫn ngư dân áp dụng các mô hình nuôi trồng và khai thác bền vững. Qua đó, ngư dân được trang bị thêm kỹ năng giám sát môi trường, cách sử dụng công nghệ mới để tăng năng suất mà vẫn đảm bảo bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Các chương trình này cũng khuyến khích việc sử dụng các biện pháp thân thiện với môi trường, giúp giảm thiểu tác động xấu đến hệ sinh thái đầm phá.

**Quy trình quản lý cộng đồng** được thiết lập với sự tham gia trực tiếp của ngư dân. Chi hội nghề cá, thông qua các cuộc họp thường niên, sẽ thảo luận và đưa ra những quy định cụ thể về thời gian khai thác, khu vực bảo vệ, và biện pháp quản lý tài nguyên. Các quy định này được tất cả hội viên tôn trọng và thực hiện, tạo ra một hệ thống giám sát chặt chẽ và cộng đồng tự chịu trách nhiệm. Điều này không chỉ giúp bảo vệ nguồn lợi thủy sản mà còn khuyến khích sự đoàn kết, gắn bó giữa các ngư dân trong Chi hội.

Cuối cùng, **việc phân quyền đã tạo điều kiện cho ngư dân được trao quyền quyết định đối với những nguồn tài nguyên mà họ trực tiếp khai thác và nuôi trồng**. Nhờ đó, ngư dân có động lực hơn trong việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản một cách bền vững, từ đó đảm bảo thu nhập ổn



**CHƯƠNG IV** | **KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC  
VÀ KHUYẾN NGHỊ**



## 4.1. KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC CỦA CÁC TCXH TRONG BẢO TỒN ĐDSH TẠI VIỆT NAM

### Khó khăn về tài chính và duy trì nguồn lực

Một trong những thách thức lớn nhất đối với các TCXH là việc duy trì nguồn tài chính ổn định và lâu dài. Các tổ chức này thường phụ thuộc vào các dự án tài trợ ngắn hạn hoặc từ nguồn tài trợ nước ngoài. Sau khi một dự án kết thúc, việc thiếu hụt nguồn tài trợ tiếp theo khiến cho nhiều tổ chức phải ngừng hoặc thu hẹp hoạt động, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình bảo tồn dài hạn.

Đối với nhiều TCXH, như CV, mặc dù có thành công trong việc gây quỹ nhưng không đảm bảo được nguồn tài trợ ổn định để thực hiện các dự án quy mô lớn hoặc dài hạn. Điều này khiến các hoạt động bảo tồn thường bị gián đoạn khi gặp khó khăn tài chính. Sự phụ thuộc vào nguồn tài trợ không ổn định còn làm giảm khả năng chủ động trong việc xây dựng các chiến lược dài hạn nhằm giải quyết các vấn đề bảo tồn.

Ngoài ra, vấn đề nhân lực cũng là một thách thức đáng kể. Việc duy trì đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm và chuyên môn trong các lĩnh vực bảo tồn, pháp lý, và quản lý dự án trở nên khó khăn khi các tổ chức không có đủ nguồn lực tài chính để trả lương cạnh tranh. Các tổ chức như CBES và ENV đều gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và giữ chân các chuyên gia trong lĩnh vực bảo tồn. Nhiều nhân viên có xu hướng chuyển sang các công việc có lương cao hơn trong các tổ chức quốc tế hoặc các doanh nghiệp tư nhân, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân sự trầm trọng.

### Thách thức trong việc góp ý và khuyến nghị chính sách

Mặc dù có sự tham gia của các TCXH trong việc góp ý và triển khai chính sách, nhưng cơ chế tham gia chính thức của các tổ chức này vẫn còn hạn chế. Các TCXH chưa thường xuyên được mời tham gia vào các cuộc họp chính thức hoặc các quy trình tham vấn chính sách, khiến họ khó có thể đóng góp ý kiến hoặc đưa ra khuyến nghị hiệu quả. Ngoài ra, các tổ chức này có thể thiếu nguồn lực tài chính, nhân lực chuyên

môn và khả năng nghiên cứu để đóng góp có hiệu quả vào quá trình khuyến nghị chính sách. Điều này khiến họ khó có thể tạo ra những tác động lâu dài và sâu rộng trong chính sách.

## Thiếu hụt dữ liệu khoa học và công cụ nghiên cứu

Để thực hiện các chương trình bảo tồn hiệu quả, việc thu thập và phân tích dữ liệu khoa học là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, các TCXH tại Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về tình trạng các loài và hệ sinh thái. Việc thiếu thông tin đáng tin cậy và công cụ nghiên cứu hiện đại gây ra khó khăn trong việc đánh giá chính xác mức độ đe dọa và nguy cơ tuyệt chủng của các loài. Điều này làm cản trở khả năng đưa ra các chiến lược bảo tồn kịp thời và hiệu quả. Bên cạnh đó, các TCXH còn phải đối mặt với sự thiếu hụt kinh phí để đầu tư vào các công cụ nghiên cứu như hệ thống giám sát ĐVHD, máy bay không người lái để giám sát rừng, hoặc các công nghệ hiện đại khác. Việc không có dữ liệu đầy đủ và cập nhật cũng dẫn đến khó khăn trong việc báo cáo các kết quả dự án bảo tồn cho các nhà tài trợ, gây ảnh hưởng đến khả năng nhận được các nguồn tài trợ mới.

## Khó khăn về địa bàn hoạt động và đối tượng can thiệp, hỗ trợ

Địa bàn hoạt động ở miền núi, vùng sâu vùng xa mà ở đó đời sống người dân còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp và sinh kế còn phụ thuộc nhiều vào rừng. Trong điều kiện đó, người dân thường ưu tiên cho các vấn đề về phát triển kinh tế hơn là bảo vệ môi trường hay bảo tồn ĐDSH. Đối tượng can thiệp trong các hoạt động bảo tồn ĐDSH chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sống dựa vào rừng từ bao đời nay và có thói quen săn bắt, sử dụng thịt ĐVHD.

Mặc dù các TCXH đã thực hiện nhiều hoạt động để nâng cao nhận thức cho người dân, cộng đồng trong nhiều năm qua, tuy nhiên nhận thức của người đồng bào dân tộc thiểu số về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD vẫn còn rất hạn chế. Hơn nữa, những vấn đề nhận thức trong hoạt động bảo tồn ĐDSH không thể giải quyết trong ngắn hạn; không chỉ đối với cộng đồng dân cư mà cả một bộ phận cán bộ trong hệ thống, kể cả cán bộ lâm nghiệp vẫn còn rất nhiều điều bất cập.

Những người có uy tín/già làng là những nhân tố quan trọng để tuyên truyền vận động người dân và thúc đẩy người dân hành động để bảo vệ ĐVHD. Tuy nhiên, hiện nay họ chủ yếu tuyên truyền miệng, không có các phương tiện hỗ trợ hiện đại, thông minh để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ này. Thay đổi nhận thức của người dân, cộng đồng là một quá trình lâu dài – từ thay đổi hiểu biết, thái độ đến thay đổi hành vi. Tuy nhiên, các nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động để thay đổi nhận thức thường hạn chế và ngắn hạn, vì vậy khó có thể đi hết quá trình này để đạt được kết quả tốt nhất.

## 4.2 KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC CỦA CÁC TCCĐ TRONG BẢO TỒN ĐDSH TẠI VIỆT NAM

### Áp lực từ các hoạt động kinh tế và biến đổi khí hậu

Các TCCĐ thường phải đối mặt với những thách thức từ các hoạt động kinh tế và biến đổi khí hậu. Những cộng đồng sống phụ thuộc vào các hoạt động kinh tế như nông nghiệp, lâm nghiệp, và đánh bắt thủy sản thường gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa sinh kế và bảo tồn. Ví dụ, tại khu vực đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, cư dân địa phương phụ thuộc vào việc khai thác thủy sản để sinh sống. Điều này tạo ra áp lực lớn lên hệ sinh thái đầm phá ven biển, dẫn đến sự suy giảm nguồn lợi thủy sản cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến các loài sinh vật quý hiếm. Ngoài ra, sự gia tăng của các hoạt động du lịch không kiểm soát cũng gây ra tình trạng ô nhiễm và đe dọa các loài ĐVHD.

Biến đổi khí hậu càng làm gia tăng các thách thức này khi các hệ sinh thái ngày càng chịu nhiều tác động tiêu cực. Lũ lụt, hạn hán, và các hiện tượng thời tiết cực đoan đã ảnh hưởng lớn đến sự sống còn của nhiều loài và làm suy giảm chất lượng các khu vực sinh thái quan trọng như các cánh rừng ngập mặn và vùng đầm lầy.

## Thiếu hụt nguồn lực tài chính và nhân sự

Các TCCĐ tại Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì nguồn lực tài chính và nhân sự để thực hiện các chương trình bảo tồn. HTX cộng đồng Nậm Đăm, một trong những mô hình bảo tồn các nguồn gen dược liệu quý hiếm dựa vào cộng đồng tiêu biểu, gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động khi thiếu nguồn tài trợ và sự hợp tác ổn định từ các đối tác. Bên cạnh đó, các tổ chức cộng đồng thường phụ thuộc vào những tình nguyện viên và nhân sự tại chỗ, nhiều trong số họ là những người lớn tuổi. Sự thiếu hụt thế hệ kế thừa và sự giảm dần quan tâm từ giới trẻ đối với các vấn đề bảo tồn là một rào cản lớn. Ví dụ, tại Chi hội Phụ nữ thôn Tam Đồng và HTX du lịch Vân Long, phần lớn nhân lực là những người lớn tuổi, và việc tìm kiếm sự tham gia của thế hệ trẻ gặp nhiều khó khăn.

## Thách thức trong việc thay đổi nhận thức cộng đồng

Một trong những rào cản lớn nhất đối với các TCCĐ là việc thay đổi nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của bảo tồn ĐDSH. Nhiều cộng đồng, đặc biệt là các cộng đồng nông thôn và ngư dân, vẫn có thói quen khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách không bền vững. Ví dụ, việc đánh bắt thủy sản trong mùa sinh sản vẫn diễn ra phổ biến, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng phục hồi của các loài.

Việc thay đổi thói quen và hành vi khai thác tài nguyên thiên nhiên không thể diễn ra trong thời gian ngắn mà cần có sự giáo dục và nâng cao nhận thức liên tục. Tuy nhiên, các chương trình giáo dục bảo tồn còn hạn chế về quy mô và tính liên tục, đặc biệt là tại các vùng sâu vùng xa, nơi người dân có ít cơ hội tiếp cận với thông tin và các chương trình đào tạo.

Cuối cùng, các TCXH và TCCĐ tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong công tác bảo tồn ĐDSH, từ những vấn đề về tài chính, nhân lực, đến các áp lực từ hoạt động kinh tế và biến đổi khí hậu. Để vượt qua những thách thức này, cần có sự hỗ trợ của Chính phủ, phối hợp chặt chẽ hơn giữa các tổ chức, chính quyền và cộng đồng địa phương. Đồng thời, cần tăng cường các chương trình giáo dục nâng cao nhận thức và hỗ trợ tài chính để đảm bảo tính bền vững cho các hoạt động bảo tồn.

## 4.3 KHUYẾN NGHỊ NHẪM THÚC ĐẨY SỰ THAM GIA CỦA CÁC TCXH VÀ TCCĐ TRONG BẢO TỒN ĐDSH VÀ BẢO VỆ ĐVHD.

### Tăng cường cơ chế chính sách hỗ trợ hoạt động bảo tồn

Để tăng cường vai trò của TCXH và TCCĐ trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD, cần ưu tiên tăng cường cơ chế chính sách và đảm bảo nguồn lực lâu dài cho các hoạt động bảo tồn ĐDSH từ nguồn ngân sách, đồng thời khuyến khích khu vực tư nhân và các tổ chức quốc tế tham gia qua các cơ chế hợp tác công-tư. Các chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ tài chính cũng cần được triển khai để tạo động lực cho doanh nghiệp đóng góp vào lĩnh vực này. Ngoài ra, các tổ chức cần chủ động tuân thủ các quy trình phê duyệt dự án nhằm đảm bảo triển khai dự án nhanh chóng, hiệu quả hơn, đồng thời thu hút thêm nguồn vốn từ các nhà tài trợ quốc tế.

Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực cho TCXH và TCCĐ là yếu tố then chốt, bao gồm hỗ trợ đào tạo chuyên sâu về quản lý tài nguyên, kỹ năng bảo tồn và quản lý dự án, đồng thời hợp tác với các tổ chức quốc tế để tạo cơ hội học hỏi, tăng cường năng lực và áp dụng công nghệ tiên tiến. Các trường đại học và viện nghiên cứu cần được định hướng trở thành trung tâm đào tạo chuyên môn về bảo tồn ĐDSH, cung cấp đội ngũ chuyên gia chất lượng cao để hỗ trợ hiệu quả hoạt động của các TCXH và TCCĐ hướng đến phát triển bền vững.

### Hỗ trợ từ chính quyền địa phương

Tại cấp địa phương, các TCXH, TCCĐ cần chủ động xây dựng và duy trì các kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, ban, ngành, nắm bắt nhu cầu và đề xuất các biện pháp bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD hiệu quả và dựa trên bằng chứng. Việc hình thành các mạng lưới hợp tác giữa chính quyền, TCXH, và cộng đồng sẽ tối ưu hóa chia sẻ thông tin và phối hợp hành động trong bảo tồn.

Một trong những ưu tiên cần thiết là xây dựng các chính sách hỗ trợ tài chính bền vững. Các địa phương có thể thiết lập quỹ bảo tồn môi trường ở cấp tỉnh và huyện, với nguồn tài trợ từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, và các tổ chức quốc tế. Cùng với đó, cần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và phát triển các TCXH và TCCĐ, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa.

Chính quyền địa phương cũng có thể áp dụng các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các TCXH, TCCĐ tham gia bảo tồn, như hỗ trợ nhân lực hoặc trao quyền quản lý các khu vực sinh thái quan trọng (rừng ngập mặn, rừng tự nhiên, KBT biển) cho các tổ chức có thành tích tốt. Điều này không chỉ tăng cường động lực cho cộng đồng người dân mà còn đảm bảo việc quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Để đảm bảo hiệu quả, các hoạt động truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng cũng cần được lồng ghép vào chiến lược bảo tồn của địa phương. Các chương trình giáo dục về tầm quan trọng của ĐDSH có thể giúp cộng đồng hiểu rõ vai trò của họ trong bảo vệ môi trường, từ đó thúc đẩy sự tham gia chủ động và duy trì các thành quả bảo tồn.

### Hỗ trợ từ các chương trình, dự án

Các TCXH và TCCĐ cần tiếp tục đa dạng hóa và duy trì công tác truyền thông về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD. Hoạt động truyền thông cần được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp thôn, lớp tập huấn, và sử dụng phương pháp “cộng đồng nói với cộng đồng.” Vai trò của các già làng, cán bộ Hội Phụ nữ, Thanh niên, và Cựu Chiến binh cần được phát huy để họ trở thành các tuyên truyền viên tích cực, đảm bảo sự lan tỏa sâu rộng và bền vững.

Hỗ trợ xây dựng và thực hiện chính sách là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tham gia của nhiều cấp, ngành, vì vậy cần thời gian phù hợp để đạt kết quả tối ưu. Các dự án hỗ trợ hoạt động này cần tránh áp đặt thời gian quá gấp gáp, đảm bảo tính thực chất và hiệu quả.

Các chương trình và dự án bảo tồn ĐDSH không chỉ nên tập trung vào các can thiệp trực tiếp lên đối tượng bảo tồn mà còn cần ưu tiên phát triển sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là những người phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên. Việc này giúp giảm áp lực khai thác và sử dụng tài nguyên, góp phần bảo vệ ĐDSH lâu dài.

Cuối cùng, các TCXH, TCCĐ cần tăng cường liên kết, hợp tác chặt chẽ để phát huy sức mạnh tập thể và trí tuệ cộng đồng, đóng góp hiệu quả hơn vào công tác bảo tồn. Việc phối hợp lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn lực từ nhà tài trợ với ngân sách nhà nước sẽ giúp tối ưu hóa hiệu quả và tạo động lực mạnh mẽ hơn cho các hoạt động bảo tồn ĐDSH và bảo vệ ĐVHD.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB. (2011). Báo cáo tóm tắt về xã hội dân sự Việt Nam. [https://www.adb.org/sites/default/files/publication/28969/csb-vie-vn\\_0.pdf](https://www.adb.org/sites/default/files/publication/28969/csb-vie-vn_0.pdf).
2. Ái Trinh, 2024. Cứu hộ rùa biển và các loài thú biển bị đánh bắt ngoài ý muốn. <https://tepbac.com/tin-tuc/full/cuu-ho-rua-bien-va-cac-loai-thu-bien-bi-danh-bat-ngoai-y-muon-36583.html>
3. Ấn phẩm giới thiệu về Quỹ bảo tồn động vật hoang dã: Bài viết trên báo nhịp cầu đầu tư. Quỹ Bảo tồn giúp tôi hiểu thế nào là đi theo sứ mệnh năm 2024
4. Ban Quản Lý Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Đất Ngập Nước Vân Long, 2024. Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Đất Ngập Nước Vân Long – Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển (Bản Dự Thảo)
5. Báo Hà Nam, 2024. Du Lịch Gắn Với Bảo Tồn Sinh Thái Vùng Đất Ngập Nước Vân Long. Du lịch gắn với bảo tồn sinh thái vùng đất ngập nước Vân Long ([baohanam.com.vn](http://baohanam.com.vn))
6. Báo phụ nữ Việt Nam, 2023. Những người phụ nữ miệt mài bám biển, phủ xanh cho rừng ngập mặn <https://thaibinhvn.com/news/21/87395/thai-thuy-bao-ve-rung-ngap-man>
7. Báo Tài nguyên Môi trường, 2023. Hiệu quả từ mô hình đồng quản lý bảo tồn biển tại Cù Lao Chàm. <https://www.vietnam.vn/hieu-qua-tu-mo-hinh-dong-quan-ly-bao-ton-bien-tai-cu-lao-cham/>
8. Báo Thanh Niên, 2023. Khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn - 'lá phổi xanh' của tỉnh Thái Bình. Khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn - 'lá phổi xanh' của tỉnh Thái Bình ([thanhnien.vn](http://thanhnien.vn))
9. Báo Thừa Thiên Huế, 2020. Khai thác bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai. <https://thuathienhue.gov.vn/Chinh-sach-moi/tid/Khai-thac-ben-vung-Khu-bao-ton-thien-nhien-dat-ngap-nuoc-Tam-Giang-Cau-Hai/>
10. Báo Vnexpress, 2021. Rừng tự nhiên đầu tiên được cấp chứng chỉ quốc tế. <https://vnexpress.net/rung-tu-nhien-dau-tien-duoc-cap-chung-chi-quoc-te>
11. BQL KBTTN Xuân Liên (2024). Báo cáo tuần tra Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên 2023-12-31 đến 2024-01-31.
12. Bộ TNMT, 2024. Đa dạng sinh học Việt Nam đứng thứ 14 trên thế giới. Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường. <https://tainguyenvietnam.gov.vn/linh-vuc-chuyen-nganh/moi-truong/202410/da-dang-sinh-hoc-viet-nam-dung-thu-14-tren-the-...SLJOoF6m>.
13. Bộ NN&PTNT, 2022. Toàn cảnh hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam 2022. Cục kinh tế hợp tác và PTNT. [https://ami.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2023/04/Toan-canhh-2023\\_final.p...pt.com](https://ami.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2023/04/Toan-canhh-2023_final.p...pt.com)
14. BTNMT. (2020). Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020. 20211108\_Bao\_cao\_HTMT\_2016-2020\_F\_a4980.pdf ([moit.gov.vn](http://moit.gov.vn)).
15. CBES, 2023. Lãng cá Ông – từ truyền thống đến khoa học hiện đại.
16. CEGORN, 2024. Báo cáo số 21/BC-CEGORN ngày 23/5/2024, báo cáo phục vụ đoàn giám sát liên ngành về công tác tổ chức, quản lý và triển khai các dự án viện trợ nước ngoài
17. Chi cục kiểm lâm tỉnh Hà Nam, 2023, Báo cáo công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR, bảo vệ Vọc móng trắng và các loài động, thực vật hoang dã bản địa đang bị đe dọa trên địa bàn huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
18. CPVN. (2022). Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược đa dạng sinh học đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
19. CRD. (2019). Sustainable Farming Initiatives. <https://www.crdvietnam.org/vi/category/quan-ly-tai-nguyen-va-bao-ton-da-dang-sinh-hoc/>.
20. ENV, 2024. <https://thienhien.org/bao-ve-gau>
21. ENV. (2020). Community Events and Workshops. <https://env4wildlife.org/news/>.
22. Felix, Ekardt., Philipp, Günther., Katharina, Hagemann., Beatrice, Garske., Katharine, Heyl., Raphael, Weyland. (2023). Legally binding and ambitious biodiversity protection under the CBD, the global biodiversity framework, and human rights law. Environmental Sciences Europe, 35:1-26. doi: 10.1186/s12302-023-00786-5.
23. GEC. (2020). Enhancing Biodiversity Conservation and Sensitive to Climate Change in Central Vietnam for Sustainable Development. Washington, D.C. <https://www.gec.org.my>
24. GEF, 2022. Góp phần bảo tồn nguồn gen cây thuốc của người Giao và cải thiện sinh kế cộng đồng.
25. GEF. (2019). Conservation of Wetlands in Đồng Tháp Mười, Vietnam. Cambridge, UK: BirdLife International. CCD. (2019). Education Programs. <https://ccd.org.vn/en/>.
26. HLHPNVN. (2024). Thái Bình: Những người phụ nữ miệt mài bám biển, phủ xanh cho rừng ngập mặn. <https://vnu.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/thai-binh-nhung-nguoi-phu-nu-miet-mai-bam-bien-phu-xanh-cho-rung-ngap-man-60626-2.html>.
27. IUCN. (2021a). Chính Sách Và Thực Tiễn Hoạt Động Tài Nguyên Và Môi Trường. [final\\_-\\_ban\\_tin\\_so\\_1-viet\\_17.3.2021\\_-\\_final.pdf](https://www.iucn.org/vietnam/publications/final_-_ban_tin_so_1-viet_17.3.2021_-_final.pdf) ([iucn.org](http://iucn.org)).
28. Lê Hải, 2021. Hà Giang: HTX Cộng đồng Nậm Đăm phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch. Hà Giang: HTX Cộng đồng Nậm Đăm phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch ([vca.org.vn](http://vca.org.vn))
29. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam - VUSTA, 2018. Điều lệ và tổ chức hoạt động của trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học và các loại nguy cấp.
30. Lý Thanh Hương, Minh Nguyệt, 2021. ĐVHD bên bờ tuyết chúng. <https://baotintuc.vn/long-form/emagazine/dong-vat-hoang-da-ben-bo-vuc-tuyet-chung-20211210222110940.htm>
31. Mai Anh, 2020. Mở rộng quyền khai thác mặt nước cho chi hội nghề cá. Hội nghề cá Thừa Thiên - Huế: Mở rộng quyền khai thác mặt nước cho chi hội – Tạp chí Thủy sản Việt Nam ([thuysanvietnam.com.vn](http://thuysanvietnam.com.vn))
32. MCNV, 2021. Báo cáo kỹ thuật Đánh giá tác động môi trường và xã hội đối với rừng tự nhiên giao cộng đồng quản lý tại xã Hướng Phùng và Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị
33. Phong Nguyễn, 2018. Hiệu quả khi chi hội nghề cá quản lý đầm phá, biển gần bờ. Hiệu quả khi chi hội nghề cá quản lý đầm phá, biển gần bờ ([baochinhphu.vn](http://baochinhphu.vn))
34. RECOFTC. (2018). Training Programs. <https://www.recoftc.org/learning/training-catalogue>.
35. Rob, Amos. (2024). 3. Protecting commonplace biodiversity under international conservation law. Biodiversity and Conservation, doi: 10.1007/s10531-024-02823-y.
36. SNV. (2018). Sustainable Aquaculture Programs. SNV Vietnam.
37. SVW, 2020. Báo cáo tóm tắt SVW năm 2023 gửi VUSTA
38. TRAFFIC. (2020). Wildlife Trade Reports. <https://www.traffic.org/publications/>.
39. Trần Công Khánh, 2019. Quản Bạ (Hà Giang): Bảo tồn nguồn gen cây thuốc của người Dao và cải thiện sinh kế cộng đồng thông qua dịch vụ tẩm lá thuốc và các sản phẩm từ cây thuốc. Quản Bạ (Hà Giang): Bảo tồn nguồn gen cây thuốc của người Dao và cải thiện sinh kế cộng đồng thông qua dịch vụ tẩm lá thuốc và các sản phẩm từ cây thuốc - Tạp chí điện tử Bảo vệ Rừng và Môi trường ([baovemoitruong.org.vn](http://baovemoitruong.org.vn))
40. Trung tâm bảo tồn thiên nhiên và phát triển – CCD, 2021. Báo Cáo Khảo Sát Mô Hình Quản Lý Rừng Dựa Vào Cộng Đồng Tại Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Đất Ngập Nước Vân Long Tỉnh Ninh Bình
41. Trung tâm bảo tồn thiên nhiên và phát triển – CCD, 2024. Báo cáo tóm tắt hoạt động của Trung tâm CCD nộp VUSTA năm 2024.
42. Tuấn Khang, 2020. Hội nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế: Bảo vệ nguồn lợi gắn với trách nhiệm cộng đồng. Hội Nghề cá Thừa Thiên - Huế: Bảo vệ nguồn lợi gắn với trách nhiệm cộng đồng – Tạp chí Thủy sản Việt Nam ([thuysanvietnam.com.vn](http://thuysanvietnam.com.vn))
43. UBND tỉnh Quảng Nam, 2013. Quy chế quản lý tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển Bãi Hương (Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam)
44. UBND tỉnh Quảng Nam, 2013. Ban hành quy chế quản lý tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương.
45. UBND xã Hướng Phùng, 2021. Phương án quản lý rừng cộng đồng bền vững giai đoạn 2021 – 2025.
46. UN. (2022). About us | United Nations.
47. UNDP. (2006). UNDP and Civil Society Organizations: A Toolkit for Strengthening Partnerships, P 3. New York, NY, USA.
48. Viện tài nguyên và môi trường, Đại học quốc gia Hà Nội - CRES (1998). Root Causes of Biodiversity Loss in Vietnam Summary. [vietnam.pdf](https://www.panda.org/resources/publications/vietnam-root-causes-of-biodiversity-loss-in-vietnam-summary.pdf) ([panda.org](http://panda.org)).
49. Vietnamnet, 2023. Thái Bình phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn. Thái Bình phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn ([vietnamnet.vn](http://vietnamnet.vn))
50. WB. (2005). Vietnam Environment Monitor 2005: Biodiversity.
51. WB. (2022). What are Community-Based Organizations (TCCĐ)? <https://www.worldbank.org/en/who-we-are>.
51. WWF. (2024). Việt Nam nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế tìm kiếm nguồn tài chính bền vững cho bảo tồn Hồ. <https://vietnam.panda.org/?384916/Vit-Nam-n-lc-cung-cng-ng-uc-t-tim-kim-ngun-tai-chinh-bn-vng-cho-bo-tn-h>





© WWF-Viet Nam



Nuôi dưỡng thế giới tự nhiên  
vì lợi ích của cả con người và  
muôn loài.

together possible. vietnam.panda.org

© Biểu tượng Panda năm 1986 của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên - WWF  
(Tên cũ là Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới)

© "WWF" là thương hiệu đã được đăng ký của WWF, WWF, Rue Mauverney 28, 1196  
Gland, Thụy Sĩ. Tel. +41 22 364 9111; Fax +41 22 364 0332.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập [vietnam.panda.org](http://vietnam.panda.org)

